

Bài 1: SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh nhận biết được:

- Xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển.
- Mục đích học tập Lịch sử (để biết gốc tích tổ tiên, quê hương, đất nước, để hiểu hiện tại).
- Phương pháp học tập (cách học, cách tìm hiểu lịch sử) một cách thông minh trong việc nhớ và hiểu.

2. Thái độ

- Bước đầu bồi dưỡng cho học sinh ý thức về tính chính xác và sự ham thích trong học tập bộ môn.

3. Kỹ năng

- Phương pháp học tập.(cách học, cách tìm hiểu lịch sử).

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Tivi, tranh ảnh.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint
- Sách giáo khoa, tranh ảnh ...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sách giáo khoa – vở ghi của học sinh.(2phút)

3. Bài mới

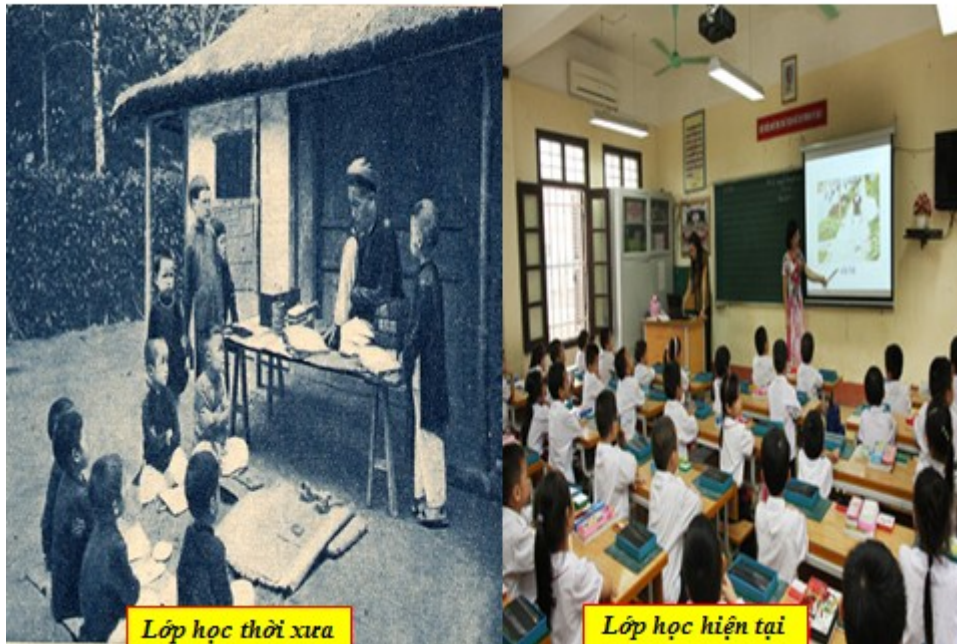
3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, phương pháp học tập Lịch sử đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 2 phút.

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho xem tranh lớp học ngày xưa và lớp học hiện tại yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:



Qua bức tranh trên, em thấy lớp học ngày xưa và lớp học hiện tại có sự khác nhau không? Vì sao?

- Dự kiến sản phẩm

Lớp học ngày xưa và lớp học hiện tại có sự khác nhau.

Vì do thời xưa điều kiện sống nghèo nàn, lạc hậu so với ngày nay. Ngày nay đất nước đang phát triển, nhà nước xem giáo dục là quốc sách hàng đầu nên quan tâm đầu tư phát triểnnhư vậy có sự thay đổi theo thời gian.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Con người, cây cỏ, mọi vật sinh ra, lớn lên và biến đổi theo thời gian đều có quá khứ, nghĩa là có Lịch sử. Vậy học Lịch sử để làm gì và dựa vào đâu để biết Lịch sử. Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung này trong tiết học ngày hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1.Xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển.

- Mục tiêu: HS biết được xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Tài liệu.
- Thời gian: 13 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau. + Nhóm 1: Con người sự vật xung quanh ta có biến đổi không? Sự biến đổi đó có ý nghĩa gì? Em hiểu Lịch sử là gì? + Nhóm 2: Có gì khác nhau giữa lịch sử một	- Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Lịch sử còn là một khoa học, có nhiệm

<p>con người và lịch sử xã hội loài người?</p> <p>+ Nhóm 3: Tại sao Lịch sử còn là một khoa học?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>- Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.</p> <p>- Lịch sử còn là một khoa học, có nhiệm vụ tìm hiểu và khôi phục lại quá khứ của con người và xã hội loài người.</p>	<p>vụ tìm hiểu và khôi phục lại quá khứ của con người và xã hội loài người.</p>
---	---

2. Hoạt động 2

2. Mục đích học tập Lịch sử.

- Mục tiêu: HS biết được mục đích của việc học tập Lịch sử.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện:
- Thời gian: 13 phút
- Tổ chức hoạt động

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)</i>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 2 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau.</p> <p>+ Nhóm 1: Nhìn vào lớp học hình 1 SGK em thấy khác với lớp học ở trường học em như thế nào? Em có hiểu vì sao có sự khác nhau đó không?</p>	<p>- Để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, dân tộc mình.</p> <p>- Để hiểu cuộc sống đấu tranh và lao động sáng tạo của dân tộc mình và của</p>

<p>+ Nhóm 2: Học Lịch sử để làm gì?</p> <p>+ Nhóm 3: Em hãy lấy ví dụ trong cuộc sống của gia đình quê hương em để thấy rõ sự cần thiết phải hiểu biết lịch sử.</p> <p>+ Nhóm 4: Để biết ơn quý trọng những người đã làm nên cuộc sống tốt đẹp như ngày nay chúng ta cần phải làm gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>cả loài người trong quá khứ xây dựng nên xã hội văn minh như ngày nay.</p> <p>- Để hiểu được những gì chúng ta đang thừa hưởng của ông cha trong quá khứ và biết mình phải làm gì cho tương lai.</p>
---	---

3. Hoạt động 3

3. Phương pháp học tập Lịch sử.

- Mục tiêu: HS biết được phương pháp học tập Lịch sử
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Ti vi
- Thời gian: 13 phút
- Tổ chức hoạt động

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)</i>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau. + Nhóm 1: Dựa vào đâu để biết và khôi phục lại lịch sử ? Tại sao em biết được cuộc sống của ông bà em trước đây? Em kể lại tư liệu truyền miệng mà em biết?</p>	<p>- Dựa vào 3 nguồn tư liệu để biết và khôi phục lại lịch sử .</p> <p>+ Tư liệu truyền miệng (các chuyện kể,</p>

<p>+ Nhóm 2: Qua hình 1, 2 theo em có những chứng tích nào, thuộc tư liệu nào?</p> <p>+ Nhóm 3: Những cuốn sách Lịch sử có giúp ích cho em không? Đó là nguồn tư liệu nào?</p> <p>+ Nhóm 4: Các nguồn tư liệu có ý nghĩa gì đối với việc học tập nghiên cứu lịch sử?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh ghi nhớ các khái niệm thế nào là “tư liệu lịch sử”, tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết.(qua kênh hình) GV chốt kiến thức: Để dựng lại lịch sử, phải có những bằng chứng cụ thể mà chúng ta có thể tìm lại được đó là nguồn tư liệu. Như ông cha ta thường nói “Nói có sách, mách có chứng” tức là có tư liệu cụ thể mới đảm bảo được độ tin cậy của lịch sử . GV liên hệ thực tế ở địa phương về các di tích, đồ vật người xưa còn giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất đều là tư liệu hiện vật. Qua đó giáo dục ý thức trách nhiệm phải bảo vệ và bước đầu hình thành thái độ đấu tranh chống các hành động phá hủy các di tích lịch sử.</p>	<p>lời truyền, truyền thuyết...)</p> <p>+ Tư liệu hiện vật (các tấm bia, nhà cửa, đồ vật cũ...)</p> <p>+ Tư liệu chữ viết (sách vở, văn tự, bài khắc trên bia...)</p>
--	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, phương pháp học tập Lịch sử.

- Thời gian: 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Lịch sử là

- A. những gì đã diễn ra trong quá khứ. B. những gì đã diễn ra hiện tại.
C. những gì đã diễn ra. D. bài học của cuộc sống.

Câu 2. Để đảm bảo được độ tin cậy của lịch sử, cần yếu tố nào sau đây?

- A. Số liệu. B. Tư liệu.
C. Sử liệu. D. Tài liệu.

Câu 3. Lịch sử với tính chất là khoa học có nhiệm vụ tìm hiểu và khôi phục lại

- A. những gì con người đã trải qua từ khi xuất hiện đến ngày nay.
B. quá khứ của con người và xã hội loài người.
C. toàn bộ hoạt động của con người.
D. sự hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi xuất hiện cho đến ngày nay.

Câu 4. Người xưa để lại những chứng tích có tác dụng gì?

- A. Giúp chúng ta hiểu về lịch sử.
B. Giúp chúng ta hiểu về nguồn gốc và quá trình phát triển của xã hội loài người.
C. Giúp chúng ta hiểu và dựng lại lịch sử.
D. Giúp chúng ta nhìn nhận về đúng lịch sử.

Câu 5. + Truyện “Thánh Gióng” thuộc nguồn tư liệu nào?

- A. Truyền miệng. B. Chữ viết.
C. Hiện vật. D. Không thuộc các tư liệu trên.

Câu 6. Tại sao chúng ta biết đó là bia Tiến sĩ?

- A. Nhờ có tên tiến sĩ.
B. Nhờ những tài liệu lịch sử để lại.
C. Nhờ nghiên cứu khoa học.
D. Nhờ chữ khắc trên bia có tên tiến sĩ.

+ Phần tự luận

Câu 7. Em hiểu gì về câu nói: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	A	B	B	C	A	D

+ Phần tự luận:

Câu 7. Lịch sử ghi lại những những điều gì xảy ra trong quá khứ, những điều tốt hay xấu, thành công hay thất bại ... Lịch sử giúp chúng ta ngày nay hiểu được cái hay, cái đẹp để phát huy, cái xấu, cái khiếm khuyết để tránh bỏ, từ đó chúng ta rút kinh nghiệm cho bản thân, tự trau dồi đạo đức và sống cho tốt, cống hiến phần sức lực của mình để xây dựng

quê hương đất nước. Lịch sử là cái gương của muôn đời để chúng ta soi vào. Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống .

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Rút ra được vai trò quan trọng của việc học lịch sử, để có được phương pháp tiếp cận, để học lịch sử có hiệu quả hơn.

- Phương thức tiến hành: Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Tại sao chúng ta phải học lịch sử ?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

Mỗi con người cần phải biết tổ tiên, ông bà mình là ai, mình thuộc dân tộc nào, con người đã làm gì để được như ngày hôm nayHiểu vì sao phải biết quý trọng, biết ơn những người đã làm nên cuộc sống ngày hôm nay, từ đó chúng ta cố gắng phải học tập, lao động góp phần làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Sưu tầm và trình bày lại một sự kiện lịch sử.

+ Em dự định sẽ học tập nghiên cứu bộ môn Lịch sử như thế nào?

+ Chuẩn bị bài mới

- Học bài cũ, đọc và soạn bài : Cách tính thời gian trong lịch sử .

+ Thế nào là âm lịch, dương lịch?

+ Cách ghi và tính thời gian theo Công lịch?

Ngày soạn : 11-9-2018

Ngày dạy : 13-9-2018

TUẦN 2 - Tiết 2

Bài 2: CÁCH TÍNH THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh:

- Hiểu được các khái niệm: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ; thời gian TCN, sau CN.
- Hiểu diễn biến lịch sử theo trình tự thời gian.
- Biết được hai cách làm lịch (âm lịch, dương lịch).
- Hiểu được cách ghi và tính thời gian theo Công lịch.

2. Thái độ

- Giúp học sinh biết quý trọng thời gian và bồi dưỡng ý thức về tính chính xác khoa học.

3. Kỹ năng

- Làm bài tập về thời gian.
- Bồi dưỡng cách ghi và tính năm, tính khoảng cách giữa các thế kỷ với hiện tại.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, đánh giá.
+ Cách ghi tính năm, tính khoảng cách giữa các thế kỷ với hiện tại.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Tranh ảnh theo sách giáo khoa và lịch treo tường.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word .
- Tranh ảnh theo sách giáo khoa và lịch treo tường.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra: (5 phút) Lịch sử là gì? Học lịch sử để làm gì?

Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là diễn biến lịch sử phải theo trình tự thời gian, cách ghi và tính thời gian theo Công lịch, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình.
- Thời gian: 2 phút.
- Tổ chức hoạt động

GV giới thiệu bài mới : Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian có trước có sau. Muốn tính được thời gian trong lịch sử cần theo nguyên tắc. Để biết được nguyên tắc ấy là gì chúng ta cùng nhau tìm hiểu ở bài học ngày hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Tại sao phải xác định thời gian?

- Mục tiêu: HS cần hiểu được diễn biến lịch sử theo thời gian.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.
- Phương tiện
- + Tranh H, H2 của bài 1 SGK.
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Yêu cầu HS quan sát hình 1,2 SGK của bài 1 kết hợp với đọc SGK mục 1 thực hiện yêu cầu sau .</p> <p>+ Con người, nhà cửa, cây cối, làng mạc đều ra đời và thay đổi. Sự thay đổi đó có cùng một lúc không?</p> <p>+ Muốn hiểu và dựng lại lịch sử ta phải làm gì?</p> <p>+ Xem hình 1 và 2 của bài 1, em có biết trường học và bia đá được dựng lên cách đây bao nhiêu năm?</p> <p>+ Dựa vào đâu và bằng cách nào con người sáng tạo ra được cách tính thời gian?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>HS lần lượt trả lời các câu hỏi</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình</p>	<p>- Muốn hiểu và dựng lại lịch sử phải sắp xếp các sự kiện theo thứ tự thời gian.</p> <p>- Việc xác định thời gian là cần thiết và là nguyên tắc cơ bản trong việc học tập tìm hiểu lịch sử.</p> <p>- Thời gian giúp con người biết được các sự kiện xảy ra khi nào, qua đó hiểu được quá trình phát triển của nó.</p>

thành cho học sinh.

2. Hoạt động 2

2. Người xưa đã tính thời gian như thế nào?

- Mục tiêu: HS cần hiểu được nguyên tắc của phép làm lịch và biết được có hai cách làm lịch.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện : Lịch treo tường.
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 2 SGK và quan sát tờ lịch (4 ph út), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Tại sao con người lại nghĩ ra lịch? Nguyên tắc của phép làm lịch?</p> <p>+ Nhóm 2: Hãy xem trên bảng ghi “Những ngày lịch sử và kỷ niệm” có những đơn vị thời gian nào và những loại lịch nào?</p> <p>Người xưa phân chia thời gian như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3: Âm lịch là gì, dương lịch là gì, loại lịch nào có trước?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p>	<p>- Dựa vào vòng quay của Trái Đất quanh trục của nó, của Mặt Trăng quanh Trái Đất, của Trái Đất quanh Mặt Trời, tạo nên ngày, đêm, tháng và mùa trong năm.</p> <p>- Hai cách làm lịch:</p> <p>+ Âm lịch : Dựa vào chu kì vòng quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất.</p> <p>+ Dương lịch: Dựa vào chu kì vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời.</p>

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Hoạt động 3

3. Thế giới có cần một thứ lịch chung hay không?

- Mục tiêu: HS cần hiểu được cách ghi và tính thời gian theo Công lịch.
- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Trên thế giới có cần sử dụng một thứ lịch chung không? Công lịch là gì?</p> <p>+ Nhóm chẵn: Theo Công lịch thời gian được tính như thế nào?</p> <p>1 thế kỷ là bao nhiêu năm?</p> <p>1 thiên niên kỷ là bao nhiêu năm?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của</p>	<p>- Thế giới cần có lịch chung: đó là Công lịch.</p> <p>- Công lịch lấy năm Chúa Giê-xu ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN)</p> <p>- Theo Công lịch: 1 năm có 12 tháng hay 365 ngày. Năm nhuận thêm 366 ngày.</p> <p>+ 100 năm là 1 thế kỷ.</p> <p>+ 1000 năm là 1 thiên niên kỷ.</p>

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về diễn biến lịch sử phải theo trình tự thời gian, cách ghi và tính thời gian theo Công lịch.

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

+ Phần trắc nghiệm khách quan

A. 10 năm .
C. 200 năm.

B. 100 năm.
D. 1000 năm.

A. 364 ngày.
C. 366 ngày.

B. 365 ngày.
D. 367 ngày.

A. Sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất

B. Sự chuyển động lên xuống của thủy triều

C. Sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.

D. Sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời và sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

A. Chu kì vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời.
B. Chu kì tự quay của Trái Đất.
C. Chu kì vòng quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất .
D. Chu kì di chuyển của Trái Đất và Mặt Trăng xung quanh Mặt Trời.

A. IX.
C. XI

B. X
D. XII.

A. 1839 năm.
B. 1840 năm.
C. 2195 năm.
D. 2197 năm.

Trang 12

Câu 7. Vì sao trên thế giới cần một thứ lịch chung?

Do xã hội loài người ngày càng phát triển. Sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	B	C	D	A	B	D

+ Phần tự luận

Câu 7. Do xã hội loài người ngày càng phát triển. Sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Vì sao trên tờ lịch của ta có ghi ngày, tháng, năm âm lịch?

- Thời gian: 5 phút.

- Dự kiến sản phẩm

Cơ sở tính âm lịch là dựa trên sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất, cách tính này liên quan chặt chẽ đến thời vụ nông nghiệp. Nước ta là nước có nền nông nghiệp từ lâu đời. Vì vậy lịch ghi cả ngày, tháng âm lịch để nông dân thực hiện sản xuất nông nghiệp cho đúng thời vụ.

Tổ tiên chúng ta ngày xưa dùng âm lịch vào những ngày lễ, cổ truyền, những ngày cúng giỗ, chúng ta đều dùng âm lịch. Vì thế, phải ghi thêm ngày âm lịch tương ứng với ngày dương lịch.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Làm bài tập: Một bình gốm được chôn dưới đất vào năm 1885 TCN. Theo tính toán của các nhà khảo cổ, bình gốm đã nằm dưới đất 3877 năm. Hỏi người ta đã phát hiện nó vào năm nào?

Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 3: Xã hội nguyên thủy.

+ Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất: thời gian, địa điểm, động lực.

+ Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.

+ Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.

Ngày soạn: 18/9/18

Ngày dạy: 20/9/18

Phần một

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

TUẦN 3 – Tiết 3

Bài 3

XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được sự xuất hiện con người trên Trái Đất: thời điểm, động lực....
- Hiểu được sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.
- Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.

2. Thái độ

- Bước đầu hình thành được ở HS ý thức đúng đắn về vai trò của lao động sản xuất trong sự phát triển của xã hội loài người.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Quan sát tranh ảnh, so sánh, nhận xét

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, giải quyết vấn đề

III. PHƯƠNG TIỆN

- Tranh ảnh, hiện vật công cụ lao động, đồ trang sức (SGK).
- Lược đồ thế giới.
- Ti vi.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh có liên quan
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ : (3 phút) Công lịch là gì? Cách tính thời gian theo Công lịch?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là sự xuất hiện con người trên Trái Đất, sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn và vì sao xã hội nguyên thủy tan rã để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 2 phút.

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho xem các bức tranh dưới đây, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

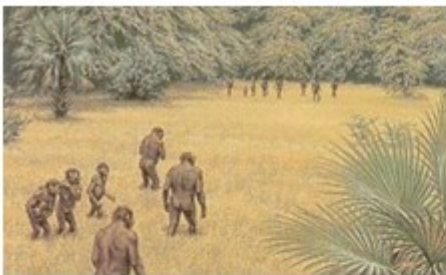
+ Người nguyên thủy dùng nguyên liệu gì để làm công cụ lao động?

+ Người nguyên thủy sống như thế nào?

- Dự kiến sản phẩm

+ Người nguyên thủy dùng nguyên liệu đá để làm công cụ lao động.

+ Người nguyên thủy sống theo bầy, hái lượm, săn bắt ...



Bầy người nguyên thủy



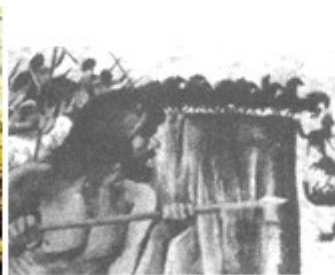
Ghè đẽo đá



Đá cũ sơ kỳ



Hái lượm



Săn bắt



Dùng lửa

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Lịch sử loài người cho chúng ta biết những sự việc diễn ra trong đời sống con người từ khi xuất hiện đến ngày nay. Vậy con người đầu tiên xuất hiện khi nào, ở đâu, họ sinh sống và làm việc như thế nào, để biết chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Sự xuất hiện con người trên Trái Đất

- Mục tiêu: HS cần biết được sự xuất hiện con người trên Trái Đất: thời điểm, động lực.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- Phương tiện : Tranh H3, H4, H5 SGK, lược đồ thế giới, ti vi.

- Thời gian: 13 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 1, mục 2 và quan sát H3, H4, H5 SGK và lược đồ thế giới (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Loài vượn cổ sống ở đâu? Loài vượn cổ này có dáng đi như thế nào? Cuộc sống sinh hoạt của họ ra sao?</p> <p>+ Nhóm 2: Người tối cổ khác với loài vượn ở những điểm nào? Thời gian xuất hiện, dấu tích được tìm thấy ở đâu? Người tối cổ sống như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3: Mô tả hình dáng Người tinh khôn? Họ sống cách chúng ta khoảng bao nhiêu năm? Dấu tích tìm thấy ở đâu?</p> <p>+ Nhóm 4: Cuộc sống của Người tinh khôn khác cuộc sống Người tối cổ như thế nào? Nhờ vào đâu vượn cổ chuyển biến thành người?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV chốt ý bằng sơ đồ sơ đồ:</p> <p>- Vượn cổ → Người tối cổ → Người tinh khôn</p> <p>GDMT: Nhờ có quá trình lao động từ loài vượn cổ chuyển thành người. Qua đó, thấy được vai trò quan trọng của lao động đã tạo ra con người và xã hội loài người .</p>	<p>- Vượn cổ: loài vượn có hình dáng người, sống cách ngày nay khoảng 5 - 6 triệu năm</p> <p>- Người tối cổ</p> <p>+ Thời gian xuất hiện: khoảng 3-4 triệu năm trước đây.</p> <p>+ Đặc điểm: thoát khỏi giới động vật, con người đi bằng 2 chân, đôi tay khéo léo, biết sử dụng hòn đá, cành cây... làm công cụ .</p> <p>+ Biết chế tạo công cụ và phát minh ra lửa</p> <p>+ Nơi tìm thấy di cốt: Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu...</p> <p>- Người tinh khôn:</p> <p>+ Thời gian xuất hiện: 4 vạn năm trước.</p> <p>+ Đặc điểm: có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, thể tích sọ não lớn, tư duy phát phát triển.</p> <p>+ Nơi tìm thấy: khắp các châu lục.</p> <p>- Nhờ có quá trình lao động đã chuyển biến từ vượn thành người.</p>

2. Hoạt động 2

2. Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn

- Mục tiêu: HS hiểu được sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện : Tranh H5 SGK, ti vi
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh			Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Quan sát H5 SGK (3 phút), thảo luận cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu sau: + Người tinh khôn khác Người tối cổ ở điểm nào?			- Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khắp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm ³ - 1100cm ³ - Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm ³ .
Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn	
Dáng đi			
Khuôn mặt và trán			
Thể tích hộp sọ			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến để theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt). Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV chốt ý: Người tinh khôn xuất hiện là bước nhảy vọt thứ hai của con người: lớp lông mỏng nhất → màu da khác nhau → hình thành 3 chủng tộc lớn của con người.			

3. Hoạt động 3

3. Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã

- Mục tiêu: HS biết được sản xuất phát triển, dẫn đến của cải dư thừa; giai cấp xuất hiện; nhà nước ra đời.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện : Tranh H6, H7 SGK, ti vi
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 và quan sát H6,7 SGK (3 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau: +Nhóm lẻ : Công cụ kim loại được phát minh thời gian nào? Cho biết ưu điểm của công cụ bằng đồng so công cụ đá? + Nhóm chẵn: Công cụ bằng kim loại đã có tác động như thế nào đến sản xuất và xã hội của Người tinh khôn <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV chốt ý bằng sơ đồ sơ đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công cụ kim loại -> SX phát triển -> của cải dư thừa -> XH phân hoá giàu, nghèo -> XH nguyên thủy tan rã -> xuất hiện giai cấp -> nhà nước ra đời. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 4000 năm TCN, con người phát hiện ra kim loại (đồng và quặng sắt) và dùng kim loại làm công cụ lao động. - Nhờ công cụ lao động, con người có thể khai phá đất hoang, tăng thêm diện tích trồng trọt... sản phẩm làm ra nhiều, xuất hiện của cải dư thừa. - Một số người chiếm hữu của dư thừa, trở nên giàu có, xã hội phân hoá giàu nghèo. Xã hội nguyên thủy dần dần tan rã

Câu 1. Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn như thế nào?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phân trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	A	D	C	A	D	D

+ Phân tự luận:

Câu 1. Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn

- Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khắp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm^3 - 1100cm^3

- Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm^3

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS biết nhận xét, so sánh.

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy cho biết vai trò của lao động đối với bản thân và xã hội?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm:

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Hoàn thành bảng so sánh sau:

	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện		
Nơi tìm thấy di cốt		
Tổ chức xã hội		
Công cụ		
Cuộc sống		

+ Học bài cũ, chuẩn bị bài mới: Các quốc gia cổ đại phương Đông.

- Thời gian xuất hiện và địa điểm hình thành các quốc gia cổ đại PD?

- Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào?

- Nhà nước cổ đại PD do ai đứng đầu? Người đó có quyền gì?

TUẦN 4 - Tiết 4**Bài 4****CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài, học sinh

- Nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông (thời gian, địa điểm).
- Trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội cổ đại phương Đông.

2. Thái độ

- Xã hội cổ đại phát triển cao hơn xã hội nguyên thủy, bước đầu ý thức về sự bất bình đẳng, sự phân chia giai cấp trong xã hội và về Nhà nước chuyên chế.

3. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh - chỉ bản đồ.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích,**III. PHƯƠNG TIỆN :** Lược đồ các quốc gia phương Đông cổ đại.**IV. CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án word và Powerpoint.
- Lược đồ các quốc gia phương Đông cổ đại.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định lớp****2. Kiểm tra:** (4 phút)

- Con người xuất hiện như thế nào (thời gian, động lực) di cốt tìm thấy ở đâu ?
- Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?

3. Bài mới**3.1. Hoạt động khởi động**

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông và sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại đó, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 2 phút.

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho xem các bức tranh về sông Nin, sông Hoàng Hà, Trường Giang, sông Ấn, sông Ti-gơ-rơ, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

Qua bức tranh trên, em biết đây con sông của những nước nào?

- Dự kiến sản phẩm: Đây con sông của những nước Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ, Luỡng Hà.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới:

Do công cụ kim loại xuất hiện, sản xuất phát triển, năng suất tăng đã tạo ra của cải dư thừa, xã hội đã phân hóa kẻ giàu, người nghèo -> xã hội hình thành giai cấp và Nhà nước. Để hiểu rõ nhà nước cổ đại phương Đông ra đời vào thời gian nào, ở đâu, trong xã hội có những tầng lớp nào? Để hiểu rõ nội dung đó, chúng ta tìm hiểu qua bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông

- Mục tiêu: HS nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Lược đồ các quốc gia phương Đông cổ đại, ti vi
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1, quan sát H10 SGK (3 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm lẻ : Các quốc gia cổ đại phương Đông đã được hình thành vào thời gian nào? ở đâu?</p> <p>+ Nhóm chẵn: Đặc điểm lớn nhất của các quốc gia này là gì? Tại sao các quốc gia cổ đại phương Đông lại được hình thành ở các con sông lớn?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p>	<p>* Thời gian xuất hiện : Cuối thiên niên kỉ IV đến đầu thiên niên kỉ III TCN.</p> <p>* Địa điểm:</p> <p>Các quốc gia cổ đại phương Đông: Ai Cập, Luỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc hình thành ở lưu vực các con sông.</p>

<p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	
--	--

2. Hoạt động 2

2. Sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại phương Đông

- Mục tiêu: HS trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội cổ đại phương Đông.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: ti vi
 - Thời gian: 17 phút
 - Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 1, 2, 3 SGK (4 phút), quan sát H8 thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Nền kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?</p> <p>+ Em hãy miêu tả cảnh lao động của người Ai Cập cổ đại được minh họa qua H8 SGK?</p> <p>+ Nhóm 2: Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào? Địa vị của các tầng lớp đó trong xã hội thế nào?</p> <p>+ Nhóm 3: Nhà nước cổ đại phương Đông do ai đứng đầu? Người đó có quyền gì?</p> <p>+ Giúp việc cho nhà vua là những người nào? Họ làm nhiệm vụ gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>*Đời sống kinh tế</p> <p>+ Ngành kinh tế chính là nông nghiệp;</p> <p>+ Biết làm thủy lợi, đắp đê ngăn lũ, đào kênh máng dẫn nước vào ruộng.</p> <p>+ Thu hoạch lúa ổn định hàng năm</p> <p>* Các tầng lớp xã hội</p> <p>- Có 3 tầng lớp</p> <p>+ Nông dân công xã</p> <p>+ Nô lệ</p> <p>+ Quý tộc (vua, quan lại và tăng lữ)</p> <p>* Tổ chức xã hội</p>

<p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV: Giải thích khái niệm: Công xã, lao dịch, quý tộc.</p> <p>GV giới thiệu về bộ luật Ham-mu-ra-bi ở Lưỡng Hà.</p> <p>GV chốt ý: Thể chế nhà nước ở Phương Đông là theo chế độ quân chủ chuyên chế.</p> <p>Nhà nước quân chủ chuyên chế là nhà nước do vua đứng đầu, nắm toàn bộ quyền hành, giải quyết mọi việc. Những quan lại bên dưới chỉ là người giúp việc</p> <p>GV kết luận chung: Điều kiện dẫn đến sự hình thành quốc gia cổ đại phương Đông: Đất màu mỡ → công cụ kim loại → sản xuất NN phát triển → của cải dư → phân chia giai cấp.</p>	<p>- Tổ chức bộ máy nhà nước do vua đứng đầu :</p> <p>+ Vua có quyền đặt ra pháp luật, chỉ huy quân đội, xét xử người có tội.</p> <p>+ Bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương : giúp việc cho vua, lo việc thu thuế, xây dựng cung điện</p> <p>- Thể chế nhà nước: quân chủ chuyên chế.</p>
---	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông và sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại đó.
- Thời gian: 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Thời gian xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông là

- A. Cuối thiên niên kỉ IV- đầu thiên niên kỉ III TCN.
- B. Cuối thiên niên kỉ III- đầu thiên niên kỉ IV.
- C. Đầu thiên niên kỉ I TCN.
- D. Cuối thế kỉ IV- đầu thế kỉ III TCN.

Câu 2. Nền kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Đông là

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. thủ công nghiệp
- D. thương nghiệp

Câu 3. Nhà nước phương Đông cổ đại được tổ chức theo thể chế gì?

- A. Quân chủ lập hiến
- B. Cộng hòa.
- C. Quân chủ chuyên chế
- D. Dân chủ.

Câu 4. Lực lượng lao động chính trong xã hội cổ đại phương Đông là

- A. quý tộc.
- B. nông dân công xã.
- C. nô lệ.
- D. chủ nô.

Câu 5. Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành chủ yếu ở đâu?

- A. Ở các thung lũng.
- B. Ở vùng các cao nguyên.
- C. Ở vùng đồi núi, trung du.
- D. Ở lưu vực các dòng sông lớn

Câu 6. Tại sao nhà nước phương Đông ra đời sớm?

- A. Do nhu cầu làm thủy lợi.
- B. Do nhu cầu sinh sống.
- C. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- D. Do nhu cầu phát triển kinh tế .

+ Phần tự luận

Câu 1. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào? Địa vị của các tầng lớp đó trong xã hội thế nào?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	A	B	C	B	D	C

+ Phần tự luận:.....

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Vì sao nông nghiệp là ngành kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Đông?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

Vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất phù sa màu mỡ, mềm, dễ canh tác cho năng suất cao, lượng mưa điều hòa, đủ nước tưới quanh năm ...thuận lợi cho sự phát triển nghề nông.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Vẽ sơ đồ tổ chức xã hội cổ đại phương Đông .

+ Học bài cũ – soạn bài 5: Các quốc gia cổ đại phương Tây

So sánh sự khác nhau giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây (thời gian, địa điểm, ngành kinh tế chính và thể chế nhà nước)

TUẦN 5

Tiết 5

Bài 5

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Tây(thời gian, địa điểm)
- Trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội cổ đại phương Tây.

2. Thái độ

- Giúp học sinh có ý thức đầy đủ hơn về sự bất bình đẳng trong xã hội.

3. Kỹ năng

- Bước đầu thấy được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với sự phát triển kinh tế.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử

+Thấy được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với sự phát triển kinh tế.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, nhóm ...

III. PHƯƠNG TIỆN: Lược đồ các quốc gia cổ đại.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word .
- Lược đồ các quốc gia cổ đại.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ (3 phút)

- Các quốc gia cổ đại phương Đông ra đời thời gian nào, ở đâu? Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Tây và sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại đó, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 2 phút.

- Tổ chức hoạt động:

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS quan sát lược đồ các quốc gia cổ đại để thấy được vị trí của nước Hi Lạp và Rô-ma, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

Các quốc gia Hi Lạp và Rô-ma được hình thành ở đâu ?

- Dự kiến sản phẩm : trên các bán đảo Ban-căng và I-ta-li-a.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Sự xuất hiện nhà nước không chỉ xảy ra ở phương Đông nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi mà còn xuất hiện cả ở những vùng khó khăn của phương Tây. Để tìm hiểu sự ra đời của các quốc gia cổ đại phương Tây như thế nào. Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung này trong tiết học ngày hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Tây

- Mục tiêu: HS biết được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Tây(thời gian, địa điểm)

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,
- Phương tiện : Lược đồ các quốc gia cổ đại.
- Thời gian: 12 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1 SGK (4 phút), và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ GV hướng dẫn học sinh quan sát bản đồ các quốc gia cổ đại, yêu cầu HS xác định 2 quốc gia Hy Lạp, Rô-ma</p> <p>+ Các quốc gia cổ đại phương Tây ra đời vào thời gian nào? Ở đâu?</p> <p>+ Địa hình, điều kiện tự nhiên các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây có gì khác nhau?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS lần lượt trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p>	<p>- Thời gian xuất hiện: đầu thiên niên thế kỷ I TCN</p> <p>- Địa điểm: trên các bán đảo Ban-căng và I-ta-li-a</p> <p>- Các quốc gia cổ đại PT: Hi Lạp và Rô-ma.</p>

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV chốt ý: Thời gian xuất hiện vào đầu thiên niên thế kỷ I TCN

- Địa điểm: trên các bán đảo Ban-căng và I-ta-li-a

- Các quốc gia cổ đại PT: Hi Lạp và Rô-ma

- Các quốc gia cổ đại PT ra đời muộn hơn so với phương Đông .

2. Hoạt động 2

2. Sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại phương Tây

- Mục tiêu: HS trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội cổ đại phương Tây.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện
- Thời gian: 16 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Tây có ảnh hưởng đến nền kinh tế như thế nào? Tại sao ở Hy Lạp – Rô ma ngoại thương phát triển?</p> <p>+ Với nền kinh tế đó, xã hội hình thành những tầng lớp nào? Địa vị của các tầng lớp đó ra sao?</p> <p>+ Nhà nước cổ đại phương Tây được tổ chức như thế nào?</p> <p>+ Tại sao gọi xã hội cổ đại Hi Lạp, Rô-ma là xã hội chiếm hữu nô lệ?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>- Đời sống kinh tế:</p> <p>+ Thủ công nghiệp và thương nghiệp.</p> <p>+ Ngoài ra, còn trồng trọt cây lưu niên như nho, ô liu, cam, chanh...</p> <p>- Các tầng lớp xã hội: gồm 2 giai cấp</p> <p>+ Chủ nô: rất giàu có và có thế lực về chính trị, sở hữu nhiều nô lệ.</p> <p>+ Nô lệ: là lực lượng lao động chính trong xã hội, bị chủ nô bóc lột và đối xử tàn nhẫn.</p> <p>- Tổ chức xã hội:</p> <p>+ Giai cấp thống trị: Chủ nô nắm mọi quyền hành.</p> <p>+ Nhà nước là do giai cấp chủ nô bầu ra làm việc theo thời hạn gọi là thể chế dân chủ chủ nô.</p> <p>+ Xã hội Rô-ma, Hi Lạp theo chế độ chiếm hữu nô lệ, là xã hội có hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, trong đó giai</p>

<p>luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở Hi Lạp: Hội đồng công xã (hội đồng 500) là cơ quan quyền lực tối cao của quốc gia, có 50 phường, mỗi phường cử 10 người điều hành công việc trong 1 năm.(chế độ này duy trì suốt thời gian TNK I TCN →V TCN). gọi là chế độ dân chủ chủ nô, không có vua. - Ở Rô-ma: Có hoàng đế đứng đầu nhưng quyền lực nằm trong tay hội đồng gồm nhiều thành viên do quý tộc bầu ra. <p>Như vậy : Nhà nước cổ đại phương Tây theo thể chế dân chủ chủ nô.</p> <p>GDMT:GV cho HS thấy được vai trò của nô lệ trong lao động để sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội ->Qua đó, giáo dục thái độ tình cảm của em đối với nô lệ.</p>	<p>cấp chủ nô thống trị và bóc lột nô lệ.</p>
--	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Tây và sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại đó.

- Thời gian: 7 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời (trắc nghiệm).

+ **Phần trắc nghiệm khách quan**

Câu 1 . Ngành kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Đông là

- | | |
|--------------------------------|---|
| A. công nghiệp. | <u>B. thủ công nghiệp, thương nghiệp.</u> |
| C. thương nghiệp, nông nghiệp. | D. nông nghiệp. |

Câu 2 . Tên các quốc gia cổ đại phương Tây là

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| A. Trung Quốc, Ấn Độ. | <u>B. Hy Lạp, Rô Ma.</u> |
| C. Hy Lạp, Thái Lan. | D. Ai Cập, Lưỡng Hà. |

Câu 3. Các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành ở đâu?

- A. Bán đảo Ban-căng và I-ta-li-a . B. Vùng các cao nguyên.
C. Vùng đồng bằng. D. Lưu vực các dòng sông lớn.

Câu 4. Lực lượng lao động chính trong xã hội cổ đại phương Tây là

- A. quý tộc. B. nông dân công xã.
C. nô lệ. D. chủ nô.

Câu 5. Yếu tố nào có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển nền kinh tế Hy Lạp và Rô-ma?

- A. Hệ thống các sông lớn. B. Khí hậu ẩm áp.
C. Đồng bằng rộng lớn. D. Biển địa trung Hải.

+ Phần tự luận

Câu 1. Xã hội cổ đại Hy Lạp, Rô-ma gồm những giai cấp nào? Thế nào chế độ chiếm hữu nô lệ?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5
ĐA	B	B	A	C	D

+ Phần tự luận:

Câu 1. Gồm 2 giai cấp: Chủ nô và nô lệ

+ Chủ nô: rất giàu có và có thế lực về chính trị, sở hữu nhiều nô lệ

+ Nô lệ: là lực lượng lao động chính trong xã hội, bị chủ nô bóc lột và đối xử tàn nhẫn

- Xã hội chiếm hữu nô lệ: là xã hội có hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, trong đó giai cấp chủ nô thống trị và bóc lột giai cấp nô lệ.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập . HS biết nhận xét, so sánh

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

So sánh sự khác nhau giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây?

- Thời gian: 5 phút.

- Dự kiến sản phẩm:

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ - Chuẩn bị bài : Văn hóa cổ đại

Sưu tầm các tranh ảnh về thành tựu văn hóa cổ đại.

Nêu những thành tựu văn hóa của người phương Đông và phương Tây cổ đại?

Ngày soạn: 09/10/18

Ngày dạy: 11/10/18

TUẦN 6 - Tiết 6

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Nêu được thành tựu chính của nền văn hoá cổ đại phương Đông (lịch, chữ tượng hình, toán học, kiến trúc) và phương Tây (lịch, chữ cái a,b,c, ở nhiều lĩnh vực khoa học, văn học, kiến trúc, điêu khắc).

2. Thái độ

- Tự hào về những thành tựu văn minh của loài người thời cổ đại.
 - Bước đầu giáo dục ý thức về việc tìm hiểu các thành tựu văn minh cổ đại.
 - **GDMT:** Tình trạng các di vật, di tích và sự gìn giữ, phát huy như thế nào ? Xác định thái độ, trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ, tìm hiểu các di vật, di tích lịch sử-văn hóa của nước ta.

3. Kỹ năng

- Tập mô tả một công trình kiến trúc hay nghệ thuật lớn thời cổ đại.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Tập mô tả một công trình kiến trúc hay nghệ thuật lớn thời cổ đại.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Tranh ảnh một số công trình tiêu biểu trong SGK.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word
 - Tranh ảnh có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ : (3 phút)

- Các quốc gia cổ đại phương Tây đã được hình thành ở đâu và từ bao giờ?
 - Tại sao gọi xã hội cổ đại phương Tây là xã hội chiếm hữu nô lệ?

3. Bài mới

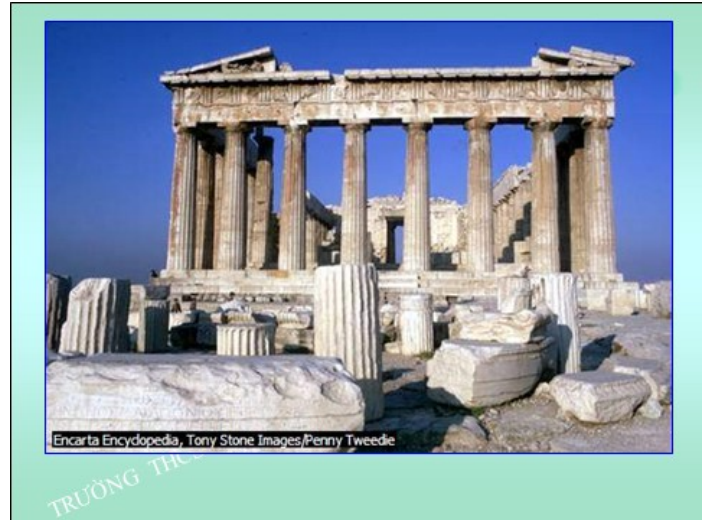
3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là những thành tựu tiêu biểu của văn hoá cổ đại phương Đông và phương Tây, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV cho HS tranh xem tranh, yêu cầu trả lời câu hỏi:



Qua bức tranh trên, em hãy cho biết tên của các công trình kiến trúc thời cổ đại? Các công trình kiến trúc đó thuộc nước nào?

- Dự kiến sản phẩm: Đền Pác-tê-nông (Hi Lạp), Kim tự tháp (Ai Cập)

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Thời cổ đại, khi nhà nước mới được hình thành, loài người bước vào xã hội văn minh. Trong buổi bình minh của lịch sử, các dân tộc phương Đông và phương Tây đã sáng tạo nên nhiều thành tựu văn hóa rực rỡ mà ngày nay chúng ta vẫn đang được thừa hưởng. Để biết được thời cổ đại đã đạt được những thành tựu văn hóa gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung đó trong tiết học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Các dân tộc phương Đông thời cổ đại đã có những thành tựu văn hóa gì?

- Mục tiêu: HS trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn hóa cổ đại phương Đông.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện:
- Thời gian: 14 phút
- Tổ chức hoạt động

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 và quan sát H11, H12, SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:

+ Hãy kể các thành tựu văn hóa của các dân tộc phương Đông thời cổ đại ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV: Do nhu cầu muốn hiểu thời tiết để làm nông nghiệp, người nông dân phải thường xuyên theo dõi bầu trời, trăng sao, mặt trời... Từ đó, họ có được một số kiến thức về thiên văn học và làm ra được lịch. Lịch của người phương Đông chủ yếu là âm lịch, về sau nâng lên thành âm – dương lịch (tính “tháng” theo Mặt Trăng, tính “năm” theo Mặt Trời). Tuy nhiên bấy giờ họ khẳng định Mặt Trời quay quanh Trái Đất.

- Cư dân phương Đông đã có chữ viết từ rất sớm: Lưỡng Hà, Ai Cập khoảng 3500 năm TCN, Trung Quốc – 2000 năm TCN. Người Ai Cập viết trên giấy là từ vỏ cây Pa-pi-rút (một loại cây sậy), người Lưỡng Hà viết trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung khô, người Trung Quốc viết trên mai rùa, trên thẻ tre hay trên mảnh lụa trắng... Họ đã sáng tạo ra chữ số, riêng người Ấn Độ thì sáng tạo thêm số không (0).

- Làm ra lịch (âm lịch)
- Làm đồng hồ đo thời gian bằng bóng mặt trời.
- Sáng tạo ra chữ viết, gọi là chữ tượng hình.
- Toán học: phát minh ra phép đếm đến 10, các chữ số từ 1 đến 9 và số 0, tính được số pi bằng 3,16.
- Kiến trúc: xây dựng các công trình kiến trúc đồ sộ:
- + Kim tự tháp (Ai Cập)
- + Thành Ba-bi-lon (Lưỡng Hà)

2. Hoạt động 2

2. Người Hi Lạp và Rô-ma đã có những đóng góp gì về văn hóa?

- Mục tiêu: HS trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn hóa cổ đại phương Tây.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện:
- Thời gian: 13 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 và quan sát H13, H14, H15, H16, H17 SGK (4 phút), thảo luận cặp đôi và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Người Hi Lạp và Rô-ma có những thành tựu văn hóa gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV: người Hi Lạp và Rô-ma cổ đại đã để lại những thành tựu khoa học lớn, làm cơ sở cho việc xây dựng các ngành khoa học cơ bản mà chúng ta đang học ngày nay.</p> <p>Tóm lại: Vào buổi bình minh của nền văn minh loài người, cư dân phương Đông và phương Tây cổ đại đã sáng tạo nên hàng loạt thành tựu văn hóa phong phú, đa dạng, vĩ đại vừa nói lên năng lực vĩ đại của trí tuệ loài người, vừa đặt cơ sở cho sự phát triển của nền văn minh nhân loại sau này .</p> <p>* GDMT: Qua đó, GV giáo dục HS ý thức bảo vệ di tích lịch sử, những công trình kiến trúc thế giới và ngay tại địa phương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm ra lịch (dương lịch). - Chữ viết: Sáng tạo ra hệ thống chữ cái a, b, c ... gồm 26 chữ cái, gọi là hệ chữ cái La-tinh. - Về khoa học: có nhiều đóng góp về toán học, thiên văn, vật lí, triết học, sử học, địa lí. - Có nhiều tác phẩm văn học lớn như bộ sử thi I-li-at và Ô-đi-xê của Hô-me. - Kiến trúc và điêu khắc: <ul style="list-style-type: none"> + Đền Pác-tê-nông (Hi Lạp) + Đấu trường Cô-li-dê (Rô-ma) + Tượng Lực sĩ ném đĩa, thần Vệ nữ Mi-lô...

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: những thành tựu tiêu biểu của văn hoá cổ đại phương Đông và phương Tây.

- Thời gian: 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời.

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Đền Pac-tê-nông là công trình kiến trúc nổi tiếng ở

- A. Rô-ma. B. Trung Quốc.
C. Ấn Độ. D. Hi Lạp.

Câu 2. Trong các nhà khoa học thời cổ đại dưới đây, ai có đóng góp về toán học?

- A. Ác-si-mét. B. Hê-rô-đốt, Tu-xi-đít.
C. Pi-ta-go, Ta-lét, Ô-cơ-lít. D. Pla-tôn, A-ri-xít-tốt.

Câu 3. Hệ chữ cái a,b,c... là thành tựu của người

- A. Ai Cập, Ấn Độ. B. Rô-ma, Hi Lạp.
C. Trung Quốc, Rô Ma. D. Hi Lạp, Lưỡng Hà.

Câu 4. Ai đã phát minh ra hệ thống chữ số, kể cả số 0 mà ngày nay ta đang dùng?

- A. Người Hi Lạp. B. Người Ai Cập.
C. Người Ấn Độ. D. Người Trung Quốc.

Câu 5. Thành tựu văn hóa nào là **không** phải của các dân tộc phương Đông cổ đại?

- A. Làm ra lịch và đó là dương lịch.
B. Sáng tạo chữ viết (chữ tượng hình), chữ số, phép đếm, tính được số pi bằng 3,16.
C. Làm ra lịch và đó là âm lịch.
D. Xây dựng được những công trình kiến trúc đồ sộ như Kim tự tháp, thành Ba-bi-lon...

Câu 6. Vì sao các dân tộc phương Đông cổ đại sớm làm ra lịch?

- A. Để phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp.
B. Để làm vật trang trí trong nhà.
C. Để thống nhất các ngày lễ hội trong cả nước.
D. Phục vụ yêu cầu sản xuất công nghiệp.

+ Phần tự luận

Câu 1. Những thành tựu văn hoá nào của thời cổ đại còn được sử dụng đến ngày nay?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	D	C	B	C	A	A

+ Phần tự luận

Câu 1. Những thành tựu văn hoá của thời cổ đại còn được sử dụng đến ngày nay là:

- Chữ viết (a,b,c...), chữ số, lịch (Âm lịch và dương lịch), một số thành tựu khoa học (toán học, thiên văn, triết học, sử học), các công trình kiến trúc (Kim Tự Tháp, đền Pác-tê-nông...)

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Thành tựu có ý nghĩa lớn nhất đối với văn minh loài người là thành tựu nào?

Vì sao?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

Thành tựu có ý nghĩa lớn nhất đối với văn minh loài người là thành tựu chữ viết bởi vì chữ viết là biểu hiện của thành tựu văn minh. Nhờ có chữ viết giúp con người ghi lại mọi kết quả của quá trình tư duy, là nhu cầu không thể thiếu được của xã hội phát triển. Là phương tiện để chuyển tải thông tin qua thời gian và không gian, có chữ viết mà thành tựu văn hóa của loài người được bảo tồn và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Học bài cũ - Soạn bài mới từ câu 1 đến câu 7 bài ôn tập trang 21 SGK

TUẦN 7 - Tiết 7

Ngày soạn: 16/10/18

Ngày dạy: 18/10/18

Bài 7: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS nắm được các kiến thức cơ bản của phần Lịch sử thế giới cổ đại

- + Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất.
- + Các giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.
- + Các quốc gia cổ đại.
- + Những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.

2. Kỹ năng

- Bồi dưỡng kỹ năng so sánh, khái quát tạo cơ sở cho việc học tập Lịch sử dân tộc
- Bước đầu so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử

3. Thái độ:

- Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại .

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: So sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Lược đồ thế giới cổ đại - Lược đồ thế giới.

- Tranh ảnh về công trình nghệ thuật.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word .
- Lược đồ các quốc gia cổ đại, tranh ảnh về công trình nghệ thuật.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra (4 phút)

Theo em, những thành tựu văn hoá nào của thời cổ đại còn được sử dụng đến ngày nay?

3. Bài ôn tập

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
--------------------------	----------------------------

<p><u>Hoạt động 1</u> (5 phút) : Cá nhân</p> <p>Những dấu vết của Người tối cổ được phát hiện ở đâu ?</p> <p>Tại sao biết được dấu vết Người tối cổ? Họ xuất hiện khi nào?</p> <p>GV cho HS xác định nơi có dấu vết của Người tối cổ trên lược đồ.</p>	<p><u>1. Những dấu vết của Người tối cổ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tối cổ sống ở miền đông Châu Phi, Trung Quốc, ĐNA, châu Phi. - Xuất hiện từ 3 đến 4 triệu năm trước đây. 										
<p><u>Hoạt động 2</u> (10 phút): Nhóm</p> <p>Người tối cổ chuyển thành Người tinh khôn từ khi nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tinh khôn có gì khác so với Người tối cổ về con người? - Về công cụ sản xuất Người tinh khôn có gì khác so với Người tối cổ? - Về tổ chức xã hội của Người tinh khôn khác Người tối cổ như thế nào? 	<p><u>2. Điểm khác nhau giữa Người tinh khôn và Người tối cổ.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tinh khôn xuất hiện cách đây khoảng 4 vạn năm <p>* Sự khác nhau:</p> <table border="1" data-bbox="807 786 1533 1653"> <thead> <tr> <th>Người tinh khôn</th><th>Người tối cổ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Con người</td><td></td></tr> <tr> <td>+Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khắp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm³-1100cm³.</td><td>+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm³</td></tr> <tr> <td>- Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại.</td><td>- Công cụ: hòn đá, cành cây.</td></tr> <tr> <td>- Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.</td><td>- Sống thành bầy, bấp bênh.</td></tr> </tbody> </table>	Người tinh khôn	Người tối cổ	- Con người		+Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khắp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm ³ -1100cm ³ .	+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm ³	- Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại.	- Công cụ: hòn đá, cành cây.	- Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.	- Sống thành bầy, bấp bênh.
Người tinh khôn	Người tối cổ										
- Con người											
+Người tối cổ: Trán thấp và bẹt ra phía sau, u mày cao, khắp cơ thể phủ một lớp lông ngắn, dáng đi hơi còng, lao về phía trước, thể tích sọ não từ 850cm ³ -1100cm ³ .	+ Người tinh khôn: Mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ khéo léo, thể tích sọ não lớn 1450cm ³										
- Công cụ: công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại.	- Công cụ: hòn đá, cành cây.										
- Tổ chức xã hội: Sống trong thị tộc, cùng huyết thống, cuộc sống tiến bộ hơn.	- Sống thành bầy, bấp bênh.										
<p><u>Hoạt động 3</u> (4 phút) : Cá nhân</p> <p>Em hãy kể tên các quốc gia thời cổ đại lớn?</p> <p>GV cho HS xác định vị trí các quốc gia cổ đại trên lược đồ.</p>	<p><u>3. Các quốc gia lớn thời cổ đại:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp, Rô-ma. 										
<p><u>Hoạt động 4</u> (4 phút) : Cá nhân</p> <p>Trong xã hội cổ đại có những tầng lớp nào? Trong đó, tầng lớp nào là lực lượng</p>	<p><u>4. Những tầng lớp xã hội chính thời cổ đại</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nô và nô lệ (PT) - Quý tộc, nông dân công xã và nô lệ (PĐ) 										

lao động chính của xã hội?	
Hoạt động 5 (4 phút) : Cá nhân Nhà nước ở phương Đông và phương Tây khác nhau như thế nào ?	5. Các loại nhà nước thời cổ đại: có 2 loại - Phương Đông: Nhà nước quân chủ - Phương Tây: Nhà nước dân chủ chủ nô
Hoạt động 6 (8 phút) : Cá nhân - Nhóm Thời cổ đại để lại những thành tựu VH nào về chữ viết ? Các nhà khoa học cổ đại đã để lại những gì?	6. Những thành tựu văn lớn thời cổ đại - Lịch: âm lịch, dương lịch - Chữ viết: chữ tượng hình, chữ cái a, b, c... - Chữ số - Về khoa học: Toán, Lý, thiên văn, Lịch sử, Địa lý...
Em hãy kể tên những công trình kiến trúc lớn thời cổ đại? * Thảo luận nhóm: Em hãy thử đánh giá các thành tựu VH lớn thời cổ đại?	- Công trình nghệ thuật: có nhiều công trình nghệ thuật lớn. Di sản văn hoá cổ đại phong phú, đa dạng và có giá trị thực tiễn. - Đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học sau này - Đó là tài sản văn hoá vô giá và nói lên khả năng vĩ đại của con người...

4. Củng cố: (4 phút) GV khái quát lại kiến thức cơ bản ở phần trên.

5. Dặn dò: (2 phút) Chuẩn bị bài 8 “Thời nguyên thủy trên đất nước ta”

- Dấu tích Người tối cổ tìm thấy trên đất nước ta ở những nơi nào?
- Người tinh khôn ở giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển như thế nào?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 8 - Tiết 8

LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 8 : THỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học sinh, học sinh

- Biết được dấu tích Người tối cổ và Người tinh khôn trên đất nước VN
- Hiểu được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.

2. Thái độ

- Bồi dưỡng ý thức tự hào dân tộc : nước ta có quá trình phát triển lịch sử lâu đời.
- Bồi dưỡng ý thức quý trọng quá trình lao động của cha ông để cải tạo con người, cải tạo thiên nhiên, phát triển sản xuất để xây dựng cuộc sống ngày càng phong phú và tốt đẹp hơn .

3. Kỹ năng

- Làm quen với kỹ năng quan sát tranh ảnh lịch sử, hình ảnh, bản đồ... rút ra nhận xét và so sánh.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Kỹ năng quan sát tranh ảnh - chỉ bản đồ, so sánh, nhận xét.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Lược đồ một số di chỉ khảo cổ Việt Nam, tranh ảnh SGK.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word
- Tranh ảnh có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (3 phút) Thời cổ đại có những thành tựu văn hóa nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là biết được dấu tích Người tối cổ và Người tinh khôn và sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 2 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV cho HS xem một số tranh ảnh về đời sống của người nguyên thủy và yêu cầu trả lời câu hỏi:
Những hình ảnh trên gợi cho em vấn đề gì?
- Dự kiến sản phẩm: HS có thể trình bày đây là đời sống của người nguyên thủy.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Việt Nam là một trong những chiếc nôi của xã hội loài người, cũng như các quốc gia cổ đại khác, nước ta cũng có một lịch sử lâu đời, cũng có những thành tựu văn hoá đáng quý, đáng tự hào... Bài học hôm nay mở đầu với thời kì đầu tiên trong lịch sử xã hội nguyên thủy nước ta.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu?

- Mục tiêu: Biết được đặc điểm và dấu tích của Người tối cổ
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Lược đồ một số di chỉ khảo cổ Việt Nam, tranh ảnh H18,19
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>GV : Giải thích khái niệm về “ dấu tích”</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 và H24 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nêu đặc điểm của Người tối cổ.</p> <p>+ Nhóm chẵn: Những dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở đâu trên đất nước Việt Nam? Cách đây bao nhiêu năm?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của</p>	<p>- Cách đây 40 - 30 vạn năm Người tối cổ xuất hiện trên đất nước ta .</p> <p>- Dấu tích của người tối cổ được phát hiện ở</p> <p>+ Hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), tìm thấy những chiếc răng Người tối cổ.</p> <p>+ Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai.) tìm thấy những mảnh đá ghè đẽo mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng dùng để chặt và đập.</p>

học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GDMT: Điều kiện TN của VN thời xa xưa thuận lợi cho con người xuất hiện. VN là một trong những cái nôi của loài người. Đời sống của người tối cổ vô cùng thấp kém, phụ thuộc nhiều vào điều kiện TN.

2. Hoạt động 2

2. Ở giai đoạn đầu Người tinh khôn sống như thế nào?

- Mục tiêu: Biết được đặc điểm và dấu tích của Người tinh khôn ở giai đoạn đầu.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,
- Phương tiện: Tranh H20
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 và H20 SGK (4 phút), thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nêu đặc điểm của Người tinh khôn.</p> <p>+ Người tinh khôn trên đất nước ta sinh sống vào thời gian nào và ở đâu?</p> <p>+ Công cụ sản xuất của NTK ở giai đoạn này có gì mới so với NTC?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS lần lượt trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Dấu tích của NTK ở thời kì đầu tiên được tìm thấy: mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ), nhiều nơi khác thuộc Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An... Họ sinh sống cách đây 3-2 vạn năm.</p> <p>- Công cụ chủ yếu là những chiếc rìu đá bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ nhưng hình thù đã rõ ràng.</p>

3. Hoạt động 3

3. Giai đoạn phát triển của người tinh khôn có gì mới?

- Mục tiêu: Biết giai đoạn phát triển của Người tinh khôn

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: H 20, 21, 22 và 23 SGK.
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 3 SGK (3 phút), thảo luận cặp đôi và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Dấu tích của NTK được tìm thấy nơi nào trên đất nước ta ở giai đoạn phát triển?</p> <p>+ HS quan sát hình 20, 21, 22 và 23 SGK so sánh với hình 18, 19. Cho biết sự khác nhau ở giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển của NTK được thể hiện ở những điểm nào?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Dấu tích của người tinh khôn giai đoạn phát triển được tìm thấy ở Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (Quảng Ninh)...</p> <p>- Thời gian: từ 12.000 đến 4000 năm cách ngày nay.</p> <p>- Công cụ được mài ở lưỡi như rìu ngắn, rìu có vai, một số công cụ bằng xương, sừng, đồ gốm.</p>

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: dấu tích và sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.

- Thời gian: 7 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời .

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Hãy ghép thông tin ở cột A với nhau cột B sao cho phù hợp .

Cột A	Cột B
1. Người tối cổ	a. Rìu đá Hòa Bình
2. Người tinh khôn (giai đoạn đầu)	b. Công cụ chặt ở Nậm Tun (Lai Châu)
3. Người tinh khôn giai đoạn phát triển.	c. Rìu đá núi Đọ (Thanh Hóa)

A. 1-a; 2-c; 3-b.

B. 1-c; 2-b; 3-a.

C. 1-a; 2-b; 3-c.

D. 1-b; 2-a, 3-c.

Câu 2. Ở Việt Nam tìm thấy mảnh đá được ghè đẽo mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng là của

A. Vượn cổ.

B. Người tinh khôn giai đoạn đầu.

C. Người tối cổ.

D. Người tinh khôn giai đoạn phát triển.

Câu 3. Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở nơi nào trên đất nước ta?

A. Thẩm Hai, Thẩm Khuyên (Lạng Sơn), Núi Đọ (Thanh Hóa).

B. Núi Đọ, Hang Đẳng (Ninh Bình).

C. Núi Đọ, Xuân Lộc (Đồng Nai), Hòa Bình.

D. Núi Đọ, Sơn Vi (Phú Thọ), mái đá Ngườm (Thái Nguyên).

Câu 4. Đặc điểm của công cụ do Người tinh khôn ở giai đoạn đầu chế tác là

A. công cụ đá ghè đẽo thô sơ.

B. công cụ đá ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.

C. công cụ đá ghè đẽo, mài cẩn thận.

D. công cụ chủ yếu bằng xương, tre, gỗ.

Câu 5. Ý nào nhận xét đúng về địa bàn phân bố của người tối cổ trên đất nước ta?

A. Ở miền núi phía Bắc nước ta ngày nay.

B. Ở miền Bắc và miền Trung nước ta ngày nay.

C. Chủ yếu ở miền Nam nước ta ngày nay.

D. Ở nhiều địa phương trên cả nước.

+ Phần tự luận

Câu 1. Lập bảng hệ thống về giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy trên đất nước ta. (theo mẫu)

Người	Thời gian Cách đây ... năm	Địa điểm chính	Công cụ
NTC			
NTK giai đoạn đầu			

NTK giai đoạn phát triển			
--------------------------------	--	--	--

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5
ĐA	B	C	A	B	D

+ Phần tự luận

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS đánh giá, nhận xét ...

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

Đánh giá về câu nói của Bác Hồ:

“ Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- Thời gian: 3 phút.

- Dự kiến sản phẩm :

Bác Hồ dạy chúng ta phải học, phải hiểu, phải biết cho tường tận, cụ thể gốc tích lịch sử nước nhà Việt Nam. Đây không chỉ là lời kêu gọi mà còn là yêu cầu của Bác với toàn thể nhân dân Việt Nam mà đặc biệt là thế hệ học sinh phải hiểu rõ được lịch sử Việt Nam, bởi lẽ lịch sử là những gì thuộc về quá khứ nếu không có quá khứ sẽ không có hiện tại và tương lai. “Biết” quá khứ để rút kinh nghiệm mà vận dụng cho hiện tại và tương lai.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài – Soạn bài 9 SGK

+ Những điểm mới trong đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy thời Hòa Bình- Bắc Sơn-Hạ Long là gì?

+Thị tộc mẫu hệ là gì?

Ngày soạn: 23/10/18

Ngày dạy: 25/10/18

TUẦN 8 - Tiết 8

LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 8 : THỜI NGUYỄN THUY TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học sinh, học sinh

- Biết được dấu tích Người tối cổ và Người tinh khôn trên đất nước VN
- Hiểu được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.

2. Thái độ

- Bồi dưỡng ý thức tự hào dân tộc : nước ta có quá trình phát triển lịch sử lâu đời.
- Bồi dưỡng ý thức quý trọng quá trình lao động của cha ông để cải tạo con người, cải tạo thiên nhiên, phát triển sản xuất để xây dựng cuộc sống ngày càng phong phú và tốt đẹp hơn .

3. Kỹ năng

- Làm quen với kỹ năng quan sát tranh ảnh lịch sử, hình ảnh, bản đồ... rút ra nhận xét và so sánh.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Kỹ năng quan sát tranh ảnh - chỉ bản đồ, so sánh, nhận xét.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN : Lược đồ một số di chỉ khảo cổ Việt Nam, tranh ảnh SGK.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word
- Tranh ảnh có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (3 phút) Thời cổ đại có những thành tựu văn hóa nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là biết được dấu tích Người tối cổ và Người tinh khôn và sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 2 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV cho HS xem một số tranh ảnh về đời sống của người nguyên thủy và yêu cầu trả lời câu hỏi:

Những hình ảnh trên gợi cho em vấn đề gì?

- Dự kiến sản phẩm: HS có thể trình bày đây là đời sống của người nguyên thủy.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Việt Nam là một trong những chiếc nôi của xã hội loài người, cũng như các quốc gia cổ đại khác, nước ta cũng có một lịch sử lâu đời, cũng có những thành tựu văn hoá đáng quý, đáng tự hào... Bài học hôm nay mở đầu với thời kì đầu tiên trong lịch sử xã hội nguyên thủy nước ta.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu?

- Mục tiêu: Biết được đặc điểm và dấu tích của Người tối cổ
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Lược đồ một số di chỉ khảo cổ Việt Nam, tranh ảnh H18,19
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>GV : Giải thích khái niệm về “ dấu tích”</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 1 và H24 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm lẻ: Nêu đặc điểm của Người tối cổ.</p> <p>+ Nhóm chẵn: Những dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở đâu trên đất nước Việt Nam? Cách đây bao nhiêu năm?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình</p>	<p>- Cách đây 40 - 30 vạn năm Người tối cổ xuất hiện trên đất nước ta .</p> <p>- Dấu tích của người tối cổ được phát hiện ở</p> <p>+ Hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), tìm thấy những chiếc răng Người tối cổ.</p> <p>+ Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai.) tìm thấy những mảnh đá ghè đẽo mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng dùng để chặt và đập.</p>

thành cho học sinh.

GDMT: Điều kiện TN của VN thời xa xưa thuận lợi cho con người xuất hiện. VN là một trong những cái nôi của loài người. Đời sống của người tối cổ vô cùng thấp kém, phụ thuộc nhiều vào điều kiện TN.

2. Hoạt động 2

2. Ở giai đoạn đầu Người tinh khôn sống như thế nào?

- Mục tiêu: Biết được đặc điểm và dấu tích của Người tinh khôn ở giai đoạn đầu.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,
- Phương tiện: Tranh H20
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2 và H20 SGK (4 phút), thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nêu đặc điểm của Người tinh khôn.</p> <p>+ Người tinh khôn trên đất nước ta sinh sống vào thời gian nào và ở đâu?</p> <p>+ Công cụ sản xuất của NTK ở giai đoạn này có gì mới so với NTC?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS lần lượt trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Dấu tích của NTK ở thời kì đầu tiên được tìm thấy: mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ), nhiều nơi khác thuộc Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An... Họ sinh sống cách đây 3-2 vạn năm.</p> <p>- Công cụ chủ yếu là những chiếc rìu đá bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ nhưng hình thù đã rõ ràng.</p>

3. Hoạt động 3

3. Giai đoạn phát triển của người tinh khôn có gì mới?

- Mục tiêu: Biết giai đoạn phát triển của Người tinh khôn

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: H 20, 21, 22 và 23 SGK.
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 3 SGK (3 phút), thảo luận cặp đôi và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Dấu tích của NTK được tìm thấy nơi nào trên đất nước ta ở giai đoạn phát triển?</p> <p>+ HS quan sát hình 20, 21, 22 và 23 SGK so sánh với hình 18, 19. Cho biết sự khác nhau ở giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển của NTK được thể hiện ở những điểm nào?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Dấu tích của người tinh khôn giai đoạn phát triển được tìm thấy ở Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (Quảng Ninh)...</p> <p>- Thời gian: từ 12.000 đến 4000 năm cách ngày nay.</p> <p>- Công cụ được mài ở lưỡi như rìu ngắn, rìu có vai, một số công cụ bằng xương, sừng, đồ gốm.</p>

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: dấu tích và sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.

- Thời gian: 7 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời.

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Hãy ghép thông tin ở cột A với nhau cột B sao cho phù hợp .

Cột A	Cột B
1. Người tối cổ	a. Rìu đá Hòa Bình
2. Người tinh khôn (giai đoạn đầu)	b. Công cụ chặt ở Nậm Tun (Lai Châu)
3. Người tinh khôn giai đoạn phát triển.	c. Rìu đá núi Độ (Thanh Hóa)

A. 1-a; 2-c; 3-b.

B. 1-c; 2-b; 3-a.

C. 1-a; 2-b; 3-c.

D. 1-b; 2-a, 3-c.

Câu 2. Ở Việt Nam tìm thấy mảnh đá được ghè đẽo mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng là của

A. Vượn cổ.

B. Người tinh khôn giai đoạn đầu.

C. Người tối cổ.

D. Người tinh khôn giai đoạn phát triển.

Câu 3. Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở nơi nào trên đất nước ta?

A. Thẩm Hai, Thẩm Khuyên (Lạng Sơn), Núi Độ (Thanh Hóa).

B. Núi Độ, Hang Đẳng (Ninh Bình).

C. Núi Độ, Xuân Lộc (Đồng Nai), Hòa Bình.

D. Núi Độ, Sơn Vi (Phú Thọ), mái đá Ngườm (Thái Nguyên).

Câu 4. Đặc điểm của công cụ do Người tinh khôn ở giai đoạn đầu chế tác là

A. công cụ đá ghè đẽo thô sơ.

B. công cụ đá ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.

C. công cụ đá ghè đẽo, mài cẩn thận.

D. công cụ chủ yếu bằng xương, tre, gỗ.

Câu 5. Ý nào nhận xét đúng về địa bàn phân bố của người tối cổ trên đất nước ta?

A. Ở miền núi phía Bắc nước ta ngày nay.

B. Ở miền Bắc và miền Trung nước ta ngày nay.

C. Chủ yếu ở miền Nam nước ta ngày nay.

D. Ở nhiều địa phương trên cả nước.

+ Phần tự luận

Câu 1. Lập bảng hệ thống về giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy trên đất nước ta. (theo mẫu)

Người	Thời gian Cách đây ... năm	Địa điểm chính	Công cụ
NTC			
NTK giai đoạn đầu			
NTK giai đoạn phát triển			

- Dự kiến sản phẩm:
- + Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5
ĐA	B	C	A	B	D

- + Phần tự luận

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS đánh giá, nhận xét ...

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

Đánh giá về câu nói của Bác Hồ:

“ Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- Thời gian: 3 phút.

- Dự kiến sản phẩm :

Bác Hồ dạy chúng ta phải học, phải hiểu, phải biết cho tường tận, cụ thể gốc tích lịch sử nước nhà Việt Nam. Đây không chỉ là lời kêu gọi mà còn là yêu cầu của Bác với toàn thể nhân dân Việt Nam mà đặc biệt là thế hệ học sinh phải hiểu rõ được lịch sử Việt Nam, bởi lẽ lịch sử là những gì thuộc về quá khứ nếu không có quá khứ sẽ không có hiện tại và tương lai. “Biết” quá khứ để rút kinh nghiệm mà vận dụng cho hiện tại và tương lai.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- + Học bài – Soạn bài 9 SGK

+ Những điểm mới trong đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy thời Hòa Bình- Bắc Sơn-Hạ Long là gì?

- +Thị tộc mẫu hệ là gì?

TUẦN 9 - Tiết 9

Ngày soạn : 30/10/18

Ngày dạy : 01/11/18

BÀI 9 : ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Nhận biết được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ: đời sống vật chất, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần.

2. Thái độ

- Thấy rõ vai trò quan trọng của lao động trong sự phát triển của xã hội nguyên thủy.

- Bồi dưỡng cho HS ý thức lao động và tinh thần cộng đồng.

3. Kỹ năng

- Quan sát tranh ảnh, hiện vật, rút ra những nhận xét, so sánh.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát tranh ảnh, hiện vật, rút ra những nhận xét, so sánh.

II. PHƯƠNG PHÁP: Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm, giải quyết vấn đề

III. PHƯƠNG TIỆN : Tranh ảnh SGK

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tranh ảnh có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :

1. Ổn định

2. Kiểm tra: (4 phút)

- Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở nơi nào trên đất nước Việt Nam?

- Giải thích câu nói của Bác Hồ:

“ Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam "

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ về đời sống vật chất, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 2 phút.
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho xem tranh, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:
Công cụ đá ở thời kì Sơn Vi và thời kì Hòa Bình- Bắc Sơn được chế tác như thế nào ?



- Dự kiến sản phẩm:

+ Thời Sơn Vi, con người đã ghè đẽo các hòn cuội thành rìu.

+ Đến thời Hoà Bình-Bắc Sơn họ đã biết dùng các loại đá khác nhau để mài thành các loại công cụ như rìu, bôn, chày-> sự tiến bộ trong chế tác công cụ lao động.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Thời nguyên thủy trên đất nước ta trải qua giai đoạn: Người tối cổ, Người tinh khôn (giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển). Ở mỗi giai đoạn đều được đánh dấu bởi việc chế tác công cụ sản xuất của người nguyên thủy. Ngoài việc chế tác công cụ để nâng cao đời sống vật chất, người nguyên thủy còn chú ý đến đời sống tinh thần. Ở thời Bắc Sơn, Hoà Bình, Hạ Long đời sống vật chất, tinh thần của họ như thế nào. Chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Đời sống vật chất

- Mục tiêu: HS nhận biết được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ về đời sống vật chất.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....
- Phương tiện: H25, H20 SGK.
- Thời gian: 11 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập	

<p>- HS đọc mục 1 SGK và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Trong quá trình sinh sống, người nguyên thủy thời Hoà Bình, Bắc Sơn làm gì để nâng cao năng suất lao động ?</p> <p>+ Công cụ chủ yếu làm bằng nguyên liệu gì?</p> <p>+ Công cụ ban đầu của người Sơn Vi được chế tác ntn?</p> <p>+ Người nguyên thủy thời Hoà Bình-Bắc Sơn-Hạ Long đã biết làm những công cụ và đồ dùng gì?</p> <p>+ Theo em, việc làm đồ gốm có gì khác với việc làm đồ đá?</p> <p>+ Ý nghĩa của việc trồng trọt và chăn nuôi chăn nuôi ?</p> <p>+ Người nguyên thủy thời Hoà Bình-Bắc Sơn sống ở đâu ?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS lần lượt trả lời.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>- GV sử dụng kênh hình sgk, trao đổi về sự tiến bộ trong chế tác công cụ lao động và vật dụng qua H25 và H20 SGK</p>	<p>- Người tinh khôn thường xuyên cải tiến công cụ:</p> <p>+ Từ thời Sơn Vi, con người đã ghè đẽo các hòn cuội thành rìu; đến thời Hoà Bình-Bắc Sơn họ đã biết dùng các loại đá khác nhau để mài thành các loại công cụ như rìu, bôn, chày.</p> <p>+ Họ biết dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ.</p> <p>- Biết làm đồ gốm; biết trồng trọt (rau, đậu, bầu, bí) và chăn nuôi (chó, lợn).</p>
--	--

2. Hoạt động 2

2. Tổ chức xã hội

- Mục tiêu: HS nhận biết được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ về tổ chức xã hội.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện
- Thời gian: 9 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 2 SGK (3 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1,2: Em có nhận xét gì về các hang động có lớp vỏ ốc dày 3-4m, chứa nhiều công cụ?</p> <p>+ Nhóm 3,4: Điểm mới trong quan hệ xã hội ở thời kì này là gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>- GV: Hình thành KN chế độ thị tộc và thị tộc mẫu hệ.</p> <p>+ Chế độ thị tộc mẫu hệ là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người, là những người cùng huyết thống, sống chung với nhau, lúc này vị trí của người phụ nữ trong gia đình và trong</p>	<p>- Người tinh khôn sống thành từng nhóm nhỏ và định cư lâu dài ở một số nơi.</p> <p>- Do công cụ sản xuất tiến bộ, sản xuất phát triển, đời sống được nâng cao, dân số tăng-> Quan hệ xã hội hình thành. Những người cùng huyết thống, sống chung với nhau và tôn người mẹ lớn tuổi nhất, có uy tín lên làm chủ. Đó là chế độ thị tộc mẫu hệ (hay thị tộc mẫu quyền)</p>

thị tộc rất quan trọng (kinh tế hái lượm và săn bắt phụ thuộc rất nhiều vào lao động của người phụ nữ). Trong thị tộc cần có người đứng đầu để lo việc làm ăn, chính vì vậy đã tôn người mẹ lớn tuổi nhất lên làm chủ.

3. Hoạt động 3

3. Đời sống tinh thần

- Mục tiêu: HS nhận biết được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ về đời sống tinh thần.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.

- Phương tiện : H26,27 SGK

- Thời gian: 8 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK (3 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Ngoài lao động sản xuất, người Hoà Bình - Bắc Sơn còn biết làm gì?</p> <p>+ Nhóm 2: Sự xuất hiện của đồ trang sức có ý nghĩa gì?</p> <p>+ Nhóm 3: Việc chôn lưỡi cuốc hay lưỡi rìu theo người chết, theo em có ý nghĩa gì?</p> <p>+ Nhóm 4: Qua H27, em có nhận xét gì về nghệ thuật khắc tranh thời kì này?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p>	<p>- Biết chế tác và sử dụng đồ trang sức; biết vẽ những hình mô tả cuộc sống tinh thần của mình.</p> <p>- Hình thành một số phong tục tập quán: chôn công cụ theo người chết.</p>

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV kết luận: Thời nguyên thủy con người bắt đầu quan tâm đến đời sống tinh thần thể hiện ở việc làm đẹp bản thân và bày tỏ tình cảm đối với người chết. Đó là một bước tiến đáng kể trong sự phát triển của loài người.

3.3 Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ về đời sống vật chất, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần

- Thời gian: 8 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời.

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Điểm mới về công cụ sản xuất của thời Hòa Bình - Bắc Sơn - Hạ Long so với thời Sơn Vi là

- A. biết ghè đẽo các hòn cuội làm rìu.
- B. biết mài đá làm rìu, bôn, chày.
- C. biết dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ.
- D. biết mài đá, dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ, biết làm đồ gốm.

Câu 2. Tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thủy thời Hoà Bình - Bắc Sơn là

- A. chế độ thị tộc mẫu hệ.
- B. chế độ thị tộc.
- C. chế độ bộ lạc.
- D. chế độ phụ hệ.

Câu 3. Người nguyên thủy thời Hoà Bình - Bắc Sơn vẽ lên vách hang động để

- A. thể hiện tài năng của mình.
- B. mô tả cuộc sống tinh thần của mình.
- C. làm đẹp cho các hang động.
- D. cho thế hệ sau xem.

Câu 4. Văn hóa Hòa Bình thuộc thời

- A. đồ đá cũ.
- B. đồ sắt.
- C. đồ đá giữa và đồ đá mới.
- D. đồ đá mới.

Câu 5. Đời sống vật chất của người nguyên thủy thời Hoà Bình - Bắc Sơn đã phát triển hơn so với thời Sơn Vi là

- A. đã biết săn bắn.
- B. đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
- C. đã biết làm chài lưới để đánh cá.
- D. đã biết hái lượm.

Câu 6. Đặc điểm nổi bật của chế độ thị tộc mẫu hệ là

- A. những người cùng huyết thống, sống chung với nhau và tôn người đàn ông lớn tuổi nhất, có uy tín làm chủ.
 B. những người cùng sinh sống trong hang động, mái đá và tôn người lớn tuổi nhất làm chủ.
 C. những người cùng huyết thống, sống chung với nhau và tôn người mẹ lớn tuổi nhất, có uy tín làm chủ.
 D. những người cùng huyết thống, sống chung với nhau và tôn người giàu nhất lên làm chủ.

Câu 7. Dưới thời nguyên thủy, người phụ nữ có vai trò quan trọng vì

- A. lúc bấy giờ, phụ nữ chiếm số đông hơn nam giới.
 B. đàn ông thường phải đi săn thú rừng, ít có mặt ở nơi cư trú.
 C. phụ nữ là những người biết làm đồ gốm, biết tạo ra công cụ đá nhiều loại hình.
 D. người phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong việc hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi, đảm bảo cuộc sống cho thị tộc.

+ **Phần tự luận**

Câu 1. Những điểm mới trong đời sống tinh thần của người nguyên thủy thời Hoà Bắc Sơn - Hạ Long là gì?

- Dự kiến sản phẩm

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7
ĐA	D	A	B	C	B	C	D

+ **Phần tự luận**

Câu 1

- Biết chế tác và sử dụng đồ trang sức.
- Biết vẽ những hình mô tả cuộc sống tinh thần của mình.
- Hình thành phong tục tập quán: chôn công cụ theo người chết.

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS đánh giá, nhận xét ...

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới

Đánh giá về sự tiến trong đời sống vật chất của người nguyên thủy.

- Thời gian: 3 phút.

- Dự kiến sản phẩm :

+ Họ dùng nguyên liệu như đá, tre, gỗ, xương, sừng... để làm nhiều công cụ và đồ dùng cần thiết.

+ Biết làm đồ gốm; biết trồng trọt và chăn nuôi.

-> Các yếu tố trên đều quan trọng thể hiện một bước tiến mới của con người ở xã hội nguyên thủy.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Ôn tập các bài đã học, tiết tới (tuần 10) làm bài kiểm tra 1 tiết

Tuần: 11

Tiết: 11

NS: 13 /11 /2018

ND: 15/11/2018

Chương II THỜI ĐẠI DÙNG NƯỚC : VĂN LANG - ÂU LẠC

Bài 10. NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức : HS nắm được :

- Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ thể hiện qua các di chỉ: Phùng Nguyên (Phú Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hoá). Phát minh ra thuật luyện kim

- Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng lúa nước

* **Trọng tâm** : Phát minh kỹ thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước ra đời.

2. Kỹ năng : Bồi dưỡng kỹ năng nhận xét, so sánh, liên hệ thực tế.

3. Thái độ : - Nâng cao tinh thần sáng tạo trong lao động .

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát tranh ảnh, hiện vật, rút ra những nhận xét, so sánh.

II. Chuẩn bị :

1. GV : - Công cụ phục chế, bản đồ, tài liệu Đề cương lịch sử Việt Nam

- Tranh ảnh “Hạt gạo làng Cháy” , xỉ đồng .

2. HS: Suu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học .

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề, trực quan, thuyết trình, vấn đáp.

IV. Tiến trình tổ chức :

1. Ôn định :

2. Bài cũ : Nhận xét bài kiểm tra 1 tiết .

3. Bài mới :

* **Giới thiệu bài** : Trong quá trình lao động để tồn tại và phát triển người Việt cổ luôn luôn cải tiến công cụ lao động và họ đã có những phát minh lớn. Nhờ đó mà năng suất lao động tăng lên đời sống kinh tế có những biến chuyển? Vậy những phát minh lớn đó là gì? Kinh tế chuyển biến ra sao là nội dung mà bài học hôm nay ta nghiên cứu.

* **Dạy và học bài mới** :

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
GV: địa bàn cư trú trước đây của người nguyên thủy là ở trong hang động vùng rừng núi, H: Sau này họ đã mở rộng địa bàn cư trú ntn ? HS: Mở rộng xuống vùng chân núi, thung lũng, ở ven suối, ...-> vùng đồng bằng. GV: Các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều di chỉ chứa nhiều hiện vật H: Đó là những hiện vật nào? HS: Rìu đá có vai, lưỡi đục, đồ gốm ... H: Những công cụ được tìm thấy ở đâu ? Vào thời gian nào? GV: Chỉ trên bản đồ các vị trí Phùng Nguyên, Hoa Lộc...	1. Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ. Phát minh ra thuật luyện kim * Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ. - Ở Phùng Nguyên (Phú

H: các nhà khảo cổ học đã phát hiện hàng loạt công cụ, đó là những cc nào?

GV: Quan sát hình 28, 29, em thấy công cụ sản xuất của người nguyên thủy gồm có những gì?

- + Rìu đá, bôn đá được mài nhẵn toàn bộ, hình dáng cân xứng
- + Đồ trang sức
- + Các loại đồ gốm với hoa văn đa dạng

H: Em có nhận xét gì?

GV: Quan sát hình 30 – Hoa văn trên đồ gốm Hoa Lộc

H: Em có nhận xét gì?

→ Trình độ cao về kỹ thuật chế tác công cụ

HS: Thảo luận nhóm: (Thời gian 2 phút)

+ So sánh công cụ ở H28,29,30 với công cụ ở H25 (SGK/27)

+ Em có nhận xét gì về trình độ sản xuất công cụ thời kì này?

HS: Đại diện nhóm trả lời → Nhận xét, bổ sung.

Câu 1: chế tác đá thời kì này tinh xảo hơn, công cụ được mài nhẵn toàn bộ, sx đồ gốm đa dạng nhiều hoa văn đẹp .

Câu 2: Tinh xảo, nhiều chủng loại → Trình độ sx công cụ được nâng cao → cải tiến hơn trước.

Chuyển ý: Từ trình độ cao của kỹ thuật chế tác công cụ và làm đồ gốm, con người đã tiến thêm 1 bước căn bản → Phát minh ra thuật luyện kim.

H: Em có nhận xét gì về cuộc sống của người Việt cổ?

=> cuộc sống ổn định...

H: Để định cư lâu dài con người cần phải làm gì?

=> Cải tiến công cụ lao động.

GV: Trong quá trình cải tiến công cụ sản xuất con người đã phát minh ra nguyên liệu mới, đó là kim loại đồng

H: Thuật luyện kim được phát minh ntn ?

HS: Nhờ sự phát triển của nghề làm gốm con

Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Lung Leng (Kon Tum), cách đây 4000-3500 năm, phát hiện hàng loạt công cụ:

- + Rìu đá, bôn đá được mài nhẵn toàn bộ, hình dáng cân xứng
- + Đồ trang sức
- + Các loại đồ gốm với hoa văn đa dạng

→ Trình độ cao về kỹ thuật chế tác công cụ

*. Phát minh ra thuật luyện kim:

- Nhờ phát triển của nghề làm gốm, người Phùng Nguyên, Hoa Lộc đã phát minh ra thuật luyện kim.

<p>người đã phát minh ra thuật luyện kim. GV giảng về cách nấu đồng và sản xuất ra công cụ lao động H: Những công cụ đồng được tìm thấy là gì? => <i>dây đồng, dùi đồng...</i> H: Phát minh thuật luyện kim có ý nghĩa quan trọng ntn? <i>HS: Công cụ được cải tiến, năng suất lao động tăng → Cửa cải làm ra nhiều → Cuộc sống ổn định</i> <i>GV: Khá cứng, có thể thay thế đồ đá, đúc nhiều loại hình công cụ, dụng cụ khác nhau, hình thức đẹp hơn, chất liệu bền hơn, mở ra con đường tìm nguyên liệu mới</i></p> <p>GV: Giảng theo SGK: Theo các nhà khoa học,... cây lúa. H: Những dấu tích nào chứng tỏ người thời bấy giờ đã phát minh ra nghề trồng lúa ? <i>HS: Công cụ, đồ đựng, dấu vết gạo cháy, dấu vết thóc lúa .</i> → <i>Phát minh nghề nông trồng lúa nước</i> H: Nghề nông trồng lúa nước ra đời ở đâu ? <i>HS: Ở đồng bằng ven sông, ven biển, thung lũng</i> GV : Cây lúa ra đời và trở thành cây lương thực chính. <u>(VN hiện nay xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới)</u> H: Theo em sự ra đời của nghề nông trồng lúa nước có tầm quan trọng ntn ? => <i>Từ đây người Việt cổ có thể sống định cư lâu dài ở đồng bằng ven các con sông lớn, c/s ổn định hơn, phát triển hơn về cả v/c và tinh thần</i> H: Vì sao từ đây con người có thể định cư lâu dài ở đồng bằng ven các con sông lớn ? GV: Ngồi ra, họ còn trồng các loại rau đậu, bầu bí và chăn nuôi đánh cá...phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kim loại được dùng đầu tiên là đồng * Ý nghĩa : <ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu bước tiến trong chế tác công cụ - Tăng năng suất lao động . <p><u>2.Ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng lúa nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở di chỉ Phùng Nguyên, Hoa Lộc tìm thấy hàng loạt lưỡi cuốc đá, gạo cháy, thóc lúa => nghề nông trồng lúa nước ra đời - Cây lúa trở thành cây lương thực chính <p>→ c/s ổn định và định cư lâu dài ở đồng bằng ven các con sông lớn.</p>
---	--

4. Củng cố : * **Sơ kết bài** : Trên bước tiến về chế tác công cụ, con người đã biết sử dụng những ưu thế của đất đai, tạo ra hai phát minh lớn: thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước. Một c/s mới bắt đầu, chuẩn bị cho con người bước sang thời đại mới

* **Làm bài tập** : (Bảng phụ)

5. Dặn dò :

- Học bài, chuẩn bài 11- Những chuyển biến về xã hội
- Những biểu hiện về sự chuyển biến xã hội: chế độ phụ hệ dần thay thế chế độ mẫu hệ.

TUẦN 12-Tiết 12

Ngày soạn: 20/11/18

Ngày dạy: 22/11/18

Bài 11. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được những chuyển biến về xã hội: chế độ phụ hệ dần dần thay thế cho chế độ mẫu hệ.
- Trình bày sự nảy sinh những vùng văn hóa lớn trên khắp ba miền đất nước, chuẩn bị sang thời kì dựng nước trong đó đáng chú ý nhất là văn hóa Đông Sơn.

2. Thái độ

- Bồi dưỡng ý thức về cội nguồn dân tộc .

3. Kỹ năng

- Bồi dưỡng kỹ năng biết nhận xét, so sánh sự việc, bước đầu sử dụng bản đồ .

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, nhận xét.

II. PHƯƠNG PHÁP : Trực quan, phát vấn, phân tích, nhóm.....

III. PHƯƠNG TIỆN : Bản đồ Việt Nam, tranh ảnh

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word
- Bản đồ Việt Nam, tranh ảnh

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (4 phút)

- Sự ra đời của nghề nông trồng lúa nước có tầm quan trọng như thế nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là những chuyển biến về xã hội để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, phát vấn.
- Thời gian: 3 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:
Hai phát minh quan trọng của người Phùng Nguyên-Hoa Lộc là gì?
- Dự kiến sản phẩm: Thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Người Phùng Nguyên- Hoa Lộc có hai phát minh lớn thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước đã tạo ra chuyển biến quan trọng trong đời sống kinh tế của con người. Chính sự chuyển biến về kinh tế đã dẫn đến sự phân công lao động như thế nào? Xã hội có thay đổi gì? Để hiểu rõ nội dung đó, chúng ta tìm hiểu qua tiết học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

1. Sự phân công lao động đã hình thành như thế nào?

- Mục tiêu: HS nhận biết được sự phân công lao động đã được hình thành.
- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích, ...
- Phương tiện: Tranh ảnh.
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập	

<p>- HS đọc mục 1 SGK, thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Theo em, muốn có được thóc lúa, người nông dân phải làm những việc gì? Làm như thế nào và vào lúc nào?</p> <p>+ Việc đúc một đồng cụ bằng đồng, có phải ai cũng làm được không? Tại sao?</p> <p>+ Sự phân công lao động được hình thành như thế nào?</p> <p>+ Sự phân công lao động có tác động như thế nào tới sản xuất ?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - HS lần lượt trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Từ khi thuật luyện kim được phát minh và nghề nông trồng lúa nước ra đời con người phải chuyên tâm làm một số việc nhất định; sự phân công lao động đã được hình thành:</p> <p>+ Phụ nữ ngoài việc nhà, thường tham gia sản xuất nông nghiệp, làm đồ gốm và dệt vải.</p> <p>+ Nam giới: một phần sản xuất nông nghiệp, đi săn, đánh cá; một phần chuyên hơn làm việc chế tác công cụ, đúc đồng, làm đồ trang sức...</p>
---	--

2. Hoạt động 2

2. Xã hội có gì đổi mới?

- Mục tiêu: HS nhận biết được những chuyển biến về xã hội.
- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Tranh ảnh.
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 2 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Với sự PT của SX và phân công lao động, cuộc sống của con người cũng ổn định hơn trước, xã hội sẽ có biến đổi mới ra sao?</p>	<p>- Sản xuất phát triển, cuộc sống ngày càng ổn định-> hình thành các làng bản (chiềng, chạ)</p>

<p>+ Nhóm 2: Thế nào là chế độ phụ hệ? Tại sao chế độ phụ hệ thay thế chế độ mẫu hệ?</p> <p>+ Nhóm 3: Em nghĩ gì về sự khác nhau giữa các ngôi mộ này?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV cho HS hiểu các KN bộ lạc, chế độ phụ hệ</p>	<p>- Dần dần hình thành các cụm chiềng chạ, có quan hệ chặt chẽ với nhau được gọi là bộ lạc.</p> <p>- Chế độ phụ hệ dần thay thế chế độ mẫu hệ.</p> <p>- Xã hội có người giàu, người nghèo.</p>
--	---

3. Hoạt động 3

3. Bước phát triển mới về xã hội được nảy sinh như thế nào?

- Mục tiêu: HS trình bày được những vùng văn hóa lớn trên khắp ba miền đất nước ta.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,
- Phương tiện: Tranh ảnh, bản đồ Việt Nam.
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 3 SGK, thực hiện các yêu cầu sau: + Kể tên các nền văn hoá lớn ở nước ta? Được hình thành vào thời gian nào? + Nền văn hoá Đông Sơn hình thành trên những vùng nào? Chủ nhân của nó là ai? + HS quan sát các hình 31, 32, 33, 34 SGK, những công cụ nào góp phần tạo nên bước chuyển biến trong xã hội?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm</p>	<p>- Vào khoảng các thế kỉ VIII-I TCN, trên đất nước ta hình thành 3 nền văn hoá lớn: + Óc eo (An Giang) ở Tây Nam Bộ cơ sở hình thành nước Phù Nam + Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) ở Nam Trung Bộ cơ sở hình thành nước Cham-pa. + Đông Sơn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cơ sở hình thành nước Văn Lang.</p>

vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về những chuyển biến về xã hội, sự hình thành ba nền văn hóa lớn ở nước ta.

- Thời gian: 6 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Nền văn hoá Đông Sơn là của người

- A. Lạc Việt. B. Âu Lạc.
C. Tây Âu. D. nguyên thủy.

Câu 2. Từ thế kỉ VII đến thế kỉ I TCN, trên đất nước ta đã hình thành những nền văn hóa nào?

- A. Óc Eo, Sa Huỳnh, Đồng Nai. B. Sa Huỳnh, Đồng Nai, Đông Sơn.
C. Óc Eo, Sa Huỳnh. D. Óc Eo, Sa Huỳnh, Đồng Sơn.

Câu 3. Nền văn hóa Đông Sơn là cơ sở để hình thành nên nhà nước nào sau này?

- A. Văn Lang. B. Âu Lạc.
C. Vạn Xuân. D. Đại Việt.

Câu 4. Cư dân văn hoá Sa Huỳnh đã sử dụng phổ biến công cụ lao động bằng gì?

- A. Đá. B. Đồng.
C. Sắt. D. Gỗ.

Câu 5. Sự phân công lao động được hình thành như thế nào?

- A. Nam làm nông nghiệp, săn bắt, đúc đồng, còn phụ nữ làm việc nhà, làm gốm, dệt vải...
B. Nam, nữ công việc làm như nhau.
C. Tất cả mọi việc nam làm, còn phụ nữ ở nhà chỉ nấu cơm.
D. Phụ nữ làm nông nghiệp, săn bắt, đúc đồng, còn nam làm việc nhà, làm gốm, dệt vải...

Câu 6. Xã hội có gì đổi mới?

- A. Xã hội theo chế độ mẫu hệ. B. Xã hội theo chế độ phụ hệ.
C. Xã hội đã có sự phân lao động. D. Xã hội đã có sự phân chia giai cấp.

+ Phần tự luận

Câu 1. Nêu các biến chuyển chính về mặt xã hội.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	A	D	A	B	A	B

+ Phần tự luận:.....

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS nhận xét....

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Nhận xét về trình độ phát triển của nền sản xuất văn hóa Đông Sơn?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm: Trong thời kì này, công cụ bằng đồng rất phát triển, thay thế hẳn cho công cụ bằng đá. Con người thời kì văn hóa Đông Sơn đã biết dùng trâu bò để kéo cày trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất lao động, tạo ra cuộc sống định cư lâu dài.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Học bài cũ - Soạn bài 12 : NƯỚC VĂN LANG

+ Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời nhà nước Văn Lang?

+ Nước văn Lang ra đời khi nào, ở đâu, do ai đứng đầu và đóng đô ở đâu?

+ Giải thích sơ đồ nhà nước Văn Lang?

TUẦN 13 - Tiết 13

Ngày soạn: 27/11/18

Ngày dạy: 29/11/18

Bài 12. NƯỚC VĂN LANG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh:

- Biết được điều kiện ra đời nhà nước Văn Lang: sự phát triển sản xuất, làm thủy lợi và giải quyết các vấn đề xung đột.

- Biết được sơ lược về nước Văn Lang (thời gian thành lập, địa điểm) và tổ chức nhà nước Văn Lang.

- Đánh giá được công lao của Vua Hùng đã có công dựng nước .

- Liên hệ với tình hình đất nước ta hiện nay.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, sâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử.
- Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Thái độ

- Giáo dục truyền thống yêu nước, trân trọng những công lao của các vua Hùng.
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ đất nước ta hiện nay.
- Thấy được hạn chế của vua Hùng trong quá trình dựng nước, từ đó rút ra được bài học cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

4. Định hướng các năng lực hình thành

- **Năng lực chung:** năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt

- + Năng lực tái hiện quá trình dựng nước của vua Hùng.
- + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về quá trình dựng nước của vua Hùng.
- + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống: ý thức giữ gìn bảo vệ và xây dựng đất nước, nâng cao ý thức học tập, lao động để xây dựng và bảo vệ đất nước ta trong thời đại hiện nay.

II. PHƯƠNG PHÁP: Nêu vấn đề, phân tích, so sánh, động não, thảo luận nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN: Tranh ảnh, máy chiếu...

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Tranh ảnh có liên quan.
- Phiếu học tập.
- Một số câu ca dao, tục ngữ, nhận định và tư liệu có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Hoàn thành các nội dung giáo viên đã giao ở tiết trước.

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ: (3 phút)

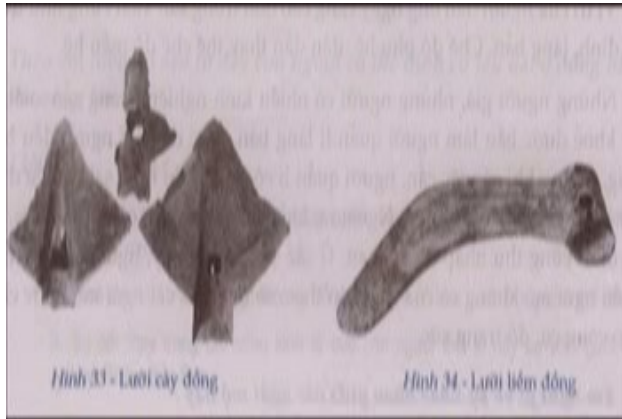
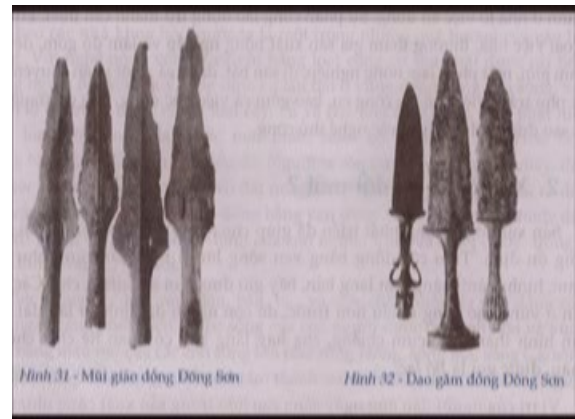
- Nêu những nét mới về tình hình kinh tế-xã hội của cư dân Lạc Việt.

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là điều kiện ra đời nhà nước, tổ chức nhà nước Văn Lang để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới
- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho học sinh quan sát các hình ảnh và yêu cầu trả lời câu hỏi dưới đây:
 - + Em hãy cho biết nội dung của các bức tranh.
 - + Những hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng đến những chuyển biến gì của người dân Việt Cổ?
 - + Em có hiểu biết gì về chuyển biến trong sản xuất và xã hội người dân Việt Cổ?



- Dự kiến sản phẩm
- + Bốn hình ảnh này là: những chuyển biến tiến bộ của công cụ sản xuất.
- + Đó là những hình ảnh tiêu biểu cho ngành kinh tế cơ bản của dân Việt Cổ thời xưa là nông nghiệp.....

Giáo viên nhận xét và vào bài mới: Đó là những chuyển biến lớn trong sản xuất và xã hội dẫn đến sự kiện có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với người dân Việt Cổ là sự ra đời của nhà nước Văn Lang, mở đầu cho một thời đại của dân tộc. Nhà nước ra đời trong hoàn cảnh nào? Tổ chức của nhà nước ra sao? Chúng ta tìm hiểu qua nội dung bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục 1. Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào.

- Mục tiêu: HS biết được những điều kiện ra đời của Nhà nước Văn Lang.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....
- Phương tiện: Tì vi

- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1 SGK thực hiện các yêu cầu sau.</p> <p>+ Vào khoảng cuối TK VIII - đầu TK VII TCN, ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã có thay đổi gì lớn ?</p> <p>+ Theo em truyện Sơn Tinh và Thủy Tinh nói lên hành động gì của nhân dân ta thời đó ?</p> <p>+ Để chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, người Việt cổ đã làm gì?</p> <p>+ Quan sát hình 31, 32 SGK, em có suy nghĩ gì về vũ khí ở các hình này và liên hệ đến truyện Thánh Gióng.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- HS lần lượt trả lời.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV cung cấp cho HS: Như vậy, nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh khá phức tạp: Vào khoảng các thế kỷ VIII-VII TCN ở các con sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã hình thành những bộ lạc lớn. Sản xuất phát triển, mâu thuẫn giữa người giàu và người</p>	<p>- Khoảng các TK VIII - TK VII TCN, ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã hình thành những bộ lạc lớn.</p> <p>- Sản xuất phát triển, mâu thuẫn giàu nghèo đã nảy sinh .</p> <p>- Giải quyết vấn đề trị thủy, bảo vệ mùa màng.</p> <p>- Giải quyết các vấn đề xung đột.</p> <p>→ Nhà nước Văn Lang ra đời.</p>

nghèo đã nảy sinh. Giải quyết vấn đề thủy lợi, bảo vệ mùa màng và các làng bản khi giao lưu với nhau cũng có xung đột. Ngoài xung đột giữa các Lạc Việt với các tộc người khác còn xảy ra xung đột giữa các bộ lạc Lạc Việt với nhau. Để có cuộc sống yên ổn cần phải chấm dứt các xung đột đó. Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh đó.

2. Hoạt động 2

Mục 2. Nhà nước Văn Lang thành lập.

- Mục tiêu: HS biết và ghi nhớ thời gian, địa bàn thành lập Nhà nước Văn Lang.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.....
- Phương tiện: Ti vi
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)										
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 2 SGK (4 phút), thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:</p> <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP</p> <table border="1"> <tr> <td>Địa bàn</td><td></td></tr> <tr> <td>Thời gian</td><td></td></tr> <tr> <td>Đứng đầu nhà nước</td><td></td></tr> <tr> <td>Đóng đô</td><td></td></tr> <tr> <td>Tên nước</td><td></td></tr> </table> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	Địa bàn		Thời gian		Đứng đầu nhà nước		Đóng đô		Tên nước		<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn: Bộ lạc Văn Lang cư trú trên vùng đất ven sông Hồng. - Thời gian: Vào khoảng thế kỷ VII TCN, ở vùng Gia Ninh(Phú Thọ) - Đứng đầu nhà nước: là Hùng Vương. - Đóng đô ở Bạch Hạc (Phú Thọ ngày nay). - Đặt tên nước: Văn Lang
Địa bàn											
Thời gian											
Đứng đầu nhà nước											
Đóng đô											
Tên nước											

<p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p>GV cung cấp các hình ảnh và tích hợp Ngữ Văn 6: Sự tích Âu Cơ - Lạc Long Quân nói lên điều gì ?</p> <p>HS trả lời: Sự ủng hộ của mọi người và vị trí của nhà nước Văn Lang ở vùng cao.</p> <p>GVKL: Nhà nước VL hình thành từ 1 bộ lạc có tên là Văn Lang, 1 người tài giỏi, có uy tín tập hợp các bộ lạc khác -> nước Văn Lang vào thế kỷ VII TCN đứng đầu là vua Hùng.</p>	
--	--

3. Hoạt động 3

Mục 3. Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào.

- Mục tiêu: HS biết được những nét chính về tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.....
- Phương tiện: Ti vi
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: Trình chiếu sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang.</p> <p>- HS đọc mục 3 SGK, thảo luận cặp đôi (4 phút) và học sinh lên bảng trình bày sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Chính quyền trung ương: Vua, lạc hầu, lạc tướng.</p> <p>- Địa phương: chiềng, chạ</p> <p>- Đơn vị hành chính: nước - bộ, chia nước làm 15 bộ, dưới là chiềng, chạ.</p> <p>- Vua nắm mọi quyền hành trong cả nước, đời đời cha truyền con nối và đều gọi là Hùng Vương.</p> <p>- Nhà nước Văn Lang tuy chưa có luật pháp, quân đội, nhưng đã là một tổ chức chính quyền cai quản cả nước.</p>

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về những nét chính điều kiện ra đời nhà nước Văn Lang và tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang.

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

+ Phần trắc nghiệm khách quan

A. An Dương Vương.
C. Lạc tướng.

B. Hùng Vương.
D. Lạc hầu.

A. bộ .
C. bộ lạc.

B. thị tộc.
D. chiềng, chạ.

Trang 76

- A. phản ánh quá trình hình thành của Nhà nước Văn Lang.
- B. vị trí của nước Văn Lang ở vùng cao.
- C. lí giải về nguồn gốc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- D. nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm.

Câu 4. Sự hình thành nhà nước Văn Lang có điểm gì giống so với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Điều hình thành bên bờ các con sông lớn.
- B. Điều xuất phát từ nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm.
- C. Điều hình thành trong khoảng thời gian tương đồng nhau.
- D. Điều xuất phát từ nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.

+ Phần tự luận

Câu 1. Em hãy hoàn thành bài tập sau

NỘI DUNG	NƯỚC VĂN LANG
Điều kiện ra đời	
Thời gian	
Địa bàn	
Kinh đô	

- Dự kiến sản phẩm

+ Phần trắc nghiệm khách quan

CÂU	1	2	3	4
ĐA	B	D	C	A

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

+ HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Câu 1. Điểm khác biệt giữa bộ máy nhà nước Văn Lang và bộ máy nhà nước ta hiện nay là gì?

Câu 2. Khi đến thăm đền Hùng tại Phú Thọ, Bác đã căn dặn điều gì cho con cháu mai sau?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm:.....

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Sưu tầm các hình ảnh tiêu biểu, ca dao, các câu thơ về nhà nước Văn Lang

Học bài cũ – Soạn bài 14

+ Trình bày những nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang.

TUẦN 14 - Tiết 14

Ngày soạn: 04/12/18

Ngày dạy: 06/12/18

Bài 13

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CƯ DÂN VĂN LANG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại), các nghề thủ công, đời sống tinh thần (lễ hội, tín ngưỡng) của cư dân Văn Lang.

2. Thái độ

- Bước đầu giáo dục lòng yêu nước và ý thức về văn hoá dân tộc.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện thêm về kỹ năng liên hệ thực tế, quan sát hình ảnh và nhận xét

4. Định hướng các năng lực hình thành

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, nhận xét.....

II. PHƯƠNG PHÁP: Nêu vấn đề, phân tích, phát vấn, động não, thảo luận nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN: Tài liệu

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Hoàn thành các nội dung giáo viên đã giao ở tiết trước.

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ: (4 phút)

- Những lý do ra đời của nhà nước Văn Lang là gì? Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho học sinh quan sát các hình 36,3,38 SGK và yêu cầu trả lời câu hỏi dưới đây:

Theo em, nghề thủ công nào phát triển nhất thời bấy giờ? Nhận xét về sự phát triển đó?

- Dự kiến sản phẩm: Nghề luyện kim phát triển nhất thời bấy giờ

+ Kỹ thuật luyện kim đạt trình độ cao, thể hiện qua các hoa văn.

Giáo viên nhận xét và vào bài mới: Nhà nước Văn Lang hình thành trên cơ sở kinh tế - xã hội phát triển, trên một địa bàn rộng lớn với 15 bộ. Đây là nhà nước đầu tiên của Việt Nam. Ngoài nền kinh tế nông nghiệp, thì các nghề thủ công cũng được phát triển và chuyên môn hóa. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu cuộc sống của người dân Văn Lang để hiểu rõ hơn về cội nguồn dân tộc.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục 1. Nông nghiệp và các nghề thủ công

- Mục tiêu: HS biết được kinh tế nông nghiệp và các nghề thủ công của cư dân Văn Lang.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....

- Phương tiện: Ti vi

- Thời gian: 8 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
GV: Văn Lang là một nước nông nghiệp, tùy theo từng vùng mà người Lạc Việt có cách gieo trồng khác nhau ở ruộng đồng hay trên nương rẫy. Cư dân Văn Lang xới đất để gieo, cấy bằng công cụ lưỡi cày bằng đồng. Như vậy, nông nghiệp nước ta đã chuyển từ giai đoạn nông nghiệp dùng cuốc sang nông nghiệp dùng cày, các công cụ bằng đá đã chuyển sang các công cụ bằng đồng. Đây là bước tiến dài trong lao động sản xuất của cư dân Văn Lang.	- Nước Văn Lang là một nước nông nghiệp, thóc lúa đã trở thành lương thực chính, ngoài ra còn biết trồng khoai, đậu, cà, bầu, bí... - Nghề trồng dâu, đánh cá, chăn nuôi gia súc và các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải... đều được chuyên môn hoá.

<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1 SGK thực hiện các yêu cầu sau.</p> <p>+ Trong nông nghiệp, cư dân Văn Lang biết làm những nghề gì ?</p> <p>+ Cư dân Văn Lang biết làm những nghề thủ công nào?</p> <p>Quan sát hình 36, 37, 38/ SGK: Theo em, nghề thủ công nào phát triển nhất thời bấy giờ ?</p> <p>+ Kỹ thuật luyện kim phát triển như thế nào?</p> <p>+ Theo em, việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nơi trên đất nước ta và ở cả nước ngoài đã thể hiện điều gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- HS lần lượt trả lời.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Nghề luyện kim đạt trình độ kỹ thuật cao</p> <p>- Cư dân Văn Lang cũng bắt đầu biết rèn sắt.</p>
--	---

2. Hoạt động 2

Mục 2. Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang ra sao?

- Mục tiêu: HS biết được đời sống vật chất của cư dân Văn Lang.
- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Ti vi
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 2</p>	<p>- Ở nhà sàn mái cong hình thuyền</p>

<p>SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Trình bày những nét chính trong đời sống vật chất của cư dân Văn Lang.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>+ Cư dân Văn Lang ở như thế nào?</p> <p>+ Thức ăn của người Văn Lang là gì?</p> <p>+ Trang phục của cư dân Văn Lang như thế nào ?</p> <p>+ Người Văn Lang đi bằng phương tiện gì ?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>hay mái tròn hình mũi thuyền làm bằng gỗ, tre, nứa...</p> <p>- Ăn cơm nếp, cơm tẻ, rau, thịt, cá...</p> <p>- Trang phục</p> <p>+ Nam: đóng khố, mình trần, đi chân đất .</p> <p>+ Nữ: mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực.</p> <p>- Việc đi lại chủ yếu bằng thuyền.</p>
--	--

3. Hoạt động 3

Mục 3. Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang có gì mới?

- Mục tiêu: HS biết được đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang.
- Phương pháp: Phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm.
- Phương tiện: Tì vi
- Thời gian: 10 phút
- Tổ chức hoạt

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>GV : Đời sống tinh thần là sự phản ánh của cuộc sống vật chất. Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang có những phát triển phù hợp với cuộc sống vật chất của họ.</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Xã hội Văn Lang gồm mấy tầng</p>	<p>- Xã hội chia thành 3 tầng lớp: những người quyền quý, dân tự do, nô tì.</p> <p>- Thường tổ chức lễ hội, vui chơi.</p> <p>- Cư dân Văn Lang có một số phong</p>

<p>lớp ? Địa vị của mỗi tầng lớp trong xã hội ra sao?</p> <p>+ Nhóm 2,3: Trình bày những nét chính trong đời tinh thần của cư dân Văn Lang.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>+ Sau những ngày lao động mệt nhọc cư dân Văn Lang làm gì?</p> <p>+ Trong các ngày lễ hội họ thường làm gì?</p> <p>+ Các truyện Trầu cau, Bánh chưng, bánh giầy cho ta biết thời Văn Lang có những phong tục gì ?</p> <p>+ Tín ngưỡng của cư dân Văn Lang ra sao?</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>tục, tập quán như làm bánh chưng, bánh giầy, xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang.

- Thời gian: 6 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời (trắc nghiệm).

+ **Phần trắc nghiệm khách quan**

Câu 1. Văn Lang là một nước

A. công nghiệp.

B. nông nghiệp.

C. nông, công nghiệp.

D. thương nghiệp.

Câu 2. Nguồn lương thực chính của cư dân Văn Lang là

A. sắn, bầu bí.

B. ngô, khoai.

C. thóc, lúa.

D. lúa mì.

Câu 3. Nghề đúc đồng thời Văn Lang thể hiện rõ tài năng người thợ đúc đồng ở dụng cụ tiêu biểu nào?

A. Lưỡi cày, lưỡi giáo.

B. Trống đồng, thạp đồng.

B. Vũ khí, cung tên.

D. Mũi tên, lưỡi liềm đồng.

Câu 4. Trong những ngày lễ hội cư dân Văn Lang có tục nhảy múa, ca hát, đánh trống, điều đó có nghĩa gì?

A. Thể hiện tinh thần đoàn kết giữa các chiềng, chạ.

B. Làm cho cuộc sống vui tươi hơn, tăng sự gắn bó trong cộng đồng.

C. Thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

D. Phản ánh đời sống sinh hoạt phong phú, tín ngưỡng phồn vinh.

Câu 5. Truyện “Bánh chưng, bánh giầy” nói lên quan niệm gì?

A. Cách chế biến thức ăn.

B. Trời tròn, đất vuông.

C. Phải thờ cúng tổ tiên trong ngày tết, lễ hội.

D. Nguồn gốc của con người.

Câu 6. Cư dân Văn Lang thường tổ chức ngày hội với tiếng trống đồng rộn vang thể hiện mong muốn điều gì?

A. Mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, sinh đẻ nhiều, làm ăn yên ổn.

B. Con cháu đông, mùa màng bội thu.

C. Cầu mong sức khỏe cho dân làng.

D. Đất nước yên bình, không có giặc ngoại xâm.

+ Phần tự luận

Trình bày những nét chính trong đời sống vật chất của cư dân Văn Lang.

- Dự kiến sản phẩm

+ Phần trắc nghiệm khách quan

CÂU	1	2	3	4	5	6
ĐA	B	C	B	D	C	A

+ Phần tự luận

- Ở nhà sàn mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mũi thuyền làm bằng gỗ, tre, nứa...

- Ăn cơm nếp, cơm tẻ, rau, thịt, cá...

- Trang phục:

+ Nam : đóng khố, mình trần, đi chân đất .

+ Nữ : mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực.

- Việc đi lại chủ yếu bằng thuyền

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS nhận xét về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang.

- Phương thức tiến hành: các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm: Đời sống của cư dân Văn Lang xuất phát từ điều kiện tự nhiên và nền kinh tế. Chính vì vậy, đời sống vật chất và tinh thần của họ khá phong phú, đã hoà quyện vào nhau, tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc trong con người Lạc Việt. Đó chính

là cơ sở nguồn gốc hình thành nên nền văn minh sông Hồng, tạo nên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Học bài cũ - Soạn bài 15

+ Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào?

+ Sự thay đổi về sản xuất và đời sống xã hội của nước Âu Lạc như thế nào?

Ngày soạn: 11/12/18

Ngày dạy: 13/12/18

TUẦN 15-Tiết 15

Bài 14 **NƯỚC ÂU LẠC**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài học, học sinh

- Trình bày được hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc, sự tiến bộ trong sản xuất (sử dụng công cụ bằng đồng, bằng sắt, chăn nuôi, trồng trọt, các nghề thủ công)

2. Thái độ

- Giáo dục tình cảm, tinh thần yêu quê hương đất nước, tinh thần cộng đồng luôn nhớ về cội nguồn.

3. Kỹ năng

- Bồi dưỡng kỹ năng nhận xét, so sánh bước đầu tìm hiểu về bài học lịch sử.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện sự kiện lịch sử về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần, sự ra đời của nước Âu Lạc

+ So sánh, nhận xét, đánh giá sự tiến bộ của nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang.

+ Vận dụng kiến thức thực hành

II. PHƯƠNG PHÁP: Nêu vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm

III. PHƯƠNG TIỆN: Tranh ảnh, lược đồ cuộc kháng chiến, ti vi.

IV. CHUẨN BỊ

2. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tranh ảnh có liên quan.

- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Hoàn thành các nội dung giáo viên đã giao ở tiết trước.

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ: (4 phút)

- Điền những nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang ?
- Những yếu tố nào tạo nên tình cảm cộng đồng của cư dân Văn Lang ?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc... để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề.
- Thời gian: 2 phút.
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho HS yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:
Tình hình nhà nước Văn Lang ở thế kỉ III TCN như thế nào?
- Dự kiến sản phẩm : Đất nước Văn Lang không còn yên bình như trước, vua chỉ lo ăn uống vui chơi, lụt lội xảy ra, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn....

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới:

Nhà nước Văn Lang ở thế kỉ III TCN đất nước Văn Lang không còn yên bình như trước, vua chỉ lo ăn uống vui chơi, lụt lội xảy ra, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn...Vua Hùng thứ 18 không chú ý đến việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ở phương Bắc nhà Tần mở rộng bờ cõi xuống phía Nam, nhân dân đoàn kết chống ngoại xâm giành thắng lợi, trên cơ sở đó nhà nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào, tổ chức nhà nước ra sao? Để hiểu rõ nội dung đó, chúng ta tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục 1. Cuộc kháng chiến chống Tần xâm lược Tần diễn ra như thế nào?

- Mục tiêu: HS trình bày diễn biến chính cuộc kháng chiến chống quân Tần.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....
- Phương tiện: Ti vi, lược đồ cuộc kháng chiến.
- Thời gian: 8 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
GV dùng lược đồ giới thiệu: Tần là một nước ở phía bắc Văn Lang, năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất TQ lập ra nhà Tần. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 1 SGK thực hiện các yêu cầu sau. + Tình hình nhà nước Văn Lang như thế nào trước khi quân Tần xâm lược? + Tại sao nhà Tần lại xâm lược Văn Lang? + Quân dân ta đã kháng chiến chống quân	- Năm 218 TCN, nhà Tần đánh xuống phương Nam để mở rộng bờ cõi. - Năm 214 TCN, quân Tần kéo đến vùng phía bắc Văn Lang - Ban đầu, quân Tần thắng. Sau đó, họ bầu một người tài giỏi tên là Thục Phán lên làm thủ lĩnh, chỉ huy cuộc kháng chiến, ngày ở trong rừng, đêm

<p>xâm lược Tần như thế nào? Kết quả ra sao? + Nguyên nhân thắng lợi?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - HS lần lượt trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>đến ra đánh quân Tần.</p> <p>- Cuộc kháng chiến diễn ra suốt 6 năm, người Việt đã đại phá quân Tần. Kháng chiến thắng lợi vẻ vang.</p>
--	---

2. Hoạt động 2

Mục 2. Nước Âu Lạc ra đời

- Mục tiêu: HS trình bày được hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm....
- Phương tiện: Tì vi
- Thời gian: 11 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia thành 4 nhóm. Các nhóm đọc mục 2, thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau: + Nhóm 1: Nhà nước Âu Lạc ra đời năm nào, trong hoàn cảnh như thế nào? + Nhóm 2: Tại sao đặt tên nước là Âu Lạc? An Dương Vương đóng đô ở đâu? Vì sao? + Nhóm 3,4: Vẽ sơ đồ nhà nước Âu Lạc, nêu nhận xét.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>- Sau khi đánh thắng quân Tần, năm 207 TCN, Thục Phán hợp nhất vùng đất của người Tây Âu và Lạc Việt thành nước Âu Lạc.</p> <p>- Thục Phán lên làm vua, lấy hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội ngày nay)</p> <p>- Bộ máy nhà nước thời An Dương Vương không có gì thay đổi so với thời Hùng Vương.</p>

<p>luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	
---	--

3. Hoạt động 3

Mục 3. Đất nước thời Âu Lạc có gì thay đổi?

- Mục tiêu: HS nhận biết được sự thay đổi rõ nét về sản xuất và đời sống xã hội của nước Âu Lạc.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....
- Phương tiện: Tài liệu
- Thời gian: 9 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mục 3, quan sát H39, 40 SGK thực hiện các yêu cầu sau. + Trong kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp đã có những tiến bộ gì? Tại sao có sự tiến bộ đó? + Xã hội thời Âu Lạc có sự thay đổi như thế nào? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt trình bày. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của</p>	<p>*Kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp + Lưỡi cày đồng được cải tiến dùng phổ biến hơn . + Chăn nuôi, trồng trọt, đánh cá , săn bắn đều phát triển . - Các nghề thủ công + Làm gốm, dệt, làm đồ trang sức đều tiến bộ. + Ngành xây dựng và luyện kim đặc biệt phát triển. + Công cụ sản xuất bằng sắt ngày càng nhiều. <p>* Xã hội: Dân số tăng, sự phân biệt giữa các tầng lớp sâu sắc hơn.</p>

học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc, sự tiến bộ trong sản xuất.

- Thời gian: 6 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Để đối phó với hành động xâm lược của quân Tần, nhân dân Tây Âu - Lạc Việt đã sử dụng cách đánh nào?

- A. Tổ chức những trận phục kích nhỏ. B. Đánh quân Tần cả ngày lẫn đêm.
C. Ngày ở yên, đêm ra đánh quân Tần. D. Tổ chức những trận đánh lớn và liên tiếp.

Câu 2. Nước Âu Lạc ra đời trên cơ sở nào?

- A. Sau khi đánh tan quân Tần. B. Hợp nhất Tây Âu và Lạc Việt.
C. Nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi. D. Nước Âu lạc mạnh hơn nước Văn Lang.

Câu 3. Kinh đô của nước Âu Lạc ở

- A. Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ). B. Gia Ninh (Phú Thọ).
C. Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh - Hà Nội).
D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 4. Điểm khác trong tổ chức bộ máy nhà nước thời An Dương Vương so với thời vua Hùng là

- A. vua đứng đầu đất nước, nắm mọi quyền hành.
B. giúp việc cho vua có các Lạc hầu, Lạc tướng.
C. cả nước chia thành nhiều bộ, do lạc tướng đứng đầu.
D. tổ chức nhà nước chặt chẽ hơn, vua có nhiều quyền hành hơn.

Câu 5. Nước Âu Lạc do ai đứng đầu?

- A. An Dương Vương. B. Hùng Vương.
C. Ngô Quyền. D. Đinh Bộ Lĩnh.

+ Phần tự luận

Câu 1. Đất nước thời Âu Lạc có gì thay đổi?

- Dự kiến sản phẩm:

+ Phần trắc nghiệm khách quan

CÂU	1	2	3	4	5
ĐA	C	B	C	D	A

+ Phần tự luận:.....

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

+ HS biết nhận xét, đánh giá sự tiến bộ của nhà nước Âu Lạc so với nước Văn Lang.

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Điểm giống và khác nhau của nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang.

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

+ Giống nhau: Có tổ chức từ trên xuống dưới, lấy làng chạ làm cơ sở (đơn vị hành chính).

+ Tuy còn đơn giản nhưng là tổ chức chính quyền cai quản của cả nước.

+ Khác nhau: Thời Âu Lạc, quyền hành nhà nước đã cao và chặt chẽ hơn. Vua có quyền thế trong việc trị nước.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Học bài - xem trước bài 15: NƯỚC ÂU LẠC (tiếp theo)

+ Em có nhận xét gì về việc xây dựng công trình thành Cổ Loa vào thế kỉ thứ III – II TCN ở nước Âu Lạc ?

+ Theo em, truyện Mỵ Châu - Trọng Thủy nói lên điều gì?

+ Nguyên nhân thất bại của nước Âu Lạc.

+ Sự thất bại của An Dương Vương để lại bài học gì cho đời sau?

TUẦN 16 -Tiết 16

Ngày soạn: 18/12/18

Ngày dạy: 20/12/18

Bài 15
NƯỚC ÂU LẠC
(tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được Thành Cổ Loa và sơ lược diễn biến cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 TCN.

2. Thái độ

- Giáo dục HS biết trân trọng những thành quả mà cha ông đã xây dựng trong lịch sử.
- Giáo dục cho HS tinh thần cảnh giác đối với kẻ thù trong mọi tình huống phải kiên quyết gìn giữ độc lập dân tộc.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện cho các em kỹ năng trình bày một vấn đề lịch sử theo bản đồ và kỹ năng nhận xét đánh giá, rút kinh nghiệm lịch sử.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Mô tả thành Cổ Loa qua kênh hình SGK và giá trị của nó.

II. PHƯƠNG PHÁP: Nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan

III. PHƯƠNG TIỆN: Ti vi, sơ đồ thành Cổ Loa, phiếu thảo luận.

IV. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa.

- Chuẩn bị nội dung sẵn nội dung mà GV giao về nhà trong tiết trước

V. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định

2. KTBC: (4 phút)

- Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là mô tả nét chính về Thành Cổ Loa để đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình, trực quan, nêu vấn đề.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV cho HS quan sát H41,42/SGK trang 44,45; yêu cầu HS trả lời câu hỏi :

+ Những hình ảnh trên gợi cho em vấn đề gì?

- Dự kiến sản phẩm: Đây là khu di tích thành Cổ Loa và đền thờ An Dương Vương.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới:

Đây là khu di tích thành Cổ Loa và đền thờ An Dương Vương. Tuy nhiên các em không thể trình bày cụ thể các lĩnh vực đó. Để tìm hiểu rõ hơn về công trình Cổ Loa và giá trị của nó. Nước Âu Lạc sụp đổ trong hoàn cảnh nào? Bài học kinh nghiệm. Mời các em cùng cô nghiên cứu nội dung bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1

Mục 1. Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng

- Mục tiêu: HS biết mô tả nét chính về thành Cổ Loa và giá trị của nó.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích,.....

- Phương tiện: Ti vi, sơ đồ thành Cổ Loa

- Thời gian: 12 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>- GV mô tả thành Cổ Loa theo sơ đồ</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1 SGK thực hiện các yêu cầu sau.</p> <p>+ Em có nhận xét gì về việc xây dựng công trình thành Cổ Loa vào thế kỉ III-II TCN ở nước Âu Lạc?</p> <p>(Là công trình lao động quy mô nhất của Âu Lạc, thể hiện tài năng sáng tạo và kỹ thuật xây dựng của nhân dân ta.)</p> <p>+ ADV cho xây dựng thành Cổ Loa nhằm mục đích gì?</p> <p>+ Em hãy nêu những điểm khác nhau của nhà nước Âu Lạc và nhà nước Văn Lang? (Nước Âu Lạc có quân đội, có xây thành để bảo vệ kinh đô)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng hệ thống câu hỏi gợi mở - linh hoạt).</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- HS lần lượt trình bày.</p>	<p>a. Thành Cổ Loa</p> <p>An Dương Vương cho xây dựng ở Phong Khê một khu thành đất lớn, có 3 vòng khép kín với chu vi khoảng 16000 m, hình tròn ốc gọi là Loa thành hay thành Cổ Loa.</p> <p>- Các thành đều có hào bao quanh và thông nhau.</p> <p>- Bên trong thành Nội là nơi ở, làm việc của ADV và các Lạc hầu, Lạc tướng</p> <p>b. Lực lượng quốc phòng</p> <p>- Cổ Loa còn là một quân thành</p> <p>- Quân đội có thủy binh, bộ binh</p> <p>- Vũ khí bằng đồng, đặc biệt là nỏ</p>

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV lồng ghép BVMT: Biết sử dụng những điều kiện của tự nhiên để xây dựng thành Cổ Loa. Giáo dục ý thức bảo vệ di tích cho HS

2. Hoạt động 2

Mục 2. Nhà nước Âu Lạc sụp đổ trong hoàn cảnh nào?

- Mục tiêu: HS nhận biết và ghi nhớ diễn biến chính của cuộc kháng chiến, nguyên nhân thất bại của nước Âu Lạc.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích, nhóm....
- Phương tiện: Ti vi
- Thời gian: 15 phút
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm (Nội dung chính)
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Chia thành 3 nhóm. Các nhóm đọc mục 2, thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>+ Nhóm 1:</p> <p>Em biết gì về Triệu Đà?</p> <p>Cuộc kháng chiến chống quân Triệu Đà diễn ra như thế nào? Kết quả?</p> <p>+ Nhóm 2: Nguyên nhân thất bại của An Dương Vương trước cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà?</p> <p>+ Nhóm 3: Theo em, sự thất bại của An Dương Vương để lại cho đời sau bài học gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>- Năm 207 TCN, nhân lúc nhà Tần suy yếu, Triệu Đà lập thành nước Nam Việt, rồi đem quân đánh xuống Âu Lạc.</p> <p>- Quân dân Âu Lạc với vũ khí tốt, tinh thần chiến đấu dũng cảm đã giữ vững được nền độc lập.</p> <p>- Triệu Đà biết không thể đánh bại được, bèn xin hoà và dùng mưu kế chia rẽ nội bộ nước ta.</p> <p>- Năm 179 TCN, Triệu Đà lại sai quân sang đánh chiếm nước ta. Nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Triệu.</p>

<p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Nguyên nhân thất bại của Âu Lạc: Do ADV chủ quan, thiếu cảnh giác, nội bộ mất đoàn kết.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về mô tả nét chính về Thành Cổ Loa và sơ lược diễn biến cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 TCN.

- Thời gian: 7 phút

- Phương thức tiến hành: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ **Phần trắc nghiệm khách quan**

Câu 1. Thành Cổ Loa còn có tên gọi là

- A. Loa thành. B. Hoàng thành.
C. Kinh thành. D. Long thành.

Câu 2. Vũ khí đặc biệt dưới thời An Dương Vương là

- A. rìu chiến. B. dao găm.
C. nỏ và mũi tên đồng. D. giáo.

Câu 3. Ý nào không phải là nguyên nhân khiến cho nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Triệu?

- A. Nội bộ đất nước chia rẽ. B. Các tướng giỏi bỏ về quê.
C. Nhà vua già yếu, không còn đủ sức lãnh đạo đất nước.
D. Nhà vua chủ quan không lo phòng bị đất nước.

Câu 4. Đâu không phải là đánh giá đúng về thành Cổ Loa?

- A. Là công trình kiến trúc độc đáo và sáng tạo.
B. Là căn cứ quân sự lợi hại, một vị trí phòng thủ kiên cố.
C. Thể hiện trình độ phát triển cao của nước Âu Lạc.
D. Thành Cổ Loa chỉ là nơi làm, chỗ ở cho các vua chúa.

Câu 5. Sự thất bại của An Dương Vương dẫn tới hậu quả gì?

- A. Đất nước ta lúc đó mất độc lập.
B. Âu Lạc rơi vào ách đô hộ nhà Triệu.
C. Âu Lạc chịu sự đô hộ của nhà Tần.
D. Nhân dân ta khổ cực.

Câu 6. Bài học lớn nhất sau thất bại của An Dương Vương chống quân xâm lược Triệu Đà là

- A. Phải có tinh thần đoàn kết. B. Phải có lòng yêu nước.
C. Phải đề cao cảnh giác với kẻ thù. D. Phải có vũ khí tốt.

Câu 7. Bài học đầu tiên và quan trọng nhất về công cuộc giữ nước mà thời Văn Lang

- Âu Lạc để lại cho chúng ta là gì?

- A. Bài học về tinh thần cảnh giác. B. Bài học về việc xây thành chiến đấu.
C. Bài học về kỹ thuật tác chiến.

D. Việc giành chính quyền đã khó, việc giữ chính quyền lại càng khó hơn.

- Dự kiến sản phẩm:

CÂU	1	2	3	4	5	6	7
ĐA	A	C	C	D	B	C	A

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS rút ra được bài học kinh nghiệm về sự thất bại của An Dương Vương.

- Phương thức tiến hành: câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Theo em, sự thất bại của An Dương Vương để lại cho chúng ta bài học gì trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

- Thời gian: 4 phút.

- Dự kiến sản phẩm

+ Đề cao tinh thần cảnh giác với mọi kẻ thù.

+ Chuẩn bị lực lượng quân đội mạnh, vũ khí tốt, sẵn sàng chiến đấu.

+ Tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, tập hợp sức mạnh toàn dân chống giặc ngoại xâm.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

Học bài - Ôn tập lại toàn bộ kiến thức chương I, II chuẩn bị cho tiết ôn tập

Ngày soạn: 22 - 01 - 2019

Ngày dạy: 24 - 01 - 2019

CHƯƠNG III: THỜI KỲ BẮC THUỘC VÀ ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

Tuần 20: Tiết 20: BÀI 17: CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG (năm 40)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được một số nét khái quát tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến hết thế kỉ I: Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nước ta (xoá tên nước ta, đồng hoá và bóc lột tàn bạo dân ta).

- Biết được những nét chính của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng: công việc chuẩn bị, sự ủng hộ của nhân dân, diễn biến, kết quả.

- Hiểu được nguyên nhân dẫn tới cuộc khởi nghĩa.

- Xác định trên lược đồ nơi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa.

- Nhận xét về cách đặt quan lại cai trị của nhà Hán và chính sách cai trị tàn bạo của bọn phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.

2. Kỹ năng

- Rèn cho học sinh biết tìm nguyên nhân và mục đích của sự kiện lịch sử.

- Bước đầu rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ lịch sử.

3. Thái độ

- Giáo dục cho HS ý thức căm thù quân xâm lược, ý thức tự hào dân tộc, biết ơn Hai Bà Trưng và tự hào về truyền thống phụ nữ Việt Nam.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát hình 43 SGK, trình bày được diễn biến của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

+ Xác định trên lược đồ nơi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.

- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Hình ảnh và lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

- Những tư liệu lịch sử về Hai Bà Trưng.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là những nét chính của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về Hai Bà Trưng.

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết nội dung của các hình ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Năm 179 TCN, An Dương Vương do chủ quan, thiếu cảnh giác đất nước ta rơi vào tay của Triệu Đà. Sau Triệu Đà, dưới ách cai trị tàn bạo của nhà Hán, nhân dân ta không chịu sống trong cảnh nô lệ nên đã liên tục nổi dậy đấu tranh, mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40). Đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho ý chí bất khuất của dân tộc ta thời kỳ đầu công nguyên.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: Tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I

- Mục tiêu: Biết được tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- Phương tiện

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- Thời gian: 10 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mục 1 SGK trang 47. - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: <p>+ Nhóm 1,2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau cuộc kháng chiến của An Dương Vương thất bại, nước ta rơi vào tình trạng gì? <p>+ Nhóm 3,4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhà Hán đánh bại nhà Triệu, chúng đã thực hiện chính sách gì ở nước ta? <p>+ Nhóm 5,6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà Hán gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc nhằm mục đích gì? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm):</p> <p>? Em hiểu thứ sử, đô úy, thái thú là gì.</p> <p>+ Thứ sử là chức quan do bọn phong kiến Trung Quốc đặt ra để trông coi một số quận, hoặc đứng đầu bộ máy cai trị ở nước phụ thuộc. Thứ sử coi chính trị, Đô úy coi quân sự.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau thất bại của An Dương Vương năm 179 TCN, Triệu Đà sáp đất đai Âu Lạc vào Nam Việt, chia Âu Lạc thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. - Năm 111 TCN, nhà Hán chiếm Âu Lạc và chia lại thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, gộp với sáu quận của Trung Quốc thành châu Giao.

<p>? Em có nhận xét gì về cách đặt quan lại của nhà Hán?</p> <p>- Nhà Hán mới bố trí được người cai trị từ cấp quận, còn cấp huyện, xã chúng chưa thể với tới nên buộc phải để người Âu Lạc trị dân như cũ.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Đứng đầu châu Giao là Thứ sử coi việc chính trị, Đô úy coi việc quân sự và đều là người Hán. Ở các quận, huyện nhà Hán vẫn để các Lạc tướng trị dân như cũ.</p>
--	--

2. Hoạt động 2: Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nước ta

- **Mục tiêu:** Biết được chính sách thống trị của phong kiến phương Bắc.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 8 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS tiếp tục đọc mục 1.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi:</p> <p>+ Nhóm 1,3,5: Em biết gì về thái thú Tô Định? Việc nhà Hán đưa người Hán sang Châu Giao sinh sống nhằm mục đích gì?</p> <p>+ Nhóm 2,4,6: Em có nhận xét gì về chính sách cai trị của nhà Hán?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Ra sức bóc lột dân ta bằng các thứ thuế, nhất là thuế muối, thuế sắt... và bắt cống nạp những sản vật quý như ngà voi, sừng tê, ngọc trai...</p> <p>- Cho người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục tập quán của họ, âm mưu đồng hoá dân tộc ta.</p>

3. Hoạt động 3: Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

- **Mục tiêu:** Trình bày được diễn biến chính cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình...

- **Phương tiện**
- + Ti vi.
- + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 13 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mục 2. Cá nhân ? Vì sao cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ? ? Em biết gì về Hai Bà Trưng? ? Cuộc khởi nghĩa diễn ra như thế nào? - HS: Dựa vào bản đồ tường thuật. ? Bốn câu thơ trong Thiên Nam Ngũ Lục nói lên mục đích của khởi nghĩa là gì? ? Việc khắp nơi kéo quân về tụ nghĩa nói lên điều gì? (Liên hệ câu nói của Lê Văn Hưu) - HS: Ách thống trị tàn bạo của nhà Hán khiến nhân dân ta căm giận và nổi dậy khởi nghĩa. ? Sử dụng lược đồ để xác định những nơi bùng nổ cuộc khởi nghĩa ? Mục tiêu của cuộc khởi nghĩa? <p>HS: Giành lại độc lập cho Tổ quốc, nối tiếp sự nghiệp của các vua Hùng.</p> <p>? Nêu kết quả của cuộc khởi nghĩa?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày, phản biện. <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>a. Nguyên nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do ách đô hộ thống trị tàn bạo của nhà Hán đã làm nhân dân ta ở khắp nơi căm phẫn, muốn nổi dậy chống lại. <p>b. Diễn biến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (Hà Nội), nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh, rồi tiến về Cổ Loa, Luy Lâu. - Tô Định hốt hoảng bỏ thành lên trốn về Nam Hải. Quân Hán ở các quận, huyện khác bị đánh tan. <p>c. Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn.

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.
- **Thời gian:** 5 phút
- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận là

- A. Giao Chỉ và Nhật Nam. B. Giao Chỉ và Phong Châu.
C. Cửu Chân và Mê Linh. D. **Giao Chỉ và Cửu Chân.**

Câu 2. Châu Giao do nhà Hán thiết lập gồm những vùng đất nào?

- A. Nước Nam Việt và 6 quận của Trung Quốc.
B. Nước Âu Lạc và 6 quận của Trung Quốc.
C. Vùng Cửu Chân, Nhật Nam và 5 quận của Trung Quốc.
D. Quảng Đông, Quảng Tây và Lạc Việt.

Câu 3. Nhà Hán đã đặt các chức quan nào để cai trị châu Giao?

- A. Thứ sử, Thái thú, Đô úy. B. Lạc hầu, Thái thú, Đô úy.
C. Thứ sử, Lạc tướng, Đô úy. D. Thái thú, Đô úy, Huyện lệnh.

Câu 4. Đâu **không** phải là mục đích nhà Hán gộp Âu Lạc và 6 quận của Trung Quốc thành châu Giao?

- A. Muốn xóa bỏ hẳn nước Âu Lạc.
B. Biến nước ta thành một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc.
C. Nhà Hán muốn giúp nước Âu Lạc.
D. Nhà Hán muốn đồng hóa dân tộc ta.

Câu 5. Tại sao nhà Hán vẫn để Lạc tướng cai trị như cũ ở cấp huyện?

- A. Nhà Hán muốn người Việt tự trị.
B. Nhà Hán không muốn cai trị ở cấp huyện.
C. Nhà Hán muốn nhân dân ở các huyện được bình yên.
D. Nhà Hán chưa đủ mạnh để vươn tới các địa phương ở xa.

Câu 6. Nhà Hán đưa người Hán sang châu Giao sinh sống nhằm mục đích gì?

- A. Để nhân dân hai nước hiểu nhau.
B. Giúp nhân dân ta nâng cao trình độ dân trí.
C. Bắt dân ta phải theo phong tục, tập quán của người Hán để đồng hóa người Việt.
D. Giải quyết nạn dân số tăng nhanh ở Trung Quốc.

Câu 7. Mục tiêu của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

- A. Trả thù cho chồng.
B. Giành lại độc lập cho Tổ quốc, nối tiếp sự nghiệp của các vua Hùng.
C. Giúp cho kinh tế phát triển.
D. Loại kẻ thù ra khỏi nước ta.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
ĐA	D	B	A	C	D	C	B

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS đánh giá, nhận xét ...

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Việc khắp nơi đều kéo quân về Mê Linh nói lên điều gì? Em có suy nghĩ gì về lời nhận xét của Lê Văn Hưu?

- **Thời gian:** 4 phút.

- **Dự kiến sản phẩm**

*Việc khắp nơi đều kéo quân về Mê Linh nói lên

+ Ách thống trị của nhà Hán đối với nhân dân ta rất tàn bạo, khiến nhân dân khắp nơi đều căm phẫn.

+ Nhân dân ta không cam chịu cảnh mất nước sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ.

+ Tinh thần đoàn kết chống giặc của nhân dân ta...

*Em có suy nghĩ gì về lời nhận xét của Lê Văn Hưu

+ Lòng yêu nước, ý chí độc lập dân tộc của nhân dân ta.

+ Dân tộc ta đủ sức giành và giữ vững nền độc lập dân tộc...

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, xem trước bài 18: Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.

1. Suy tìm tranh ảnh về Hai Bà Trưng.

2. Sau khi đánh đuổi quân Đông Hán, Hai Bà Trưng đã làm để giữ vững nền độc lập?

3. Việc suy tôn Trưng Trắc lên làm vua có ý nghĩa gì?

4. Cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng có ý nghĩa như thế nào?

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập.
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán (thời gian, những trận đánh chính, kết quả).
- Giải thích vì sao nhân dân ta tôn thờ Hai Bà Trưng. Liên hệ với địa phương (đường phố, đền thờ, di tích ...).
- Nhận xét về lực lượng quân Hán ở lần sau với lần trước.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ lịch sử.
- HS bước đầu làm quen với kể chuyện lịch sử.

3. Thái độ

- HS hiểu rõ tinh thần bất khuất của dân tộc ta.
- Ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc thời Hai Bà Trưng.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Quan sát hình 44 SGK, trình bày được diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.
 - + Quan sát hình 45 SGK, giải thích vì sao nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng và các vị tướng ở khắp nơi.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Lược đồ kháng chiến chống quân xâm lược Hán.
- Tranh ảnh, chuyện kể.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là những việc làm của Hai Bà Trưng sau khởi nghĩa thắng lợi, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV Giáo viên cho xem hình ảnh về Hai Bà Trưng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.

? Hình ảnh trên nhắc đến vị anh hùng dân tộc nào?

- Dự kiến sản phẩm: HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng giành được thắng lợi, đánh đuổi quân đô hộ ra khỏi đất nước, Hai Bà Trưng đã cùng nhân dân ta tiến

hành xây dựng đất nước cùng với kháng chiến để giữ nền tự chủ trước cuộc xâm lược của quân Hán (42- 43). Để hiểu rõ về những việc làm này chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: Công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập

- **Mục tiêu:** Biết và ghi nhớ những việc làm của Hai Bà Trưng sau khởi nghĩa thắng lợi.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 12 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1 SGK.</p> <p>- Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi:</p> <p>+ Nhóm 1,2: - Sau khi đánh đuổi quân Đông Hán , Hai Bà Trưng đã làm để giữ vững nền độc lập?</p> <p>+ Nhóm 3,4: - Việc suy tôn Trưng Trắc lên làm vua có ý nghĩa gì?</p> <p>+ Nhóm 5,6: - Những việc làm của Trưng Trắc có ý nghĩa và tác dụng như thế nào?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>? Được tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa vua Hán có thái độ như thế nào?</p> <p>- Vua Hán nổi giận, hạ lệnh cho các quận miền Nam Trung Quốc khẩn trương chuẩn bị...</p> <p>? Vì sao vua Hán không tiến hành đàn áp ngay cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng mà chỉ hạ lệnh cho các quận miền Nam Trung Quốc khẩn trương chuẩn bị?</p> <p>- Vì lúc này ở Trung Quốc, nhà Hán phải lo đối phó với các cuộc chiến tranh của nông dân và thực hiện bành trướng lãnh thổ...</p>	<p>- Trưng Trắc được tôn làm vua (Trưng Vương), đóng đô ở Mê Linh và phong chức tước cho những người có công.</p> <p>- Các lạc tướng được giữ quyền cai quản các huyện. Bãi bỏ luật pháp của chính quyền đô hộ cũ, xá thuế hai năm liền cho dân.</p>

Sau những tổn thất năm 40, nhà Hán muốn tranh thủ thêm thời gian để chuẩn bị lực lượng.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày, phản biện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Hoạt động 2: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về diễn biến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 20 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2. Thảo luận nhóm cặp đôi</p> <p>+ Quan sát hình 44 SGK, trình bày được diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>? Năm 42 quân Đông Hán đã tấn công vào nước ta như thế nào?</p> <p>- GV giải thích thêm: Hợp Phố (Quảng Châu – Trung Quốc ngày nay) Hợp Phố nằm trong châu Giao.</p> <p>?Tại sao Mã Viện lại được chọn làm chỉ huy đạo quân xâm lược?</p> <p>- Là một tên hung bạo, xảo quyệt, có nhiều kinh nghiệm đàn áp các cuộc khởi nghĩa và được vua Hán phong là phục ba tướng quân.</p> <p>? Em có nhận xét gì về lực lượng của nhà Đông Hán?</p> <p>- Quân mạnh, tướng hung bạo.</p> <p>? Nhận xét về lực lượng quân Hán ở lần sau với lần trước?</p> <p>GV Nói về lực lượng của ta...</p> <p>? Sau khi chiếm được Hợp Phố quân Mã Viện tiến vào nước ta như thế nào?</p> <p>Gọi HS đọc đoạn viết về Lãng Bạc.</p> <p>? Vì sao Mã Viện sau này nhớ về Lãng Bạc lại kinh hoàng?</p> <p>GV giải thích thêm về sự hy sinh anh dũng của Hai Bà.</p> <p>? Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có ý nghĩa như thế nào?</p>	<p>a. Diễn biến, kết quả</p> <p>- Thời gian: từ tháng 4 - 42 đến tháng 11 - 43.</p> <p>- Mã Viện chỉ huy đạo quân gồm hai vạn quân tinh nhuệ, hai nghìn xe thuyền các loại và nhiều dân phu.</p> <p>- Những trận đánh chính:</p> <p>+ Quân Hán tấn công Hợp Phố, quân ta chủ động rút khỏi Hợp Phố.</p> <p>+ Tại Lãng Bạc, diễn ra những cuộc chiến ác liệt.</p> <p>+ Quân ta lui về giữ Cổ Loa và Mê Linh rồi về Cẩm Khê.</p> <p>Cuối tháng 3 - 43 (ngày 6 tháng Hai</p>

<p>? Hiện nay ở địa phương ta có công trình văn hoá nào mang tên Hai Bà? Hàng năm nhà trường có những hoạt động gì để kỷ niệm về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?</p> <p>HS: Suy nghĩ trả lời.</p> <p>GV chiếu hình ảnh đền thờ Hai Bà Trưng.</p> <p>? Việc nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng và các vị tướng ở khắp nơi nói lên điều gì?</p> <p>- Thể hiện lòng thành kính và nhớ ơn của người dân đối với những người có công với nước, đó chính là đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.</p> <p>? Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ các di tích lịch sử?</p> <p>- HS: Không vứt rác bừa bãi, tố giác kẻ gian ăn cắp đồ vật...</p> <p>GV: Hiện nay việc giữ gìn, bảo vệ di sản trong văn hóa trong dân cư còn quá ít. Vì vậy chúng ta cần tuyên truyền thường xuyên các kiến thức liên quan đến các di sản để mọi người nhận thức về giá trị của nó và họ sẽ không xâm phạm hủy hoại di tích.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>âm lịch), Hai Bà Trưng hi sinh oanh liệt trên đất Cẩm Khê.</p> <p>- Cuộc kháng chiến còn tiếp tục đến tháng 11 - 43. Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân về nước.</p> <p>b. Ý nghĩa</p> <p>- Cuộc khởi nghĩa thể hiện ý chí quật cường, bất khuất của dân tộc.</p>
---	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 5 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Được tin cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi, vua Hán đã làm gì để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh xâm lược?

A. Xây dựng hệ thống giao thông kiên cố.

B. Luyện tập võ nghệ.

C. Chuẩn bị xe thuyền, tích trữ lương thực.

D. Rèn đúc vũ khí.

Câu 2. Sau khi đánh thắng quân Hán, Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua gọi là gì?

A. Trưng Vương.

B. Vua Bà.

C. Bà Vương.

D. Triệu Vương.

Câu 3. Vì sao Mã Viện được chọn làm chỉ huy đạo quân xâm lược?

A. Là viên tướng lão luyện.

B. Quen chinh chiến ở chiến trường.

C. Hung bạo, gian ác.

D. Giỏi võ nghệ.

Câu 4. Tại sao nói nhà nước do Trưng Vương xây dựng là nhà nước độc lập?

A. Không chịu sự chỉ huy của nhà Hán.

B. Các Lạc tướng cai quản các huyện.

C. Không bị Trung Quốc cai trị.
vua.

D. Trung Nhị được suy tôn làm

Câu 5. Tại sao Hai Bà Trưng được nhân dân lập đền thờ ở khắp nơi?

A. Hai Bà thường giúp đỡ người nghèo.

B. Biết ơn công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của Hai Bà.

C. Kỷ niệm những nơi Hai Bà đặt chân đến.

D. Hai Bà là người nổi tiếng.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5
ĐA	C	A	C	A	B

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS kể chuyện, nhận xét ...

- Phương thức tiến hành: Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Kể về một anh hùng chống ngoại xâm mà em biết?

- Thời gian: 5 phút.

- Dự kiến sản phẩm: HS kể chuyện

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, xem trước bài 19: Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế?

1. Suu tầm một số hình ảnh liên quan đến bài học.

2. Từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán có sự thay đổi gì trong chính sách cai trị? Em có nhận xét gì về chính sách bóc lột của bọn đô hộ?

3. Vì sao Nhà Hán tiếp tục thi hành chủ trương đưa người Hán sang ở nước ta?

4. Vì sao với chế độ thống trị hà khắc của phong kiến phương Bắc mà nền kinh tế nước ta vẫn phát triển về mọi mặt?

5. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng về Hai Bà Trưng và công lao của Hai Bà.

Tuần 22

Ngày soạn: 12 - 02 - 2019

Ngày dạy: 14 - 02 - 2019

Tiết 22:

BÀI 19

TỪ SAU TRUNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÝ NAM ĐẾ

(Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được đôi nét về tình hình nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI:

+ Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc: sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán, tổ chức bộ máy cai trị, thi hành chính sách bóc lột và đồng hoá.

+ Sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp: sử dụng công cụ sản xuất, dùng sức kéo trâu, bò, trồng lúa hai vụ, nghề gốm, nghề dệt...

- Nhận xét về chính sách thống trị của nhà Hán.

2. Kỹ năng

- HS biết phân tích, đánh giá những thủ đoạn cai trị của phong kiến phương bắc thời bắc thuộc.

- Biết tìm nguyên nhân vì sao nhân dân ta không ngừng đấu tranh chống áp bức của phong kiến phương Bắc.

3. Thái độ

- Có thái độ căm thù trước những chính sách tàn bạo của phong kiến Trung Quốc.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát những sản vật công nộp, nhận xét về chính sách bóc lột của bọn đô hộ.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.

- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.

- Tranh ảnh về những sản vật công nộp cho nhà Hán.

- Lược đồ Âu Lạc thế kỷ I – VI.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là đôi nét về tình hình nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV Giáo viên cho xem hình ảnh về về những sản vật công nộp cho nhà Hán.

? Em biết gì về những hình ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: HS trả lời.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Mặc dù nhân dân ta đã chiến đấu rất dũng cảm, ngoan cường nhưng do lực lượng quá chênh lệch, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã thất bại, đất nước ta bị phong kiến phương Bắc cai trị. Vậy chính sách cai trị của chúng như thế nào? Đời sống của nhân dân ta ra sao, bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu...

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI

- **Mục tiêu:** Biết được nội dung chủ yếu các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với dân ta.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 18 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mục 1 SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1,2: Quan sát lược đồ Âu Lạc thế kỷ I – VI. ? Châu Giao có mấy quận, Miền đất Âu Lạc cũ gồm những quận nào? + Nhóm 3,4: ? Từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán có sự thay đổi gì trong chính sách cai trị? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này? + Nhóm 5,6: ? Tại sao người Hán đặc biệt chú trọng đánh vào thuế muối & thuế sắt? Em có nhận xét gì về chính sách bóc lột của bọn đô hộ? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>? Ngoài đàn áp bóc lột bằng thuế má...chúng còn thực hiện những chính sách gì?</p> <p>? Vì sao nhà Hán tiếp tục thi hành chủ trương đưa người Hán sang ở nước ta?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hóa dân tộc ta. ? Nhà Hán đã dùng thủ đoạn gì để đồng hóa dân tộc ta? - Biến nước ta thành quận, huyện của Trung Quốc. ? Vì sao phong kiến phương Bắc muốn đồng hóa dân ta? - Xóa bỏ sự tồn tại của dân tộc ta. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu thế kỉ III, nhà Ngô tách châu Giao thành Quảng Châu và Giao Châu. - Đưa người Hán sang làm Huyện lệnh. - Thu nhiều thứ thuế, nặng nhất là thuế muối và thuế sắt, lao dịch và nộp cống nặng nề. - Tiếp tục đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục tập quán

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	của họ.
--	---------

2. Hoạt động 2: 2. Sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp

- **Mục tiêu:** Biết được những biểu hiện thay đổi trong tình hình kinh tế nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 17 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 2. ? Vì sao nhà Hán nắm độc quyền về sắt? - Công cụ sắt mang lại hiệu quả lao động cao, kinh tế phát triển, vũ khí sắt có hiệu quả chiến đấu cao->nhà Hán kìm hãm làm cho nền kinh tế không phát triển, dễ bề thống trị. ? Mặc dù bị hạn chế nhưng nghề sắt ở Giao Châu vẫn phát triển, tại sao? - Nghề sắt phát triển để rèn ra những công cụ sắc bén phục vụ cho sản xuất, rèn đúc vũ khí bảo vệ quốc gia. ? Căn cứ vào đâu khẳng định nghề sắt ở Giao Châu vẫn phát triển? - Di chỉ, mộ cổ tìm thấy nhiều công cụ... ? Những chi tiết nào chứng tỏ nền nông nghiệp Giao Châu vẫn phát triển? - Biết dùng trâu, bò làm sức kéo, trồng hai vụ lúa trong một năm... - GV: trực quan một số hình ảnh về sản phẩm nông nghiệp và thủ công. Khái quát lại, chốt ý. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm) Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	- Mặc dù còn hạn chế về kĩ thuật, nhưng nghề sắt vẫn phát triển : các công cụ như rìu, mai, cuốc, dao... làm bằng sắt được dùng phổ biến. - Biết đắp đê phòng lụt, biết trồng lúa hai vụ một năm. - Nghề gốm, nghề dệt,... cũng được phát triển. - Các sản phẩm nông nghiệp và thủ công được trao đổi ở các chợ làng. Chính quyền đô hộ giữ độc quyền ngoại thương.

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Dưới thời Ngô cai trị, nước Âu Lạc được gọi là

A. châu Giao. **B. Giao Châu.** C. Cửu Chân. D. Đại Việt.

Câu 2. Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán đưa người Hán sang thay người Việt làm huyện lệnh là vì?

A. Kiểm soát chặt hơn. B. Đồng hóa.
C. Hán hóa Âu Lạc. **D. Trực tiếp cai quan xuống tận huyện.**

Câu 3. Vì sao nghề rèn sắt ở nước ta vẫn phát triển mặc dù bị nhà Hán hạn chế?

A. Quyết tâm đấu tranh giành lại độc lập.

B. Yêu cầu bức thiết cần phải phát triển.

C. Nước ta có rất nhiều mỏ sắt.

D. Nước ta có rất nhiều thợ rèn.

Câu 4. Đâu **không** phải là chi tiết chứng tỏ nền nông nghiệp Giao Châu vẫn phát triển?

A. Biết dùng lưỡi cày sắt do trâu kéo.

B. Biết đắp đê và trồng lúa hai vụ.

C. Biết dùng biện pháp sinh học để diệt sâu hại.

D. Biết dùng máy gặt để thu hoạch lúa.

Câu 5. Tại sao nhà Hán muốn đồng hóa nhân dân ta?

A. Nhà Hán muốn các nước xung quanh phát triển.

B. Nhà Hán muốn biến nước ta thành một quận của Trung Quốc.

C. Nhà Hán muốn nước ta hiểu rõ nền văn hóa Trung Quốc.

D. Nhà Hán muốn làm bạn với nước ta .

- **Dự kiến sản phẩm**

Câu	1	2	3	4	5
ĐA	B	D	A	D	B

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS kể chuyện, nhận xét ...

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Vì sao dưới chế độ thống trị hà khắc của phong kiến phương Bắc mà nền kinh tế nước ta vẫn phát triển về mọi mặt?

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trả lời

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Học bài cũ, xem trước bài 20: Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế (tt)

1. Sưu tầm một số hình ảnh, mẫu chuyện liên quan đến bài học.

2. Vẽ sơ đồ Hình 55. Nhận xét gì về sự chuyển biến xã hội nước ta?

3. Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

4. Nhận xét về cuộc khởi nghĩa? Vì sao cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu bị thất bại?
Cuộc Khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào?

Tuần 23
Tiết 23:

Ngày soạn: 19 - 02 - 2019

Ngày dạy: 21 - 02 - 2019

BÀI 19

TỪ SAU TRUNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÝ NAM ĐẾ
(Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI) (tiếp theo)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc (chữ Hán, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo) và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc (tiếng nói, phong tục tập quán).

- Biết và ghi nhớ nguyên nhân, diễn biến chính, ý nghĩa của khởi nghĩa Bà Triệu.

- Nhận xét sơ đồ về sự phân hoá xã hội Thời Văn Lang - Âu Lạc và Thời kì bị đô hộ.

2. Kỹ năng

- HS làm quen với phương pháp phân tích, nhận thức lịch sử thông qua sơ đồ.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng tự hào dân tộc, nhân dân ta trong hoàn cảnh khó khăn vẫn giữ được bản sắc văn hoá dân tộc, chống lại sự đồng hoá của kẻ thù.
- Giáo dục HS lòng biết ơn đối với Bà Triệu đã dũng cảm chiến đấu giành lại độc lập dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Quan sát lược đồ, trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Triệu.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Hình ảnh, lược đồ khởi nghĩa Bà Triệu năm 248.
- Sơ đồ về sự phân hoá xã hội Thời Văn Lang - Âu Lạc và Thời kì bị đô hộ.
- Hình 46 – Lăng Bà Triệu ở Núi Tùng (Thanh Hóa) phóng to.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là biết được nguyên nhân, diễn biến chính, ý nghĩa của khởi nghĩa Bà Triệu, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 3 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về Bà Triệu.

? Em biết gì về những hình ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về Bà Triệu.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Chúng ta đã biết tuy thế lực phong kiến phương Bắc luôn tìm mọi cách để kìm hãm nhưng nền kinh tế của nước ta vẫn phát triển. Từ sự phát triển về kinh tế đã kéo theo những chuyển biến về xã hội. Vậy xã hội có những chuyển biến như thế nào? Vì sao dẫn đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu, diễn biến, kết quả ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu...

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 3. Sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc

Nhận biết được

- **Mục tiêu:** Biết được sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 18 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm												
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 3 SGK và quan sát sơ đồ phân hóa xã hội - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: + Nhóm 1,2: ? Em có nhận xét gì về sự chuyển biến xã hội nước ta? ? Tình hình văn hóa nước ta có gì thay đổi? + Nhóm 3,4: ? Theo em, việc chính quyền đô hộ mở trường học ở nước ta nhằm mục đích gì? + Nhóm 5,6: ? Những phong tục tập quán nào ta còn? ? Vì sao người Việt vẫn giữ được phong tục, tập quán và tiếng nói của tổ tiên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm) ? Em hãy cho biết xã hội thời Văn Lang – Âu Lạc đã bị phân hóa thành những tầng lớp nào? Xã hội có sự phân biệt giàu nghèo chưa? - Thời Văn Lang – Âu Lạc bị phân hóa thành 3 tầng lớp: Quý tộc, nông dân công xã và nô tì. - Xã hội chưa có sự phân biệt giàu nghèo... ? Bộ phận đông đảo nhất của xã hội Âu Lạc là ai? Họ có vai trò trong xã hội như thế nào? - HS:... ? Nô tì trong xã hội thời kỳ bị đô hộ có cuộc sống ra sao? - GV hình thành khái niệm "đồng hóa" cho HS. ? Nét mới về văn hóa nước ta trong các thế kỷ I – VI là gì?	- Sơ đồ phân hóa xã hội <table border="1"> <tr> <td>Thời Văn Lang - Âu Lạc</td><td>Thời kì bị đô hộ</td></tr> <tr> <td>Vua</td><td>Quan lại đô hộ</td></tr> <tr> <td>Quý tộc</td><td>Hào trưởng Việt, địa chủ Hán</td></tr> <tr> <td>Nông dân công xã</td><td>Nông dân công xã</td></tr> <tr> <td></td><td>Nông dân lệ thuộc</td></tr> <tr> <td>Nô tì</td><td>Nô tì</td></tr> </table> <p>- Chính quyền đô hộ mở một số trường học dạy chữ Hán tại các quận, huyện và tiến hành du nhập Nho giáo, Đạo giáo... và những luật lệ, phong tục tập quán của người Hán vào nước ta.</p> <p>- Tổ tiên ta đã kiên trì đấu tranh bảo vệ tiếng nói, phong tục và nếp sống của dân tộc ; đồng thời cũng tiếp thu những tinh hoa của nền văn hoá Trung Quốc và các nước khác làm phong phú thêm nền văn hoá của mình.</p>	Thời Văn Lang - Âu Lạc	Thời kì bị đô hộ	Vua	Quan lại đô hộ	Quý tộc	Hào trưởng Việt, địa chủ Hán	Nông dân công xã	Nông dân công xã		Nông dân lệ thuộc	Nô tì	Nô tì
Thời Văn Lang - Âu Lạc	Thời kì bị đô hộ												
Vua	Quan lại đô hộ												
Quý tộc	Hào trưởng Việt, địa chủ Hán												
Nông dân công xã	Nông dân công xã												
	Nông dân lệ thuộc												
Nô tì	Nô tì												

- Đấu tranh chống đồng hóa, giữ gìn phong tục tập quán, văn hóa dân tộc...

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày, phản biện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học

2. Hoạt động 2: 4. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

- **Mục tiêu:** Biết và ghi nhớ nguyên nhân diễn biến chính, ý nghĩa của khởi nghĩa.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 17 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mục 4. Thảo luận nhóm cặp đôi. ? Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu? ? Lời cầu của Tiết Tổng nói lên điều gì? ? Em hãy nêu những hiểu biết của mình về Bà Triệu? ? Em có suy nghĩ gì về câu nói của Bà Triệu được dẫn trong SGK? ? Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu bùng nổ như thế nào? - GV: Trích dẫn câu nói của nhà Ngô: “Năm 248 toàn thể Giao Châu chấn động” ? Em có nhận xét gì về cuộc khởi nghĩa ? ? Vì sao cuộc khởi nghĩa của bà Triệu bị thất bại? - Do lực lượng quá chênh lệch, nhà Ngô mạnh, nhiều mưu kế hiểm độc. ? Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào? ? Qua câu ca dao SGK, cho thấy thái độ của nhân dân ta đối với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu như thế nào? - Câu ca dao nói lên niềm tự hào của nhân dân về Bà Triệu và tinh thần sẵn sàng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Bà. GV trực quan hình ảnh về lăng Bà Triệu ở Núi Tùng (Thanh Hóa). ? Em biết gì về lăng Bà Triệu ở Núi Tùng (Thanh Hóa)? ? Việc nhân dân ta xây dựng lăng Bà Triệu ở Núi Tùng (Thanh Hóa) nhằm mục đích gì? - HS trả lời. - GV chốt ý, tổng kết bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân: nhân dân ta không cam chịu kiếp sống nô lệ... - Năm 248, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Từ căn cứ Phú Điền (Hậu Lộc - Thanh Hoá), Bà Triệu lãnh đạo nghĩa quân đánh phá các thành ấp của của nhà Ngô ở quận Cửu Chân, rồi đánh ra khắp Giao Châu. - Nhà Ngô cử 6000 quân sang đàn áp. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền - Hậu Lộc - Thanh Hoá). - Ý nghĩa : khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành

<p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>lại độc lập dân tộc.</p>
--	-----------------------------

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Trước khi nhà Hán sang cai trị, xã hội nước ta có những tầng lớp nào?

A. Quý tộc - Nông dân công xã - Nô tì.

B. Vua, Quý tộc - Nông dân công xã - Nô tì.

C. Quan đô hộ, Quý tộc - Nông dân công xã - Nô tì.

D. Vua, Hào trưởng Việt - Nông dân công xã - Nô tì.

Câu 2. Tại sao vào thời Hán đô hộ, nước ta xuất hiện tầng lớp nông dân lệ thuộc?

A. Bị người Hán đánh đập thậm tệ.

B. Bị người Hán thu tóm mọi quyền hành.

C. Bị người Hán cướp đoạt ruộng đất, bóc lột nặng nề.

D. Bị người Hán ép buộc làm việc nhiều.

Câu 3. Những đạo nào được du nhập vào nước ta dưới thời Hán cai trị?

A. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo.

B. Nho giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo.

C. Hồi giáo, Đạo giáo, Bà La Môn giáo. D. Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo.

Câu 4. Đâu *không* phải là mục đích chính quyền đô hộ mở trường học ở nước ta?

A. Làm cho tất cả dân ta đều biết đọc, biết viết chữ Hán.

B. Để cho con em của bọn đô hộ không bị thất học.

C. Bắt dân ta học chữ Hán, phổ biến tư tưởng, luật lệ, phong tục người Hán.

D. Làm cho hai dân tộc gần gũi hơn.

Câu 5. Tại sao cuộc khởi nghĩa Bà Triệu thất bại?

A. Lực lượng nhà Ngô rất mạnh.

B. Không có vũ khí tốt.

C. Quân địch đánh lên.

D. Bị cướp vũ khí.

Câu 6. Câu nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

A. Khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

- B. Thể hiện tinh thần cầu tiến.
C. Thể hiện tinh thần tiếp thu nền văn hóa của nước ngoài.
D. Khẳng định truyền thống đấu tranh kiên cường của dân ta.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	B	C	A	D	A	A

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS kể chuyện, nhận xét ...

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Trình bày những đóng góp của phụ nữ trong cuộc khởi nghĩa Bà Trưng, Bà Triệu?

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:**

+ Phụ nữ đã tích cực hưởng ứng, tham gia và có những đóng góp quan trọng, là lực lượng đông đảo tham gia cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống quân xâm lược Hán... Xây dựng hình ảnh đẹp, tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc.

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Học bài cũ, ôn lại những bài đã học để tiết sau làm bài tập.

Tuần 24 Ngày soạn: 26 - 02 - 2019

Ngày dạy: 28 - 02 - 2019

Tiết 24: LÀM BÀI TẬP LỊCH SỬ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Giúp HS:

- Củng cố những kiến thức cơ bản của phần lịch sử Việt Nam từ năm 40 đến TK VI.
- Nắm chắc, hiểu rõ những nội dung chủ yếu của lịch sử Việt Nam.

2. Kỹ năng

Củng cố, rèn luyện tốt hơn các kỹ năng học tập bộ môn.

3. Thái độ

Thông qua những sự kiện, niên đại, nhân vật lịch sử... đã được học, giúp HS có nhận thức, đánh giá đúng đắn.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint, hệ thống câu hỏi bài tập...
- Lược đồ các cuộc khởi nghĩa.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Bài soạn các câu hỏi....

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới:

3.1 Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, ý thức học tập, gây hứng thú để học sinh vào bài
- Phương pháp – kỹ thuật: Thuyết trình, trực quan, cá nhân...
- Thời gian: (5 phút)
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh của các cuộc khởi nghĩa.

GV nêu câu hỏi HS trả lời:

+ Lịch sử nước ta đã trải qua các cuộc khởi nghĩa nào?

- Dự kiến sản phẩm: HS trả lời đây là hình ảnh cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, mỗi cuộc khởi nghĩa có nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa khác nhau.

Giáo viên nhận xét hướng HS vào bài mới:

GV trình chiếu các câu hỏi để HS trả lời, có thể chia nhóm để thi đua giữa các nhóm với nhau.

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đầu thế kỉ III, nhà Ngô tách Châu Giao thành

- | | |
|------------------------------------|--|
| A. Quảng Châu và Giao Châu. | B. Quảng Châu (thuộc Trung Quốc). |
| C. Giao Châu (Âu Lạc cũ). | D. Giao Chỉ (Âu Lạc). |

Câu 2. Nhà Hán chia Âu Lạc thành những quận nào?

- | | |
|---------------------------------|--|
| A. Giao Chỉ và Nhật Nam. | B. Giao Chỉ và Phong Châu, Luy Lâu. |
| C. Cửu Chân và Mê Linh. | D. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. |

Câu 3. Đâu **không** phải là mục tiêu của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

- | | |
|--|---|
| A. Trả thù cho chồng. | B. Giúp cho đất nước phát triển. |
| C. Giành lại độc lập cho Tổ quốc. | D. Nối lại sự nghiệp của các vua Hùng. |

Câu 4. Chính quyền đô hộ sát nhập đất đai Âu Lạc vào lãnh thổ của Trung Quốc để

A. Thôn tính nước ta cả về lãnh thổ và chủ quyền.

- | |
|---|
| B. Người Trung Quốc đông có thêm đất đai để ở. |
| C. Giúp nhân dân tổ chức lại bộ máy chính quyền. |
| D. Bắt nhân dân ta phải thần phục nhà Hán. |

Câu 5. Mục đích thâm hiểm của nhà Hán đưa người Hán ở lẫn với dân ta là

- | | |
|--|---------------------------------|
| A. đồng hoá dân tộc ta. | B. chiếm đất của dân ta. |
| C. bắt dân ta hầu hạ phục dịch cho người Hán. | D. vơ vét bóc lột. |

Câu 6. Trưng Vương đã làm gì sau khi giành lại được độc lập cho đất nước?

- | |
|--|
| A. Tiếp tục sử dụng pháp luật nhà Hán để thống trị. |
|--|

B. Yêu cầu nhân dân cống nạp của ngon vật lạ.

C. Tiếp tục thu thuế.

D. Miễn thuế hai năm liền cho nhân dân, bãi bỏ luật pháp hà khắc.

Câu 7. Vị nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong lịch sử Việt Nam là

A. Triệu Thị Trinh.

B. Bùi Thị Xuân.

C. Trưng Trắc.

D. Bà Huyện Thanh Quan.

Câu 8. Chọn từ đúng để điền vào chỗ chấm...

*“Một xin rửa sạch thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba kẻo oan ức lòng.....
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”*

A. Dân - này.

B. Nước - chồng.

C. Nước - dân.

D. Nợ - dân.

Câu 9. Việc nhân dân ta lập đền thờ Hai Bà Trưng và các vị tướng ở khắp nơi nói lên điều gì?

A. Thể hiện đời sống tâm linh của người Việt.

B. Thể hiện tinh thần yêu nước.

C. Thể hiện lòng thành kính với người đã khuất.

D. Thể hiện lòng thành kính và nhớ ơn của người dân đối với những người có công với nước.

Câu 10. Tại sao nói nhà nước do Trưng Vương xây dựng là nhà nước độc lập?

A. Trưng Nhị được suy tôn làm vua.

B. Không chịu sự chỉ huy của nhà Hán.

C. Lạc tướng người Việt cai quản các quận.

D. Có người đứng đầu.

Câu 11. Nhân dân ta đã dùng “côn trùng diệt côn trùng như thế nào?

A. Nuôi chim sâu để bắt sâu bọ.

B. Nuôi tê tê để phá các tổ mối trong vườn.

C. Nuôi kiến vàng trên cây cam để chống sâu bọ đục thân cây.

D. Nuôi chim gõ kiến.

Câu 12. Khi nhà Hán sang cai trị, tầng lớp nào mới hình thành trong xã hội?

A. Quan lại đô hộ - địa chủ Hán.

B. Quý tộc.

C. Nông dân công xã.

D. Vua – nô tì.

B. TỰ LUẬN

Câu 13. Đất nước và nhân dân Âu Lạc dưới thời thuộc Hán có gì thay đổi?

- Sau thất bại của An Dương Vương năm 179 TCN, Triệu Đà sáp nhập đất đai Âu Lạc vào Nam Việt, chia Âu Lạc thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.

- Năm 111 TCN, nhà Hán chiếm Âu Lạc và chia lại thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, gộp với sáu quận của Trung Quốc thành châu Giao.

- Đứng đầu châu Giao là Thứ sử coi việc chính trị, Đô úy coi việc quân sự và đều là người Hán. Ở các quận, huyện nhà Hán vẫn để các Lạc tướng trị dân như cũ.

Câu 14. Trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán?

a. Diễn biến, kết quả

- Thời gian: từ tháng 4 - 42 đến tháng 11 - 43.
- Mã Viện chỉ huy đạo quân gồm hai vạn quân tinh nhuệ, hai nghìn xe thuyền các loại và nhiều dân phu.
- Những trận đánh chính:
 - + Quân Hán tấn công Hợp Phố, quân ta chủ động rút khỏi Hợp Phố.
 - + Tại Lãng Bạc, diễn ra những cuộc chiến ác liệt.
 - + Quân ta lui về giữ Cổ Loa và Mê Linh rồi về Cẩm Khê. Cuối tháng 3 - 43 (ngày 6 tháng Hai âm lịch), Hai Bà Trưng hi sinh oanh liệt trên đất Cẩm Khê.
- Cuộc kháng chiến còn tiếp tục đến tháng 11 - 43. Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân về nước.

b. Ý nghĩa: - Cuộc khởi nghĩa thể hiện ý chí quật cường, bất khuất của dân tộc.

Câu 15. Từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Hán có sự thay đổi gì trong chính sách cai trị?

- Đầu thế kỉ III, nhà Ngô tách châu Giao thành Quảng Châu và Giao Châu.
- Đưa người Hán sang làm Huyện lệnh.
- Thu nhiều thứ thuế, nặng nhất là thuế muối và thuế sắt, lao dịch và nộp công nặng nề.
- Tiếp tục đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục tập quán của họ.

Câu 16. Nêu nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

- Nguyên nhân: nhân dân ta không cam chịu kiếp sống nô lệ...
- Năm 248, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Từ căn cứ Phú Điền (Hậu Lộc - Thanh Hoá), Bà Triệu lãnh đạo nghĩa quân đánh phá các thành ấp của của nhà Ngô ở quận Cửu Chân, rồi đánh ra khắp Giao Châu.
- Nhà Ngô cử 6000 quân sang đàn áp. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền - Hậu Lộc - Thanh Hoá).
- Ý nghĩa : khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

3.2. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS kể chuyện, nhận xét ...
- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.
? Viết đoạn văn ngắn từ 5 đến 10 dòng nói về suy nghĩ của em về nhân vật lịch sử Bà Trưng, Bà Triệu?
- **Thời gian:** 3 phút.
- **Dự kiến sản phẩm:** HS trình bày
- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

- + Học bài cũ, chuẩn bị soạn bài mới và trả lời các câu hỏi trong SGK bài 21 Khởi nghĩa Lý Bí – Nước Vạn Xuân.
- + Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.
- + Dựa vào lược đồ, trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa.

Tuần 25 Ngày soạn: 05 - 03 - 2019 Ngày dạy: 07 - 03 - 2019
Tiết 25: **BÀI 21**
KHỞI NGHĨA LÝ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN (542 – 602)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được chính sách đô hộ của nhà Lương đối với nước ta.
- Lý Bí và nước Vạn Xuân:
 - + Con người và sự nghiệp của Lý Bí (quê hương và hoạt động...).
 - + Diễn biến khởi nghĩa (sự ủng hộ của các hào kiệt khắp nơi, khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi. Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân).
- Cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược (diễn biến chính: thời Lý Bí lãnh đạo, kết quả).
- Nhận xét chính sách cai trị của nhà Lương đối với Giao Châu.

2. Kỹ năng

- HS biết nhận thức rõ nguyên nhân của sự kiện, biết đánh giá sự kiện lịch sử.
- Tiếp tục rèn luyện cho các em kỹ năng sử dụng bản đồ lịch sử.

3. Thái độ

- Sau hơn 600 năm chịu sự thống trị của phong kiến phương Bắc, khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi, nước Vạn Xuân ra đời chứng tỏ sức sống mãnh liệt của dân tộc ta.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Quan sát lược đồ, trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Hình ảnh, lược đồ khởi nghĩa Lý Bí (542 – 602).
- Phiếu học tập...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là biết được nguyên nhân, diễn biến chính, ý nghĩa của khởi nghĩa Lý Bí, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 3 phút.
- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về Lý Bí.

? Em biết gì về các bức ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về Lý Bí và cuộc khởi nghĩa.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Sau khi đàn áp được cuộc khởi nghĩa Bà Triệu, nhà Lương siết chặt hơn nữa ách đô hộ đối với nhân dân ta. Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Lương, cuộc sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ. Không cam chịu ách áp bức bóc lột, nhân dân ta đã nổi dậy đấu tranh dưới ngọn cờ của Lý Bí. Hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu rõ hơn về giai đoạn lịch sử này.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Chính sách đô hộ của nhà Lương

- **Mục tiêu:** Biết được chính sách đô hộ của nhà Lương.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 15 phút

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1. Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận</p> <p>+ Nhóm 1,2: ? Đầu thế kỉ VI ách đô hộ của nhà Lương đối với nước ta như thế nào? Tổ chức bộ máy nhà nước của nhà Lương ở nước ta có gì thay đổi?</p> <p>+ Nhóm 3,4: ? Em nghĩ gì về thái độ của nhà Lương đối với dân tộc ta?</p> <p>+ Nhóm 5,6: ? Em biết gì về Tiêu Tư và chính sách cai trị của nhà Lương? Em có nhận xét gì chính sách cai trị của nhà Lương đối với Giao Châu?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Về hành chính: nhà Lương chia lại đất nước ta thành các quận, huyện và đặt tên mới: Giao Châu (đồng bằng và trung du Bắc Bộ); Ái Châu (Thanh Hoá) ; Đúc Châu, Lợi Châu, Minh Châu (Nghệ - Tĩnh) và Hoàng Châu (Quảng Ninh).</p> <p>- Chủ trương chỉ có tôn thất nhà Lương và một số dòng họ lớn mới được giao chức vụ quan trọng trong bộ máy cai trị.</p> <p>- Đặt ra hàng trăm thứ thuế.</p>

2. Hoạt động 2: 2. Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

- **Mục tiêu:** Biết trình bày được theo lược đồ những nét diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa; kết quả, ý nghĩa.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 20 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Yêu cầu HS đọc mục 2. Thảo luận nhóm cặp đôi.</p> <p>? Em biết gì về Lý Bí? Vì sao ông lại mộ quân khởi nghĩa?</p> <p>? Những hào kiệt nào đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lý Bí? Vì sao?</p> <p>? Cuộc khởi nghĩa diễn ra như thế nào?</p> <p>- HS: Trình bày dựa vào lược đồ.</p> <p>? Sau khi nghĩa quân chiếm các quận, huyện quân Lương phản ứng như thế nào? Kết quả cuộc khởi nghĩa?</p> <p>? Em có nhận xét gì về tinh thần chiến đấu của nghĩa quân?</p>	<p>a. Nguyên nhân: do chính sách thống trị tàn bạo của nhà Lương đối với nhân dân ta.</p> <p>b. Diễn biến</p> <p>- Năm 542, khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ. Hào kiệt khắp nơi kéo về hưởng ứng:</p>

<p>? Cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi nhờ những nguyên nhân nào?</p> <p>? Sau khi giành được ngày thắng lợi, Lý Bí đã làm gì?</p> <p>? Vì sao Lý Bí không xưng vương mà lại xưng đế?</p> <p>? Theo em đặt tên nước Vạn Xuân có ý nghĩa gì?</p> <p>- Vạn Xuân có nghĩa vạn mùa xuân, mong muốn nước ta trường tồn như vạn mùa xuân...</p> <p>- Lý Bí tổ chức nhà nước như thế nào? Nhận xét?</p> <p>- GV: đây là nhà nước phong kiến trung ương tập quyền sơ khai.</p> <p>- GV chốt ý, tổng kết bài.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Chỉ chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện, Tiêu Tư bỏ chạy về Trung Quốc.</p> <p>- Tháng 4 - 542 và đầu năm 543, nhà Lương hai lần đưa quân sang đàn áp, quân ta chủ động tiến đánh quân địch và giành thắng lợi.</p> <p>- Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), lập triều đình với hai ban văn, võ.</p> <p>c. Kết quả, ý nghĩa: khởi nghĩa thắng lợi, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, lập nước riêng, thể hiện tinh thần, ý chí độc lập.</p>
--	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Nhà Lương đã chia nước Âu Lạc cũ thành các quận huyện nào?

A. Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Nhật Nam và Hoàng Châu.

B. Giao Chỉ, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu và Hoàng Châu.

C. Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu và Hoàng Châu.

D. Cửu Chân, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu và Hoàng Châu.

Câu 2. Sự kiện nào chứng tỏ nhà Lương rất khinh rẻ dân tộc ta?

A. Vua Tùy đòi vua ta là Lý Phật Tử phải sang chầu.

B. Khúc Thừa Dụ làm vua nước ta nhưng chỉ được phong làm Tiết độ sứ.

C. Bắt vua ta phải gởi con trai sang làm con tin.

D. Tinh Thiều là người nước ta, vốn học giỏi văn hay nhưng chỉ được giữ chức gác cổng thành.

Câu 3. Đâu *không* phải là lí do hào kiệt và nhân dân khắp nơi đều ủng hộ cuộc khởi nghĩa Lý Bí?

A. Muốn giành ngôi vua.

- B. Nhân dân ta rất oán hận nhà Lương.
C. Ý chí giành lại độc lập dân tộc của nhân dân ta.
D. Nhà Lương cai trị và bóc lột tàn bạo nhân dân ta.

Câu 4. Thứ sử Tiêu Tư đã có hành động gì trước cuộc khởi nghĩa của Lý Bí?

- A. Tiêu Tư chặn nghĩa quân tại thành Long Biên.

B. Tiêu Tư hoảng sợ, bỏ thành Long Biên chạy về Trung Quốc.

- C. Tiêu Tư bỏ thành Long Biên nhưng sau đó đem quân đánh úp, nghĩa quân phải rút lui.
D. Tiêu Tư dùng mưu kế hiểm độc làm nghĩa quân phải rút về Nghệ An.

Câu 5. Kết quả của cuộc tấn công lần thứ nhất của quân nhà Lương?

- A. Hai bên cầm cự hơn một năm, quân Lương rút về nước.

- B. Nghĩa quân đánh bại quân nhà Lương, giải phóng thêm Hợp Phố

C. Nghĩa quân đánh bại quân nhà Lương, giải phóng thêm Hoàng Châu.

- D. Quân Lương bao vây nghĩa quân trong thành Long Biên.

Câu 6. Sau cuộc khởi nghĩa chống quân Lương thắng lợi, Lý Bí đã làm gì?

A. Lý Bí lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Lý Nam Đế.

- B. Lý Bí lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Lý Thái Tổ.

- C. Lý Bí lên ngôi hoàng đế, dời đô về Đại La.

- D. Lý Bí lên ngôi hoàng đế, dời đô về Thăng Long.

Câu 6. Lý Nam Đế mong muốn điều gì khi đặt tên nước là Vạn Xuân?

- A. Đất nước tươi đẹp như vạn mùa xuân.

- B. Mong muốn sự trường tồn của dân tộc.

- C. Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ.

D. Mong muốn sự trường tồn của dân tộc, khẳng định ý chí độc lập, tự chủ, đất nước thanh bình, tươi đẹp như vạn mùa xuân.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
ĐA	C	D	A	B	C	A	D

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- Phương thức tiến hành: Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Em có suy nghĩ gì về việc đặt tên nước là Vạn Xuân?

- Thời gian: 3 phút.

- Dự kiến sản phẩm: HS

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài cũ, soạn bài mới và trả lời các câu hỏi trong SGK bài 22

Khởi nghĩa Lý Bí – Nước Vạn Xuân (tt)

+ Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.

+ Sau 2 lần thất bại thái độ của nhà Lương như thế nào?

+ Dựa vào lược đồ, trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa.

+ Theo em sự thất bại của Lý Nam Đế có phải là sự sụp đổ của nước Vạn Xuân không? Tại sao?

+ Sau khi đánh bại quân Lương Triệu Quang Phục đã làm gì?

Tuần 26 Ngày soạn: 12 - 03 - 2019 Ngày dạy: 14 - 03 - 2019

Tiết 26: **BÀI 22**

KHỞI NGHĨA LÝ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN (542 – 602) (tt)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược (diễn biến chính : thời Lý Bí lãnh đạo, thời Triệu Quang Phục lãnh đạo, kết quả).

2. Kỹ năng

- HS biết nhận thức rõ nguyên nhân của sự kiện, biết đánh giá sự kiện lịch sử.
- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng phân tích và đọc bản đồ lịch sử, tường thuật diễn biến khởi nghĩa.

3. Thái độ

- Học tập tinh thần chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc của ông cha ta. Giáo dục ý chí kiên cường bất khuất chống quân xâm lược của dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Quan sát lược đồ, trình bày diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và Triệu Quang Phục.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Tì vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Hình ảnh, lược đồ khởi nghĩa Lý Bí, Triệu Quang Phục.
- Phiếu học tập...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.

V. Tiến trình dạy học

1. Ôn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược thời Lý Bí lãnh đạo và Triệu Quang Phục lãnh đạo, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về cuộc khởi nghĩa Lý Bí và Triệu Quang Phục.

? Em biết gì về các bức ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về cuộc khởi nghĩa Lý Bí và Triệu Quang Phục.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Mùa xuân năm 544 cuộc khởi nghĩa Lý Bí thành công. Lý Bí lên ngôi hoàng đế và đặt tên nước là Vạn Xuân với hi vọng đất nước, dân tộc sẽ được trường tồn nhưng nhà Lương không chấp nhận thất bại chúng quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Vậy cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược lần thứ ba diễn ra như thế nào? Nước Vạn Xuân có được trường tồn mãi mãi không? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 3. Chống quân Lương xâm lược

- **Mục tiêu:** Trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Lương thời Lý Bí lãnh đạo.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- Phương tiện

+ Tì vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 13 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 1. Thảo luận nhóm cặp đôi - Dùng lược đồ trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân	- Tháng 5 - 545, nhà Lương cử Dương Phiêu và

<p>Lương xâm lược lần thứ ba.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>? Sau 2 lần thất bại thái độ của nhà Lương như thế nào?</p> <p>- Tháng 5 - 545 nhà Lương cử Dương Phiêu làm thứ sử Giao Châu và tướng Trần Bá Tiên chỉ huy 1 đạo quân theo 2 đường thủy bộ vào Vạn Xuân.</p> <p>? Trước tình hình đó Lý Nam Đế đã làm gì?</p> <p>- Trình bày trên bản đồ.</p> <p>? Vì sao Lý Nam Đế chọn hồ Điển Triệt để đóng quân?</p> <p>- HS trả lời theo SGK</p> <p>? Vì sao cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược của Lý Nam Đế thất bại?</p> <p>- Nước Vạn Xuân mới thành lập, lực lượng còn yếu, quân Lương mạnh dồn sức tấn công liên tục, tướng giặc rất lão luyện xảo quyệt</p> <p>? Theo em sự thất bại của Lý Nam Đế có phải là sự sụp đổ của nước Vạn Xuân không? Tại sao?</p> <p>- Không phải, vì cuộc đấu tranh của nhân dân ta vẫn còn tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Triệu Quang Phục.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Trần Bá Tiên chỉ huy một đạo quân lớn theo hai đường thủy bộ tiến xuống Vạn Xuân.</p> <p>- Quân ta chặn đánh địch không được, phải lui về giữ thành ở cửa sông Tô Lịch, thành vỡ. Lý Nam Đế rút về giữ thành Gia Ninh (Phú Thọ), rồi rút về hồ Điển Triệt, sau đó phải rút vào động Khuất Lão (Tam Nông - Phú Thọ). Năm 548, Lý Nam Đế mất.</p>
---	--

2. Hoạt động 2: 4. Triệu Quang Phục đánh bại quân Lương như thế nào?

- **Mục tiêu:** Trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Lương thời Triệu Quang Phục lãnh đạo.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 14 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Yêu cầu HS đọc mục 4. Thảo luận nhóm.</p> <p>+ Nhóm 1,2:</p> <p>? Vì sao Lý Bí lại trao quyền cho Triệu Quang Phục?</p> <p>? Việc đầu tiên Triệu Quang Phục làm sau khi được trao quyền lãnh đạo nghĩa quân là gì?</p>	<p>- Triệu Quang Phục là người có công lớn trong cuộc khởi nghĩa, được Lý Bí tin cậy. Sau thất bại ở hồ Điển Triệt,</p>

<p>+ Nhóm 3,4: ? Vì sao Triệu Quang Phục lại chọn Dạ Trạch (Hưng Yên) làm căn cứ kháng chiến? ? Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Lương đã diễn ra như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 5,6: ? Triệu Quang Phục đã dùng cách đánh nào để đánh bại quân Lương? ? Em có suy nghĩ gì về cách đánh của Triệu Quang Phục? ?Nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược do Triệu Quang Phục lãnh đạo?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Triệu Quang Phục được trao quyền chỉ huy cuộc kháng chiến chống lại quân Lương.</p> <p>- Ông cho lui quân về vùng Dạ Trạch (Hưng Yên), lợi dụng địa thế vùng Dạ Trạch, tổ chức đánh du kích, tinh thể giăng co kéo dài.</p> <p>Năm 550, nhà Lương có loạn, Trần Bá Tiên phải bỏ về nước. Quân ta phản công, đánh tan quân xâm lược, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.</p>
--	---

3. Hoạt động 3: 5. Nước Vạn Xuân độc lập đã kết thúc như thế nào?

- **Mục tiêu:** Biết được nước Vạn Xuân độc lập đã kết thúc như thế nào.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 8 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến SP
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc mục 5. ? Sau khi đánh bại quân Lương Triệu Quang Phục đã làm gì? - HS: Trả lời. *GV: Năm 571 Lý Phật Tử từ phía nam kéo về cướp ngôi. Năm 589 nhà Tùy lên thay, quân Tùy xâm lược Vạn Xuân. ? Vì sao quân Tùy lại yêu cầu Lý Phật Tử sang châu? Vì sao Lý Phật Tử không đi? - Nhà Tùy muốn bắt ông, nhân đó lập lại chế độ thống trị ở nước ta. Vì ông đề phòng âm mưu nham hiểm của kẻ thù và tích cực chuẩn bị kháng chiến. ? Lý Phật Tử chuẩn bị kháng chiến như thế nào? - Tăng thêm quân ở những nơi trọng yếu.</p>	<p>- Sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục lên ngôi vua (Triệu Việt Vương), tổ chức lại chính quyền.</p>

<p>? Nhà nước Vạn Xuân đã kết thúc như thế nào?</p> <p>- Năm 603, 10 vạn quân Tùy tấn công Vạn Xuân, Lý Phật Tử bị bắt giải về Trung Quốc.</p> <p>*GV: Dưới sự lãnh đạo của Lý Bí và Triệu Quang Phục nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu đánh đuổi quân xâm lược Lương giành lại chủ quyền đất nước nhưng với âm mưu thôn tính và đồng hóa dân tộc ta một lần nữa nhà Tùy lại đem quân xâm lược nước ta. Nhà nước Vạn Xuân độc lập đã kết thúc.</p> <p>GDMT: Các di tích, đền thờ các nhân vật lịch sử có công với đất nước</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- 20 năm sau, Lý Phật Tử cướp ngôi của Triệu Quang Phục. Năm 603, 10 vạn quân Tùy tấn công Vạn Xuân, Lý Phật Tử bị bắt giải về Trung Quốc.</p>
--	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 3 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Vị tướng nào của nhà Lương đã đem quân sang đàn áp Lý Nam Đế?

- A. Trần Bá Tiên. B. Mã Viện. C. Tiêu Tư.
D. Phạm Tu.

Câu 2. Hồ Điển Triệt bị đánh úp, Lý Nam Đế rút về

- A. Phong Khê. B. động Khuất Lão (Tam Nông – Phú Thọ).
C. đầm Dạ Trạch (Hưng Yên). D. Bạch Hạc – Việt Trì.

Câu 3. Triệu Quang Phục đã dùng chiến thuật gì để đánh quân Lương?

- A. Vườn không nhà trống.
B. Cho quân nghỉ binh ở bãi đất cao.
C. Ban ngày hành quân thần tốc, linh hoạt.
D. Ban ngày ẩn nấp, ban đêm đánh úp trại cướp vũ khí, lương thực.

Câu 4. Triệu Quang Phục lên ngôi vua tự xưng là gì?

- A. An Dương Vương. B. Lý Việt Vương.
C. Triệu Việt Vương. D. Dạ Trạch Vương.

Câu 5. Tại sao vào tháng 5 năm 545, Lý Nam Đế thất bại trong cuộc chiến đấu chống quân lương?

- A. Lương thực cạn kiệt. **B. Lực lượng địch quá mạnh.**
C. Nhân dân không ủng hộ. D. Lãnh đạo không đoàn kết.

Câu 6. Tại sao nhà Tùy đòi Lý Phật Tử phải sang châu?

- A. Vua Tùy muốn kết nghĩa anh em với Lý Phật Tử.
B. Nhà Tùy muốn xem mặt vua nước ta.
C. Nhà Tùy muốn giúp đỡ nhân dân ta.
D. Nhà Tùy muốn bắt giữ Lý Phật Tử để lập lại chế độ cai trị như cũ.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	A	B	D	C	B	D

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Hoàn thành bảng thống kê về diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược của Lý Bí?

- **Thời gian:** 4 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:**

Thời gian	Sự kiện
Năm 542	Khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ.
Tháng 4 - 542 - đầu năm 543	Nhà Lương hai lần đưa quân sang đàn áp, quân ta chủ động tiến đánh quân địch và giành thắng lợi.
Mùa xuân năm 544	Lý Bí lên ngôi Hoàng đế (Lý Nam Đế).
Tháng 5 - 545	Nhà Lương cử Dương Phiêu và Trần Bá Tiên chỉ huy một đạo quân lớn theo hai đường thủy bộ tiến xuống Vạn Xuân.
Đầu năm 546	Quân Lương chiếm thành Gia Ninh, Lý Nam Đế chạy đến miền núi Phú Thọ, sau đó đem quân ra đóng ở hồ Điển Triệt.
Năm 546 - 547	Quân Lương tấn công vào hồ Điển Triệt.
Năm 548	Lý Nam Đế mất.

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Học bài chuẩn bị tiết sau kiểm tra một tiết.

Ngày soạn: 19/3/2019

Ngày dạy: 21/3/2019

Bài 25: ÔN TẬP CHƯƠNG III

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Thông qua việc hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi của bài. GV khắc sâu kiến thức cơ bản của chương III.

2. Kỹ năng

Bồi dưỡng kỹ năng thông kê sự kiện theo thời gian.

3. Thái độ

HS nhận thức sâu sắc về tinh thần đấu tranh bền bỉ vì độc lập của đất nước, ý thức vươn lên bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

4. Định hướng năng lực cần hình thành

Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực chuyên biệt: tái tạo kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, giải thích được mối quan hệ đó, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá.

II. Phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học

Phương pháp: Dạy học nhóm; dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hình thức: Cá nhân– nhóm

Kỹ thuật dạy học: KT đặt câu hỏi; KT chia nhóm; KT động não; KT trình bày...

III. Phương tiện dạy học

SGK, bảng phụ

IV. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

Giáo án, SGK...

Tranh ảnh, bản đồ các cuộc khởi nghĩa.

2. Học sinh

Vở ghi, SGK.

Tập bản đồ và tranh ảnh sử 6...

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức (1')

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra trong quá trình ôn tập

3. Bài mới:

3.1 : Hoạt động khởi động (5 phút)

HS xem tranh: An Dương Vương thất bại trước Triệu Đà và tranh ddrnf thờ Phùng Hưng
? Em có suy nghĩ gì khi xem 2 bức tranh này

HS trả lời

GV dẫn dắt vào bài ôn tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung																		
<p>Hoạt động 1:</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4</p> <p>Nhóm 1? Tại sao sử cũ gọi giai đoạn lịch sử nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỷ X là thời kỳ Bắc thuộc?.</p> <p>Nhóm 2,3? Trong thời gian Bắc thuộc đất nước ta bị mất tên, bị chia ra nhập vào với các quận huyện của TQ với những tên gọi khác nhau như thế nào?</p> <p>(- GV cho HS hoạt động nhóm với các cột GV đưa ra: thời gian, tên nước, đơn vị hành chính-> HS thảo luận, lên bảng điền.-> GV nhận xét.)</p> <p>Nhóm 4? Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta trong thời kỳ Bắc thuộc ntn? Chính sách thâm hiểm nhất của họ là gì?</p> <p>HS thảo luận</p> <p>Đại diện nhóm trình bày</p> <p>Nhóm khác nhận xét</p> <p>GV kết luận</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>- GV kẻ bảng, đặt câu hỏi</p>	<p>1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nước ta.</p> <p>- Từ năm 179 TCN đến đầu thế kỷ X nhân dân ta bị hong kiến Trung Quốc đô hộ(905).</p> <table><tr><th>Thời gian</th><th>Tên nước</th><th>Đơn vị hành chính</th></tr><tr><td>Năm 179 TCN</td><td>Nam Việt</td><td>Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân</td></tr><tr><td>Năm 111 TCN</td><td>Châu Giao</td><td>Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam</td></tr><tr><td>Đầu thế kỷ III</td><td>Giao Châu</td><td>Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)</td></tr><tr><td>Đầu thế kỷ VI</td><td>Giao Châu</td><td>Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu</td></tr><tr><td>679 – thế kỷ X</td><td>An Nam đô hộ phủ</td><td>Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.</td></tr></table> <p>- Chính sách cai trị:</p> <p>Vô cùng thâm độc và tàn bạo, đẩy nhân dân ta vào cảnh cùng quẫn về mọi mặt. Đặc biệt chính sách thâm hiểm nhất là chúng muốn</p>	Thời gian	Tên nước	Đơn vị hành chính	Năm 179 TCN	Nam Việt	Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân	Năm 111 TCN	Châu Giao	Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam	Đầu thế kỷ III	Giao Châu	Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)	Đầu thế kỷ VI	Giao Châu	Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu	679 – thế kỷ X	An Nam đô hộ phủ	Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.
Thời gian	Tên nước	Đơn vị hành chính																	
Năm 179 TCN	Nam Việt	Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân																	
Năm 111 TCN	Châu Giao	Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam																	
Đầu thế kỷ III	Giao Châu	Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)																	
Đầu thế kỷ VI	Giao Châu	Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu																	
679 – thế kỷ X	An Nam đô hộ phủ	Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.																	

hướng dẫn HS trả lời, bổ sung điền vào bảng.	đồng hoá dân tộc ta.
2. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta thời Bắc thuộc.	

Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa chống giặc phương Bắc	Người lãnh đạo	Tóm tắt diễn biến chính	Ý nghĩa
Năm 40	Hai Bà Trưng chống nhà Hán	Trưng Trắc, Trưng Nhị	Mùa Xuân năm 40, Hai Bà phát động khởi nghĩa ở Mê Linh, nghĩa quân nhanh chóng chiếm toàn bộ Châu Giao.	Tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất của dân tộc ta.
Năm 42 – 43	Kháng chiến chống nhà Hán	Trưng Trắc, Trưng Nhị	Tháng 4/42, Mã Viện mang quân đánh vào nước ta. Hai Bà Trưng kéo quân từ Mê Linh đến vùng Lãng Bạc để nghênh chiến. Do yếu thế, quân ta lui về giữ Cổ Loa và Mê Linh. Mã Viện truy đuổi, Hai Bà lui về Cẩm Khê (Ba Vì – Hà Tây) chiến đấu giữ từng tấc đất, xóm làng. Tháng 3/43, Hai Bà hy sinh trên đất Cẩm Khê.	
Năm 248	Bà Triệu chống nhà Ngô	Triệu Thị Trinh	Năm 248, khởi nghĩa bùng nổ ở Phú Điền (Hậu Lộc – Thanh Hóa) rồi lan khắp Giao Châu.	
542 – 548	Lý Bí chống nhà Lương	Lý Bí	Năm 542, Lý Bí phát cờ khởi nghĩa. Năm 542 và 543, quân Lương 2 lần phản công nhưng thất bại. Mùa Xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), lập ra nước Vạn Xuân.	
548 – 602	Kháng chiến chống quân Lương	Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử	Chọn Dạ Trạch làm căn cứ, ban ngày tắt hết khói lửa, im hơi lặng tiếng. Đêm đến, nghĩa quân chèo thuyền đánh úp trại giặc, cướp vũ khí, lương thực. Năm 550, Trung Quốc có loạn, Trần Bá Tiên về nước. Chớp thời cơ đó, nghĩa quân phản công, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.	
Năm 722	Mai Thúc Loan chống nhà Đường	Mai Thúc Loan	Mai Thúc Loan kêu gọi nhân dân khởi nghĩa, nghĩa quân nhanh chóng chiếm được Hoan Châu. Ông liên kết với nhân dân khắp Giao Châu, Chăm-pa, chiếm được thành Tống Bình.	
776-791	Phùng Hưng chống nhà Đường	Phùng Hưng	Khoảng năm 776, Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải phát cờ khởi nghĩa ở Đường Lâm. Nghĩa quân nhanh chóng chiếm được thành Tống Bình.	

Lưu ý: phần diễn biến có thể cho HS xem SGK

*Hoạt động 3: HS nắm lại sự chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội.

3. Sự chuyển biến về kinh tế, văn hóa và xã hội

<p>? Kinh tế nước ta thời Bắc thuộc có chuyển biến ntn? (về nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp)</p> <p>? Văn hóa nước ta thời Bắc thuộc có gì đáng lưu ý ?</p> <p>? Xã hội nước ta thời Bắc thuộc có sự phân hóa ntn ?</p> <p>? Theo em, sau 1000 năm đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được phong tục tập quán gì? ý nghĩa của điều này? HS:- Tổ tiên vẫn giữ được tiếng nói và các phong tục, nếp sống của dân tộc mình.</p> <p>? Điều đó có ý nghĩa gì ? - Chúng tỏ sức sống mãnh liệt của tiếng nói, phong tục, nếp sống của dân tộc không có gì có thể tiêu diệt được.</p> <p>? Hơn 1000 năm đấu tranh giành độc lập, tổ tiên đã để lại cho chúng ta những bài học gì ? HS: ghi nhớ</p>	<p>* Về kinh tế: -Nông nghiệp: trồng lúa phát triển.</p> <p>-Nghề thủ công duy trì, phát triển. -Buôn bán được đẩy mạnh.</p> <p>* Về văn hóa: Chữ Hán được truyền vào nước ta.</p> <p>* Về xã hội HS vẽ sơ đồ vào vở</p>
--	---

3.3 HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5')

a/ Mục tiêu: Nhằm củng cố kiến thức, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b/ Phương thức:

GV giao nhiệm vụ cho HS: làm việc cá nhân , nhóm hoàn thành các câu hỏi:

-Em hãy kể tên các cuộc đấu tranh của nhân dân ta thời Bắc thuộc?

- Nêu những biểu hiện cụ thể của những chuyển biến về kinh tế, văn hóa nước ta trong thời Bắc thuộc?

3.4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (1')

a/ Mục tiêu:

-Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

+Vai trò Hai Bà Trưng, Lý Bí trong việc đấu tranh và xây dựng đất nước.

+Trách nhiệm của HS trong việc học tập và rèn luyện biết ơn những người đi trước.

b/ Phương thức:

Giao nhiệm vụ cho học sinh:

1. Chúng ta học tập được gì qua những tấm gương anh hùng đã học?
2. Liên hệ trách nhiệm bản thân đối với các hoạt động lao động trong nhà trường, gia đình, xã hội

c/ Dự kiến sản phẩm

- Nhà trường: tham gia tốt các phong trào.
 - Gia đình: HS tự làm các công việc nhà phục vụ bản thân.
 - Xã hội: tích cực tham gia tốt phong trào.
- Về ôn tập từ bài 17 -> 25, tiết 25 kiểm tra 1 tiết.

Tuần 30 Ngày soạn: 08 - 04 - 2019

Ngày dạy: 11 - 04 - 2019

Tiết 30:

LÀM BÀI TẬP LỊCH SỬ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Giúp HS:

- Củng cố những kiến thức cơ bản của phần lịch sử Việt Nam từ năm 542 đến TK IX.
- Nắm chắc, hiểu rõ những nội dung chủ yếu của lịch sử Việt Nam.
- Biết được tình hình Cham-pa từ TK II - IX.

2. Kỹ năng

Củng cố, rèn luyện tốt hơn các kỹ năng học tập bộ môn.

3. Thái độ

Thông qua những sự kiện, niên đại, nhân vật lịch sử... đã được học, giúp HS có nhận thức, đánh giá đúng đắn.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint, hệ thống câu hỏi bài tập...
- Lược đồ các cuộc khởi nghĩa.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Bài soạn các câu hỏi....

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới:

3.1 Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, ý thức học tập, gây hứng thú để học sinh vào bài
- Phương pháp – kỹ thuật: Thuyết trình, trực quan, cá nhân...

- Thời gian: (5 phút)
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh của các cuộc khởi nghĩa.
GV nêu câu hỏi HS trả lời:

+ Lịch sử nước ta đã trải qua các cuộc khởi nghĩa nào?

- Dự kiến sản phẩm: HS trả lời:

Giáo viên nhận xét hướng HS vào bài mới:

GV trình chiếu các câu hỏi để HS trả lời, có thể chia nhóm để thi đua giữa các nhóm với nhau.

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hào kiệt và nhân dân khắp nơi hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lí Bí vì

A. Lí Bí là người có công trong các cuộc khởi nghĩa lớn.

B. đây là kẻ sách của nhân dân.

C. nhân dân và hào kiệt không chịu ách thống trị của bọn đô hộ.

D. nhân dân muốn lập nên một chính quyền mới.

Câu 2. Nguyên nhân nào dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược do Triệu Quang Phục lãnh đạo?

A. Được nhân dân ủng hộ và tài chỉ huy của Triệu Quang Phục.

B. Lực lượng quân địch không mạnh.

C. Nhà Lương có loạn.

D. Trần Bá Tiên bỏ về nước.

Câu 3. Chọn ý đúng để hoàn thành đoạn đoạn trích nói về quá trình xây dựng nước Cham-pa.

độc lập?

Năm 192-193, Khu Liên lãnh đạo nhân dân ... nổi dậy giành quyền độc lập, đặt tên nước là ...sau đó đổi tên là...đóng đô ở ...

A. Nhật Nam, Cửu Chân, Cham-pa, Sin-ha-pu-ra.

B. Nhật Nam, Lâm Ấp, Cham-pa, Sin-ha-pu-ra.

C. Tượng Lâm, Lâm Ấp, Cham-pa, Sin-ha-pu-ra.

D. Nhật Nam, Lâm Ấp, Giao Chỉ, Sin-ha-pu-ra.

Câu 4. Lý Bí lên ngôi Hoàng đế vào thời gian nào?

A. Mùa xuân năm 542.

B. Mùa xuân năm 40.

C. Mùa xuân năm 543.

D. Mùa xuân năm 544.

Câu 5. Vị tướng nào của nhà Lương đã đem quân sang đàn áp Lý Nam Đế?

A. Lục Dận.

B. Tôn Tư.

C. Trần Bá Tiên.

D. Mã Viện.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan diễn ra khi triều đại nào của Trung Quốc đang cai trị nước ta?

A. Nhà Hán.

B. Nhà Lương.

C. Nhà Ngô.

D. Nhà Đường.

Câu 7. Tại sao Lý Nam Đế thất bại trong cuộc chiến đấu chống quân Lương?

A. Lương thực cạn.

B. Nhân dân không ủng hộ.

C. Lương thực địch quá mạnh.

D. Nội bộ mất đoàn kết.

Câu 8. Tên nước Vạn Xuân có ý nghĩa gì?

A. Lý Nam Đế mong muốn một năm có bốn mùa xuân.

B. Lý Nam Đế mong muốn đất nước trường tồn.

C. Lý Nam Đế mong muốn hoa nở khắp đất nước.

D. Lý Nam Đế mong muốn đất nước tươi như hoa.

Câu 9. Tại sao nhà Tùy đòi Lý Phật Tử sang châu?

A. Nhà Tùy muốn kết nghĩa anh em với Lý Phật Tử.

B. Nhà Tùy muốn xem mặt vua nước ta.

C. Nhà Tùy muốn trao đổi buôn bán với nước ta.

D. Nhà Tùy muốn bắt giữ Lý Phật Tử để lập lại chế độ cai trị như cũ.

Câu 10. Đến thế kỷ VI, triều đại phong kiến Trung Quốc nào đô hộ Giao Châu?

A. Nhà Đường.

B. Nhà Lương.

C. Nhà Ngô.

D. Nhà Tần.

Câu 11. Nhà Lương đã chia nước Âu Lạc cũ thành các quận huyện nào?

A. Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Trân Châu.

B. Giao Chỉ, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Trân Châu.

C. Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Hoàng Châu.

D. Hải Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Trân Châu.

Câu 12. Đứng đầu ban Văn của triều đình Tiền Lý là

A. Tinh Thiều.

B. Phạm Tu.

C. Lý Phật Tử.

D. Triệu Quang Phục.

Câu 13. Đâu *không* phải lý do Triệu Quang Phục rút về đầm Dạ Trạch?

A. Đây là vùng đầm lầy rộng mênh mông.

B. Ở giữa có bãi đất cao, khô ráo.

C. Đường vào bãi rất kín đáo, khó khăn.

D. Có dân cư sinh sống đông.

Câu 14. Khi vua Tùy đòi sang châu, thái độ của Lý Phật Tử như thế nào?

A. Đồng ý sang châu.

B. Lý Phật Tử đồng ý sang châu và bị vua Tùy bắt.

C. Từ chối và tích cực và chuẩn bị chống quân Tùy xâm lược.

D. Lý Phật Tử từ chối và rút quân về vùng Thanh Hóa phòng thủ.

Câu 15. Năm 791, khi nhà Đường đem quân sang đàn áp, Phùng An đã làm gì?

A. Tự tử.

B. Tiếp tục kháng chiến.

C. Đầu hàng quân Đường.

D. Bỏ trốn sang nước khác.

B. TỰ LUẬN

Câu 16. Trình bày tình hình chính trị - kinh tế nước ta dưới ách đô hộ của nhà Đường?

- Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ. Phủ đô hộ đặt ở Tống Bình, các châu, huyện do người Trung Quốc cai trị, ở miền núi do các tù trưởng địa phương tự cai quản, các hương và xã do người Việt tự cai quản.

- Nhà Đường tiến hành sửa sang đường bộ từ Trung Quốc sang Tống Bình và từ Tống Bình tới các quận huyện, xây thành, đắp lũy, tăng tiền quân số...

- Ngoài thuế ruộng đất, nhà Đường còn đặt thêm nhiều thuế mới: muối, sắt, đay, gai; tăng cường cống nạp những sản vật quý hiếm như ngọc trai, sừng tê... đặc biệt nộp cống vải (quả).

Câu 18. Nêu quá trình hình thành nước Chăm-pa?

- Thời Hán, sau khi chiếm được Giao Chỉ, Cửu Chân, quân Hán đã đánh xuống phía nam, chiếm đất của người Chăm cổ, sáp nhập vào quận Nhật Nam, đặt ra huyện Tượng Lâm.

- Cuối thế kỉ II, nhân dân Tượng Lâm, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, đã nổi dậy giành quyền độc lập. Khu Liên tự xưng làm vua, đặt tên nước là Lâm Ấp.

- Các vua Lâm Ấp thường tấn công quân sự các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ, phía bắc đến Hoành Sơn (huyện Tây Quyển), phía nam đến Phan Rang, rồi đổi tên nước là Cham-pa.

Câu 19. Hoàn thành bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kì Bắc thuộc.

TT	Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa (người lãnh đạo)	Tóm tắt diễn biến chính	Ý nghĩa
1.	Năm 40	Hai Bà Trưng	- Nổi ra ở Mê Linh nhanh chóng chiếm toàn bộ Giao Châu.	- Thể hiện ý chí đấu tranh giành lại độc lập chủ quyền của nhân dân ta. - Khẳng định thế lực phong kiến Trung Quốc không thể cai trị nhân dân ta vĩnh viễn được.
2.	Năm 248	Bà Triệu (Triệu Thị Trinh)	- Bùng nổ ở Phú Điền, lan khắp Giao Châu.	
3.	Năm 542 -602	Lí Bí	- Nổi ra ở Thái Bình, chưa đầy 3 tháng chiếm hầu hết các quận huyện. Năm 544 Lí Bí lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.	
4.	Đầu TK VIII	Mai Thúc Loan	- Nổi ra ở Hoan Châu, liên kết với nhân dân Cham pa và khắp Giao Châu chiếm được Tống Bình.	
5.	Năm 776 – 791	Phùng Hưng	- Nổi ra ở Đường Lâm nhanh chóng bao vây, tấn công Tống Bình.	

3.2. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. HS kể chuyện, nhận xét ...

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Tại sao nói giai đoạn lịch sử nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X là thời Bắc thuộc?

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trình bày

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Học bài cũ, ôn lại các bài đã học để tiết sau ôn tập chương.

Tuần 30 Ngày soạn: 16 - 04 - 2019 Ngày dạy: 18 - 04 - 2019

Tiết 30: BÀI 25: ÔN TẬP CHƯƠNG III

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Khắc sâu những kiến thức cơ bản sau

- Ghi nhớ khái quát ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta
- Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống ách Bắc thuộc.
- Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá.

2. Thái độ

- HS nhận thức sâu sắc về tinh thần đấu tranh và ý thức vươn lên của dân tộc.

3. Kỹ năng

- Bồi dưỡng kỹ năng thống kê các sự kiện theo thời gian...

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy vi tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint, hệ thống câu hỏi bài tập...
- Bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kì Bắc thuộc, tư liệu liên quan...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Bài soạn các câu hỏi....

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới:

3.1 Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, ý thức học tập, gây hứng thú để học sinh vào bài
- Phương pháp – kỹ thuật: Thuyết trình, trực quan, cá nhân, vấn đáp...
- Thời gian: (4 phút)
- Tổ chức hoạt động: Giáo viên cho học sinh quan sát hình ảnh về đền thờ của các vị tướng và các anh hùng dân tộc thời Bắc thuộc.

GV nêu câu hỏi HS trả lời: ? Em có suy nghĩ gì khi xem các bức tranh này?

- Dự kiến sản phẩm: HS trả lời:

Giáo viên nhận xét hướng HS vào bài mới:

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta

- **Mục tiêu:** Ghi nhớ khái quát ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy vi tính.

- **Thời gian:** 11 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm																		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc câu hỏi SGK mục 1. Thảo luận nhóm cặp đôi ? Tại sao gọi lịch sử nước ta từ năm 179 TCN đến TK X là thời kì Bắc thuộc? ? Tên gọi nước ta qua từng giai đoạn bị đô hộ? ? Chính sách cai trị như thế nào? Thâm hiểm nhất là gì? ? Nhân dân ta làm gì để chống lại chính sách đồng hoá dân tộc ?	- Lịch sử nước ta từ năm 179 TCN đến TK X là thời kì Bắc thuộc, vì thời gian này nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ và thống trị nên gọi là thời kỳ Bắc thuộc.																		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)	<table><tr><th>Thời gian</th><th>Tên nước</th><th>Đơn vị hành chính</th></tr><tr><td>Năm 179 TCN</td><td>Nam Việt</td><td>Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân</td></tr><tr><td>Năm 111 TCN</td><td>Châu Giao</td><td>Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam</td></tr><tr><td>Đầu thế kỷ III</td><td>Giao Châu</td><td>Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)</td></tr><tr><td>Đầu thế kỷ VI</td><td>Giao Châu</td><td>Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu</td></tr><tr><td>679 – thế kỷ X</td><td>An Nam đô hộ phủ</td><td>Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.</td></tr></table>	Thời gian	Tên nước	Đơn vị hành chính	Năm 179 TCN	Nam Việt	Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân	Năm 111 TCN	Châu Giao	Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam	Đầu thế kỷ III	Giao Châu	Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)	Đầu thế kỷ VI	Giao Châu	Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu	679 – thế kỷ X	An Nam đô hộ phủ	Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.
Thời gian	Tên nước	Đơn vị hành chính																	
Năm 179 TCN	Nam Việt	Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân																	
Năm 111 TCN	Châu Giao	Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam																	
Đầu thế kỷ III	Giao Châu	Nhà Ngô tách Châu Giao thành Quảng Châu (Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ)																	
Đầu thế kỷ VI	Giao Châu	Nhà Lương chia Âu Lạc thành 6 châu																	
679 – thế kỷ X	An Nam đô hộ phủ	Nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia Giao Châu thành 12 châu.																	
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày, phản biện.																			
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa	- Chính sách cai trị: Vô cùng thâm độc và tàn bạo, đẩy nhân dân ta vào cảnh cùng quẫn về mọi mặt. Đặc biệt chính sách thâm hiểm nhất là chúng muốn đồng hoá dân tộc ta.																		

các kiến thức đã hình thành cho HS.

2. Hoạt động 2: 2. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc.

- **Mục tiêu:** Biết được các cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống ách Bắc thuộc.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 14 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
	Thời gian	Tên cuộc KN	Người lãnh đạo	Tóm tắt diễn biến chính	Ý nghĩa
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc câu hỏi SGK mục 2. Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kỳ Bắc thuộc theo mẫu SGK. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	Năm 40	Hai Bà Trưng	Trưng Trắc, Trưng Nhị	- Mùa Xuân năm 40, Hai Bà phát động khởi nghĩa ở Mê Linh, nghĩa quân nhanh chóng chiếm được Châu Giao.	- Thể hiện ý chí đấu tranh giành lại độc lập chủ quyền của nhân dân ta. - Khẳng định thế lực phong kiến Trung Quốc không thể cai trị nhân dân ta vĩnh viễn được.
	Năm 42 – 43	Kháng chiến chống nhà Hán	Trưng Trắc, Trưng Nhị	- Tháng 4 - 42, Mã Viện mang quân đánh vào nước ta. Hai Bà Trưng kéo quân từ Mê Linh đến vùng Lãng Bạc để nghênh chiến rồi về giữ Cổ Loa và Mê Linh. Mã Viện truy đuổi, Hai Bà lui về Cẩm Khê (Ba Vi – Hà Tây) chiến đấu giữ từng tấc đất, xóm làng. Tháng 3 - 43, Hai Bà hy sinh trên đất Cẩm Khê.	
	Năm 248	Bà Triệu	Triệu Thị Trinh	- Năm 248, khởi nghĩa bùng nổ ở Phú Điền (Hậu Lộc – Thanh Hóa) rồi lan khắp Giao Châu.	
	542 – 548	Lý Bí	Lý Bí	- Năm 542, Lý Bí phát cờ khởi nghĩa. Năm 542 và 543, quân Lương 2 lần phản công nhưng thất bại. Mùa Xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), lập ra nước Vạn Xuân.	
	548 – 602	Kháng chiến chống quân	Triệu Quang Phục, Lý	- Chọn Dạ Trạch làm căn cứ, ban ngày tắt hết khói lửa, im hơi lặng tiếng. Đêm đến, nghĩa quân chèo thuyền đánh úp trại giặc, cướp vũ	

<p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho HS.</p>		Lương	Phật	khí, lương thực.	
	Năm 722	Mai Thúc Loan	Mai Thúc Loan	- Năm 550, Trung Quốc có loạn, Trần Bá Tiên về nước. Chớp thời cơ đó, nghĩa quân phản công, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.	
	776-791	Phùng Hưng	Phùng Hưng	- Mai Thúc Loan kêu gọi nhân dân khởi nghĩa, nghĩa quân nhanh chóng chiếm được Hoan Châu. Ông liên kết với nhân dân khắp Giao Châu, Chăm-pa, chiếm được thành Tống Bình.	

3. Hoạt động 3: 3. Sự chuyển biến về kinh tế - văn hóa xã hội.

- **Mục tiêu:** Nắm lại những chuyển biến về kinh tế, văn hoá.
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy vi tính.
- **Thời gian:** 10 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Yêu cầu HS đọc câu hỏi SGK mục 3. HĐ Cá nhân</p> <p>? Kinh tế nước ta thời kì Bắc thuộc như thế nào?</p> <p>? Văn hoá?</p> <p>? Các phong tục tập quán của nhân dân ta?</p> <p>? Tại sao nhân dân ta vẫn giữ được nếp sống văn hoá của dân tộc?</p> <p>? Xã hội nước ta thời Bắc thuộc có sự phân hoá như thế nào? (vẽ sơ đồ)</p> <p>- Theo em, Sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc, tổ tiên ta vẫn giữ được những phong tục, tập quán gì? ý nghĩa của điều này?</p> <p>-Hs : trả lời. điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt, tiếng nói, phong tục, tập quán, tiếng nói nếp sống của dân tộc ta không có gì tiêu diệt được.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ</p>	<p>Dự kiến sản phẩm</p> <p>a. Kinh tế</p> <p>- Nông nghiệp: Trồng lúa nước.</p> <p>- Các nghề thủ công cổ truyền được duy trì và phát triển như: gốm, dệt vải.</p> <p>- Giao lưu, buôn bán trong và ngoài nước.</p> <p>* Tóm lại kinh tế nước ta phát triển mặt dù rất chậm chạp.</p> <p>b. Văn hóa</p> <p>- Tôn giáo: Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo.</p> <p>- Chữ viết: chữ Hán.</p> <p>- Các phong tục tập quán được giữ vững.</p>

<p>thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho HS.</p>	<p>c. Xã hội: Sơ đồ các tầng lớp xã hội: sgk</p> <p>- Sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc, tổ tiên ta vẫn giữ được các phong tục, tập quán cổ truyền.</p>
--	---

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 3 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Triệu Quang Phục đã dùng chiến thuật gì để đánh quân nhà Lương?

A. Tổ chức đánh du kích.

B. Vườn không nhà trống.

C. Dụ quân địch.

D. Cướp vũ khí.

Câu 2. Chọn từ đúng để điền vào chỗ chấm...

“Một xin rửa sạch thù

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kéo oan ức lòng.....

Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”

A. Dân - này.

B. Nước - chồng.

C. Nước - dân.

D. Nợ - dân.

Câu 3. Khi nhà Hán sang cai trị, tầng lớp mới nào hình thành trong xã hội?

A. Nông dân công xã.

B. Quý tộc.

C. Quan lại đô hộ - địa chủ Hán.

D. Vua – nô tì.

Câu 4. Chính quyền đô hộ sáp nhập đất đai Âu Lạc vào lãnh thổ của Trung Quốc để

A. thôn tính nước ta cả về lãnh thổ và chủ quyền.

B. người Trung Quốc đông có thêm đất đai để ở.

C. giúp nhân dân tổ chức lại bộ máy chính quyền.

D. bắt nhân dân ta phải thần phục nhà Hán.

Câu 5. Trưng Vương đã làm gì sau khi giành lại được độc lập?

A. Tiếp tục sử dụng pháp luật nhà Hán để thống trị.

B. Yêu cầu nhân dân cống nạp của ngon vật lạ.

C. Tiếp tục thu thuế.

D. Miễn thuế hai năm liền cho nhân dân, bãi bỏ luật pháp hà khắc.

Câu 6. Công cụ của người Chăm thường được làm bằng nguyên liệu gì?

A. Đồng.

B. Gỗ.

C. Sắt.

D. Đá.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	A	B	C	A	D	C

3.2. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, nhận xét ...

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Chúng ta học tập được gì qua những tấm gương anh hùng đã học?

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:** HS trình bày

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Học bài cũ, soạn bài mới và trả lời các câu hỏi

? Trình bày những chính sách của họ Khúc và ý nghĩa của những chính sách đó?

? Trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất?

Tuần 32: Ngày soạn: 23 - 04 - 2019

Ngày dạy: 25 - 04 - 2019

Tiết 32: Bài 26. CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH QUYỀN TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC, HỌ DƯƠNG.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được hoàn cảnh Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ.
- Hiểu được ý nghĩa những việc làm của Khúc Thừa Dụ: chấm dứt trên thực tế ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.
- Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ.
- Giải thích "Vì sao Khúc Thừa Dụ được phong làm Tiết độ sứ?".

2. Thái độ

- Giáo dục HS lòng biết ơn tổ tiên, những người anh hùng đã có công giành lại chủ quyền, độc lập hoàn toàn cho đất nước.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng đọc bản đồ lịch sử, phân tích, nhận định, đánh giá sự kiện lịch sử.
- Kỹ năng trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện lịch sử.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.
- Sử dụng lược đồ trong SGK, hình 54 trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán; lập niên biểu cuộc kháng chiến.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp ...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán.
- Đọc các tài liệu, những mẫu chuyện liên quan đến bài học.
- Bảng phụ/phiếu học tập...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Bài soạn các câu hỏi....

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là biết được hoàn cảnh, kết quả của cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc và cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.

- Thời gian: 3 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về họ Khúc và Dương Đình Nghệ.

? Em biết gì về các bức ảnh trên?

? Những hình ảnh trên gắn liền với cuộc kháng chiến nào trong thời kỳ Bắc thuộc.

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về Khúc Thừa Dụ...và Dương Đình Nghệ trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Sau hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của nhà Đường, tình hình nhà Đường ở Trung Quốc có nhiều biến động. Trước tình hình đó, nhân dân ta đã làm gì để giành quyền tự chủ? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc

- **Mục tiêu:** Nhận biết và ghi nhớ hoàn cảnh, kết quả của cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc.

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy tính.

- **Thời gian:** 11 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1. Thảo luận nhóm cặp đôi, trả lời câu hỏi sau:</p> <p>? Khúc Thừa Dụ dựng quyền tự chủ trong hoàn cảnh nào? Kết quả của cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở</p> <p>? Khúc Thừa Dụ nổi dậy dựng quyền tự chủ như thế nào?</p> <p>? Theo em việc vua Đường phong cho Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ có ý nghĩa gì?</p> <p>- TDS là chức quan của nhà Đường thể hiện quyền thống trị của nhà Đường đối với An Nam nay phong cho Khúc Thừa Dụ để chứng tỏ An nam vẫn thuộc nhà Đường.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>- Cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu bởi các cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra (đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào).</p> <p>- Giữa năm 905, Tiết độ sứ An Nam là Độc Cô Tôn bị giáng chức, lợi dụng cơ hội đó, được sự ủng hộ của nhân dân, Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm Tổng Bình rồi tự xưng Tiết độ sứ, xây dựng một chính quyền tự chủ.</p> <p>- Đầu năm 906, vua Đường buộc phải phong cho Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ.</p>
---	--

2. Hoạt động 2: 2. Những việc làm của họ Khúc và ý nghĩa

- **Mục tiêu:** Trình bày được những chính sách của họ Khúc và ý nghĩa của những chính sách đó

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy tính.

- **Thời gian:** 10 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1. Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi sau:</p> <p>? Trình bày những chính sách của họ Khúc và ý nghĩa của những chính sách đó?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>? Sau khi Khúc Thừa Dụ mất Khúc Hạo lên thay đã thực hiện</p>	<p>- Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con trai là Khúc Hạo lên thay.</p> <p>- Họ Khúc đã đặt lại các khu vực hành chính, cử người trông coi mọi việc đến tận xã; xem xét và định lại mức thuế,</p>

<p>những cái cách gì?</p> <p>- Dựa vào SGK trả lời.</p> <p>GV Phân tích từng công việc.</p> <p>? Những việc làm của Khúc Hạo nhằm mục đích gì? Có ý nghĩa gì?</p> <p>- Nhằm mục đích xây dựng chính quyền độc lập dân tộc, giảm bớt sự đóng góp của dân. Chúng ta đất nước ta đã giành được quyền tự chủ, đó là bước mở đầu của giai đoạn chuyển tiếp sang thời kỳ độc lập hoàn toàn.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>bãi bỏ các thứ lao dịch thời Bắc thuộc, lập lại sổ hộ khẩu...</p> <p>- Chúng ta người Việt tự cai quản và tự quyết định tương lai của mình, chấm dứt ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: 3. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ (930 - 931)

- **Mục tiêu:** Trình bày được diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy tính.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2-SGK. Quan sát lược đồ trong SGK, hình 54</p> <p>? Trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở (các câu hỏi này có thể gợi ý trong phần trình bày của các nhóm)</p> <p>- GV Bọn phong kiến phương Bắc tuy đã suy yếu nhưng vẫn chưa từ bỏ ý định thống trị nước ta. Do vậy nhà Nam Hán chuẩn bị xâm lược nước ta. Biết được dã tâm đó Khúc Hạo đã chủ động đối phó, gửi con trai mình sang làm con tin.</p> <p>? Khúc Hạo gửi con trai mình sang làm con tin nhằm mục đích gì?</p> <p>- Lúc này nền tự chủ mới được xây dựng, thực lực còn non yếu.</p>	<p>- Năm 917, Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay. Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang xâm lược nước ta. Khúc Thừa Mĩ chống cự không nổi, bị bắt đem về Trung Quốc, Nhà Nam Hán thiết lập ách thống trị nước ta, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình.</p> <p>- Năm 931, Dương Đình Nghệ, đem</p>

<p>Cho nên đề đối phó với quân nam Hán. Khúc Hạo muốn có thời gian hoà hoãn để chuẩn bị thực lực kháng chiến lâu dài.</p> <p>? Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán diễn ra như thế nào?</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>- GV: tuy nhà Hán đặt lại bộ máy cai trị nhưng Ái châu (Thanh Hoá) xa Tống Bình nên sự cai quản của chúng lỏng lẻo hơn. Vì thế Dương Đình Nghệ đã chuẩn bị cơ sở kháng chiến ở Thanh Hoá.</p> <p>? Sau khi lấy được thành Tống Bình, viện binh quân Nam Hán sang, Dương Đình Nghệ đánh quân Nam Hán như thế nào?</p> <p>- HS trình bày trên lược đồ.</p> <p>? Những việc làm của họ Khúc và họ Dương có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>- Việc giành lại, bảo vệ, xây dựng nền tự chủ của họ Khúc & họ Dương là cơ sở, nền móng cho nhân dân dân ta tiến lên giành độc lập hoàn toàn.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p><i>GDMT: Sử dụng lược đồ để trình bày các sự kiện, nhận thấy tinh thần chiến tranh anh dũng, thông minh sáng tạo của tổ tiên.</i></p> <p><i>Những di tích lịch sử liên quan đến các sự kiện, nhân vật trong bài</i></p>	<p>quân từ Thanh Hoá tấn công và chiếm được Tống Bình. Quân tiếp viện của Nam Hán vừa đến đã bị đánh tan. Dương Đình Nghệ tự xưng Tiết độ sứ, Tiếp tục xây dựng đất nước tự chủ.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 3 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1: Tiết độ sứ là chức quan cai quản

A. nhiều châu quận.

B. vùng Giao Châu

C. một châu ở miền núi.

D. đại diện cho vua Đường ở các tỉnh.

Câu 2: Sau khi đánh thắng quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ đã làm gì?

A. Lên ngôi vua, xây dựng chế độ phong kiến.

B. Tự xưng Tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ.

C. Lên ngôi hoàng đế, đem quân sang đánh nhà Hán.

D. Tự mình sang châu vua Nam Hán để xin thần phục.

Câu 3: Nhà Nam Hán đã cử ai sang làm Thứ sử Giao Châu?

A. Lưu Ân.

B. Tô Định.

C. Lý Tiến.

D. Lưu Hoảng Tháo.

Câu 4: Quân Nam Hán tiến đánh nước ta vào thời gian nào?

- A. Năm 904. B. Năm 905. C. Năm 930. D. Năm 931.

Câu 5: Vua Đường phong chức Tiết độ sứ An Nam đô hộ cho Khúc Thừa Dụ đầu năm 906 chứng tỏ

- A. triều đình nhà Đường đã công nhận nền tự chủ của An Nam đô hộ.
B. nhà Đường đã có sự thay đổi trong chính sách cai trị An Nam đô hộ.
C. nhà Đường rất coi trọng Khúc Thừa Dụ.

D. An Nam đô hộ vẫn thuộc nhà Đường.

Câu 6: Người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán lần thứ nhất là

- A. Khúc Thừa Dụ. B. Khúc Hạo.
C. Dương Đình Nghệ. D. Ngô Quyền.

Câu 7: Hãy nối các cột cho phù hợp

Thời gian	Sự kiện	Nối
1. Đầu năm 906	A. vua Đường buộc phải phong Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ An Nam đô hộ.	A. 1-A, 2-C, 3- D, 4-B.
2. Năm 907	B. Dương Đình Nghệ đem quân từ Thanh Hoá ra Bắc bao vây, tấn công thành Tống Bình.	B. 1-A, 2- C, 3- D, 4-C.
3. Năm 917	C. Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc Hạo lên thay.	C. 1-B, 2-D, 3- A, 4-C.
4. Năm 931	D. Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay, tiếp tục sự nghiệp của cha	D. 1-C, 2-D, 3- A, 4-B.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
ĐA	A	B	C	C	D	C	A

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- **Phương thức tiến hành:** Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Câu 1. Lập niên biểu cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo?

Câu 2. Nhận xét về tinh thần đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc và cuộc kháng chiến của Dương Đình Nghệ?

- Đã lật đổ ách thống trị tàn bạo dã man của nhà Đường.
- Đánh dấu thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc.

- Mưu trí, biết chớp thời cơ để lật đổ nhà Đường.

- Được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- **Thời gian:** 3 phút.

- **Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1.

Thời gian	Sự kiện
- Năm 917.	Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay.
- Mùa thu năm 930.	Quân Nam Hán sang xâm lược. Khúc Thừa Mĩ bị bắt đem về Trung Quốc.
- Năm 931.	Dương Đình Nghệ tấn công và chiếm được Tống Bình tự xưng Tiết

độ sứ, tiếp tục xây dựng đất nước tự chủ.

Câu 2. - Đã lật đổ ách thống trị tàn bạo dã man của nhà Đường.

- Đánh dấu thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc.

- Mưu trí, biết chớp thời cơ để lật đổ nhà Đường.

- Được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài, hoàn thành các bài tập.

+ Soạn bài 27, trả lời những câu hỏi SGK, tìm hiểu về Ngô Quyền, tường thuật diễn biến chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

+ Sưu tầm tranh ảnh, tìm đọc tài liệu liên quan đến bài học.

Tuần 33: Ngày soạn: 30 - 4 - 2019

Ngày dạy: 02- 5- 2019

Tiết 33: Bài 27: NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 938.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết đến khi Ngô Quyền mang quân từ Ái Châu (Thanh Hoá) ra Bắc, chuẩn bị chống quân xâm lược.
- Trận đánh trên sông Bạch Đằng của quân ta: diễn biến, kết quả và ý nghĩa.
- Nhận xét về kế hoạch của Ngô Quyền.

2. Thái độ

- Giáo dục học sinh lòng tự hào và ý chí quật cường của dân tộc.
- Giáo dục cho HS lòng kính yêu Ngô Quyền, người anh hùng dân tộc có công lao to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc “Ông tổ phục hưng nền độc lập dân tộc Việt nam”.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện phương pháp mô tả sự kiện, kỹ năng đọc bản đồ lịch sử, phân tích, nhận định, đánh giá một sự kiện lịch sử, rút ra bài học kinh nghiệm..

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt:** - Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.
 - Tìm hiểu vài nét về tiểu sử của Ngô Quyền, khai thác hình 55 trong SGK để biết về việc chuẩn bị trận đánh trên sông Bạch Đằng.

II. Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, phân tích, tổng hợp, tường thuật...

III. Phương tiện

- Ti vi.
- Máy tính.

IV. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word và Powerpoint.
- Bản đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
- Đọc các tài liệu, những mẫu chuyện liên quan đến bài học.
- Bảng phụ, tranh ảnh...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Bài soạn các câu hỏi....

V. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: (linh động)

3. Bài mới

3.1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là biết được tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết và những việc làm của Ngô Quyền để giành lại độc lập cho dân tộc, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn.
- Thời gian: 4 phút.

- Tổ chức hoạt động: GV trực quan một số hình ảnh về Ngô Quyền và cuộc kháng chiến năm 938.

? Em biết gì về các bức ảnh trên?

- Dự kiến sản phẩm: Là hình ảnh về Ngô Quyền và cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Công cuộc dựng nền tự chủ của họ Khúc, họ Dương đã kết thúc ách đô hộ hàng nghìn năm của các thế lực phong kiến đối với nước ta về mặt danh nghĩa, việc này đã làm cơ sở cho nhân dân ta tiến lên giành độc lập lâu dài và Ngô Quyền đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó bằng một trận quyết chiến chiến lược trên sông Bạch Đằng. Như vậy, cuộc chiến này diễn ra như thế nào, kết quả ra sao chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu bài mới.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hoạt động 1: 1. Tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết đến khi Ngô Quyền mang quân từ Ai Châu (Thanh Hoá) ra Bắc

- **Mục tiêu:** Biết được tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết và những việc làm của Ngô Quyền

- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm.

- **Phương tiện**

+ Ti vi.

+ Máy tính.

- **Thời gian:** 15 phút

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 1. Thảo luận nhóm (6 nhóm), trả lời câu hỏi sau:</p> <p>+ Nhóm 1+2</p> <p>? Em biết gì về Ngô Quyền?</p> <p>? Theo em Ngô Quyền kéo quân ra bắc làm gì?</p> <p>+ Nhóm 3+4</p> <p>? Được tin Ngô Quyền kéo quân ra bắc, Kiều Công Tiễn đã làm gì?</p> <p>? Vì sao Kiều Công Tiễn cầu cứu quân Nam Hán, hành động đó cho thấy điều gì?</p> <p>+ Nhóm 5+6</p> <p>? Kế hoạch của quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ 2 như thế nào?</p> <p>? Ngô Quyền chuẩn bị đánh quân Nam Hán như thế nào?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở</p> <p>- GV: Trích dẫn câu nói của Ngô Quyền:</p> <p>“Nếu ta sai người đem cọc lớn, đẽo nhọn đầu & bịt sắt đóng ở</p>	<p>- Năm 937, Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ. Được tin đó, Ngô Quyền kéo quân ra Bắc.</p> <p>- Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán. Năm 938, Nam Hán đem quân sang xâm lược nước ta lần thứ hai.</p> <p>- Ngô Quyền vào thành Đại La (Tổng Bình) bắt giết Kiều Công Tiễn, khẩn trương chuẩn bị chống xâm lược.</p> <p>- Chuẩn bị cho trận chiến trên sông sông</p>

<p>cửa biển trước, nhân khi nước triều lên, thuyền của họ tiến vào trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề chế ngự, không có kế gì hay hơn kế đó cả” và nói về sự chuẩn bị của ta.</p> <p>- GV treo lược đồ hỏi: Vì sao Ngô Quyền quyết định tiêu diệt quân Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng?</p> <p>- GV: Giải thích thêm sự chủ động & độc đáo: Bố trí trận địa bãi cọc ngầm trên sông chỗ nào là hợp lý nhất.</p> <p>? Em có nhận xét gì về kế hoạch của Ngô Quyền?</p> <p>- HS: Trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p>	<p>Bạch Đằng: đóng hàng nghìn cọc đều nhọn và có bịt sắt...</p>
---	---

2. Hoạt động 2: 2. Trận đánh trên sông Bạch Đằng của quân ta

- **Mục tiêu:** Ghi nhớ diễn biến chính trận đánh trên sông Bạch Đằng và ý nghĩa
- **Phương pháp:** Trực quan, phát vấn, thuyết trình, nhóm, tường thuật.
- **Phương tiện**
 - + Ti vi.
 - + Máy tính.
- **Thời gian:** 19 phút
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc mục 2. Quan sát lược đồ H55 – SGK, thảo luận nhóm cặp đôi trả lời câu hỏi sau:</p> <p>? Trình bày diễn biến của chiến thắng Bạch Đằng?</p> <p>? Kết quả trận đánh như thế nào?</p> <p>? Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>? Vì sao nói trận Bạch Đằng năm 938 là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta?</p> <p>? Ngô Quyền có công như thế nào trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán lần thứ hai?</p> <p>- HS: Trả lời</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở</p> <p>? Hiện nay để ghi nhớ công ơn của Ngô Quyền thì chúng ta đã làm gì?</p> <p>- HS: Xây lăng, nhiều tên trường, đường phố mang tên ông.</p> <p>- GV: Cho HS xem tranh lăng Ngô Quyền, hướng dẫn HS phân</p>	<p>*Diễn biến:</p> <p>- Cuối năm 938, đoàn thuyền quân Nam Hán do Lưu Hoảng Tháo chỉ huy tiến vào vùng biển nước ta. Lúc nước triều đang dâng cao, quân ta đánh như giặc vào cửa sông Bạch Đằng.</p> <p>- Khi nước triều rút, ta tấn công, địch rút chạy, thuyền xô vào cọc nhọn... Hoảng Tháo bị giết tại trận.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>- Trận Bạch Đằng</p>

<p>tích câu nói của Lê Văn Hưu trang 77.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Các nhóm trình bày, phản biện.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.</p> <p><i>GDMT: Sử dụng lược đồ để trình bày các sự kiện, nhận thấy tinh thần chiến tranh anh dũng, thông minh sáng tạo của tổ tiên.</i></p> <p><i>Những di tích lịch sử liên quan đến các sự kiện, nhân vật trong bài.</i></p> <p>- Giảng thêm: Hiện nay trong nhân dân có rất nhiều di tích lịch sử có giá trị nhưng các di tích này bị dân cư xâm lấn và có nguy cơ trở thành phế tích.</p> <p>- Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ các di tích này?</p> <p>*HS: Trả lời</p> <p>GV: Hiện nay việc giữ gìn, bảo vệ di sản trong văn hóa trong dân cư còn quá ít. Vì vậy chúng ta cần tuyên truyền thường xuyên các kiến thức liên quan đến các di sản để mọi người nhận thức về giá trị của nó và họ sẽ không xâm phạm hủy hoại di tích.</p>	<p>của Ngô Quyền kết thúc hoàn toàn thắng lợi.</p> <p>*Ý nghĩa:</p> <p>- Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc.</p> <p>- Khẳng định nền độc lập lâu dài của Tổ quốc.</p>
---	--

3.3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở các hoạt động của bài.

- **Thời gian:** 4 phút

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Ai là người chỉ huy đánh thắng trận chiến trên sông Bạch Đằng với quân Nam Hán vào năm 938?

- A. Trần Hưng Đạo. B. Quang Trung.
C. Trần Quốc Tuấn. D. Ngô Quyền.

Câu 2. Tại sao Dương Đình Nghệ chết?

- A. Bị bệnh chết. B. Đánh quân Nam Hán bị trúng tên độc.
C. Bị Kiều Công Tiễn giết. D. Bị Ngô Quyền giết.

Câu 3. Đâu *không* phải là kế hoạch của Ngô Quyền chuẩn bị đánh quân Nam Hán?

- A. Tìm hiểu chế độ thủy triều ở cửa sông Bạch Đằng.
B. Chủ động đón đánh quân Nam Hán.
C. Bố trí bãi cọc ngầm ở lòng sông Bạch Đằng.

D. Cho con trai sang nhà Nam Hán làm con tin để cầu hòa.

Câu 4. Trong chiến thắng Bạch Đằng, tinh nhân dân thể hiện ở điểm nào?

- A. Thực hiện vườn không nhà trống.
B. Trong một thời gian ngắn, một khối lượng lớn cây rừng được đem về đóng xuống lòng sông nhưng đối phương không hay biết.

C. Thực hiện đánh nhanh thắng nhanh.

D. Mua được khối lượng sắt lớn để bịt đầu nhọn của cọc.

Câu 5. Vì sao lại nói chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta?

A. Sử dụng chiến lược, chiến thuật đúng đắn.

B. Khẳng định tinh thần chiến đấu ngoan cường của dân tộc.

C. Trung Quốc không bao giờ dám đem quân đánh nước ta một lần nữa.

D. Đập tan ý chí xâm lược của quân Nam Hán.

Câu 6. Vì sao nói lịch sử nước ta từ năm 179 – TCN đến năm 938 là thời kỳ Bắc thuộc?

A. Vì nhà Nam Hán thống trị.

B. Bị nhà Đường đô hộ.

C. Luôn bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ, thống trị.

D. Nước ta luôn bị nhà Ngô bóc lột.

Câu 7. Quân Nam Hán thất bại khi xâm lược nước ta vì

A. Hoảng Tháo, tướng chỉ huy giặc bị giết chết.

B. thuyền của quân Nam Hán vào đến cửa biển nước ta gặp bão nên phải rút về

C. vua Nam Hán hạ lệnh thu quân về nước.

D. quân ta mai phục đánh tan quân Nam Hán ngay sông trên sông Bạch Đằng.

Câu 8. Tại sao Ngô Quyền lại chọn sông Bạch Đằng để bố trí bãi cọc?

A. Sông có sự chênh lệch rất lớn giữa mực nước lúc nước triều lên và lúc nước triều xuống.

B. Sông có rất nhiều ghềnh đá nằm ngầm dưới nước đã làm đắm nhiều tàu thuyền.

C. Sông có sóng to gió lớn.

D. Sông dễ ra vào.

- Dự kiến sản phẩm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	D	C	D	B	D	C	D	A

3.4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- Phương thức tiến hành: Câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Câu 1: ? Lập bảng thống kê những sự kiện lớn đáng ghi nhớ của lịch sử nước ta từ khi dựng nước đến năm 938.

Câu 2: Nhận xét về cách đánh của Ngô Quyền ở sông Bạch Đằng.

- Thời gian: 3 phút.

- Dự kiến sản phẩm: HS

Câu 1: Lập bảng thống kê.

Câu 2: Ngô Quyền có cách đánh giặc táo bạo và tài tình, chọn cách đánh chủ động và bất ngờ gây cho địch nhiều tổn thất và hoang mang, tránh được tổn thất lớn cho quân ta và nhanh chóng giành được thắng lợi thống nhất đất nước.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Học bài, hoàn thành các bài tập.

+ Xem lại từ bài 17 – bài 27, chuẩn bị tiết sau ôn tập.

Ngày soạn: 07/5/2019

Ngày dạy: 09/5/2019

Tiết 34

Bài 28 ÔN TẬP.

1. MỤC TIÊU:

1.1. Kiến thức: Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam.

- Các giai đoạn của lịch sử Việt Nam từ thời Văn Lang –Au Lạc.
- Những thành tựu tiêu biểu.
- Những cuộc kháng chiến, anh hùng tiêu biểu của dân tộc thời kì này.

1.2. Kỹ năng: Hệ thống hoá kiến thức.

1.3. Thái độ: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

2. NỘI DUNG HỌC TẬP:

Thời kì đấu tranh chống Bắc Thuộc

3. CHUẨN BỊ:

3.1. Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

3.2. Học sinh: Sách giáo khoa, Chuẩn bị bài.

4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

4.1. Ổn định lớp và kiểm diện:

4.2. Kiểm tra miệng: 4’.

+ Chọn ý đúng: Người giết Dương Đình Nghệ đoạt chức là:

@. Kiều Công Tiễn.

b. Lưu Hoằng Tháo.

+ Nêu Chiến thắng Bạch Đằng năm 938?

- Diễn biến: Năm 938 Hoàng Tháo kéo quân sang nước ta Ngô Quyền cho người ra nghênh chiến như địch vào sâu trong bãi cọc ngầm, khi đó thủy triều lên nên cọc ngập nước khi thủy triều rút Ngô Quyền đốc toàn lực đánh quật trở lại.

- Kháng chiến giành thắng lợi.

- ý nghĩa: Chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc mở ra thời kì độc lập lâu dài.

4.3. Tiến trình bài học: 35’.

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ.	NỘI DUNG.
<p>Giới thiệu bài mới.</p> <p>** Hệ thống hoá kiến thức toàn bài.</p> <p>Hoạt động 1.</p> <p>- Giáo viên: lịch sử nước ta đã học từ khi hình thành – thế kỉ X đây là giai đoạn quan trọng đối với chúng ta.</p> <p>+ Lịch sử thời kì này đã trải qua những giai đoạn nào?</p> <p>TL:</p> <p>Chuyển ý.</p> <p>Hoạt động 2.</p> <p>+ Thời dựng nước đầu tiên diễn ra vào thời gian nào?</p> <p>TL: Từ thế kỉ VII.</p> <p>+ Tên nước đầu tiên là gì?</p> <p>TL: Văn Lang.</p> <p>+ Vị vua đứng đầu là ai?</p> <p>TL: Hùng Vương.</p> <p>Chuyển ý.</p> <p>Hoạt động 3</p> <p>+ Nêu ý nghĩa khởi nghĩa Hai Bà Trưng?</p> <p>TL:</p> <p>+ Ý nghĩa khởi nghĩa Bà Triệu?</p> <p>TL:</p> <p>+ Nêu ý nghĩa lịch sử khởi nghĩa Lí Bí?</p>	<p><u>1. Những giai đoạn lớn của lịch sử nước ta:</u></p> <p>- Thời kì nguyên thủy.</p> <p>- Thời kì dựng và giữ nước.</p> <p>- Thời kì đấu tranh chống lại ách thống trị của phong kiến phương Bắc.</p> <p><u>2. Thời kì dựng nước đầu tiên diễn ra vào thời gian nào? Tên nước?</u></p> <p>- Thời kì dựng nước bắt đầu từ thế kỉ VII TCN.</p> <p>- Tên nước là Văn Lang.</p> <p>- Hùng Vương là vị vua đầu tiên.</p> <p><u>3. Nêu ý nghĩa những cuộc khởi nghĩa lớn</u></p> <p>- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng báo hiệu các thế lực phong kiến không thể vĩnh viễn cai trị nước ta.</p> <p>- Khởi nghĩa Bà Triệu tiếp tục đấu tranh giành độc lập.</p>

<p>TL:</p> <p>+ Nêu ý nghĩa khởi nghĩa Mai Thúc Loan?</p> <p>TL:</p> <p>+ Nêu ý nghĩa cuộc khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ?</p> <p>TL:</p> <p>+ Nêu ý nghĩa khởi nghĩa của Dương Đình Nghệ?</p> <p>TL:</p> <p>+ Nêu ý nghĩa chiến thắng Bạch Đằng?</p> <p>TL:</p> <p>Chuyển ý. Hoạt động 4.</p> <p>+ Sự kiện nào chứng tỏ thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc?</p> <p>TL:</p> <p>Chuyển ý. Hoạt động 5</p> <p>+ Kể tên những vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc?</p> <p>TL:</p>	<p>- Khởi nghĩa Lí Bí dựng nước Vạn xuân và xưng đế.</p> <p>- Khởi nghĩa Mai Thúc Loan thể hiện tinh thần đấu tranh kiên cường cho độc lập dân tộc.</p> <p>- Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ.</p> <p>- Dương Đình Nghệ đánh tan quân Nam Hán lần thứ 1.</p> <p>- Chiến thắng Bạch Đằng 938 mở đầu thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.</p> <p><u>4. Sự kiện chứng tỏ thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp giành lại độc lập cho tổ quốc:</u></p> <p>- Chiến thắng Bạch Đằng 938.</p> <p><u>5. Kể tên những vị anh hùng dân tộc:</u></p> <p>- Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Bí, Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền.</p>
--	---

4.4. Tổng kết: 4 phút - Giáo viên đánh giá tiết ôn tập.

- Gọi học sinh lên trình bày một số cuộc khởi nghĩa trên bản đồ.

4.5. Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà: 1 phút .- Tự xem lại các kiến thức đã học.

- Chuẩn bị giờ sau thi học kì II.